CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG TƯ VẤN THIẾT KẾ

Số: 01/MDC-NB

Vv: Tư vấn thiết kế lập hồ sơ thẩm duyệt Hệ thống phòng cháy chữa cháy khu giảng đường, thí nghiệm và Ký túc xá Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2014;

Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Luật PCCC số 27/2001/QH10 ngày 29/06/2001 và Luật số 40/2013/QH13 ngày 22/11/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC;

Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ qui định chi tiết về việc thi hành một số điều khoản của Luật PCCC; Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 136/2020/NĐ-CP;

Thông tư số 08/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng tư vấn xây dựng; QCVN 06:2020/BXD; QCVN 06:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình;

Quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành PCCC hiện hành;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng về Công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Biên bản thương thảo Hợp đồng số: 01/MDC-NB ngày 24/04/2023 giữa Trường Đại học Mỏ - Địa chất và Công ty Cổ phần NB Thịnh Vượng;

Căn cứ vào Quyết định số: 421/QĐ-MĐC ngày 24 tháng 04 năm 2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc chỉ định đơn vị thực hiện công tác Tư vấn thiết kế lập hồ sơ thẩm duyệt hệ thống PCCC khu giảng đường, thí nghiệm và ký túc xá Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào nhu cầu, khả năng của bên giao thầu và bên nhận thầu.

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 05 tháng 5 năm 2023 tại Trường Đại học Mỏ - Địa Chất, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

BÊN A (BÊN GIAO THẦU): TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Địa chỉ:	Số 18 phố Viên - P.Đức Thắng - Q.Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội	
Số điện thoại:	0243.8383312	Fax: 0243.8383312
Mã số thuế:	0101689386	
Tài khoản:	3716.1.1055493	tại: Kho bạc Nhà nước Nam Từ Liêm
Người đại diện:	GS.TS Trần Thanh Hải	Chức vụ: Hiệu trưởng

BÊN B (BÊN NHẬN THẦU): CÔNG TY CỔ PHẦN NB THỊNH VƯỢNG

Địa chỉ: Số 8 Tổ 4 - Thị trấn Đông Anh – H.Đông Anh - TP.Hà Nội

Số điện thoại: 024.383 99777

Mã số thuế: 0106952062

Tài khoản: 0311100593004 tại: Ngân hàng MBBank - CN Đông Anh

Người đại diện: Ông Nguyễn Văn Nhạc Chức vụ: Giám đốc

Các bên thống nhất thỏa thuận các nội dung như sau:

Điều 1. Nội dung công việc của Hợp đồng

Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện công việc: Tư vấn thiết kế lập hồ sơ thẩm duyệt hệ thống Phòng cháy chữa cháy khu giảng đường, thí nghiệm và Ký túc xá Trường Đại học Mỏ - Địa chất tại địa chỉ phường Cổ Nhuế, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội, bao gồm các công việc chính như sau:

- Khảo sát hiện trạng, lập hồ sơ thiết kế thi công, thuyết minh thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy (PCCC);

- Tư vấn thủ tục thẩm duyệt, giải trình và bảo vệ thiết kế đến khi Cảnh sát PCCC Hà Nội cấp Giấy Chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy cho hạng mục công trình;

- Thay mặt Bên A nộp Hồ sơ thiết kế cho Cơ quan thẩm duyệt và giải trình thiết kế khi có yêu cầu;

- Thời gian thực hiện hợp đồng theo tiến độ thực hiện thực tế, **không quá 90 ngày kể từ ngày hai bên ký hợp đồng**.

Điều 2. Chất lượng và số lượng sản phẩm của hợp đồng

- Chất lượng sản phẩm: Hồ sơ thiết kế thi công, thuyết minh thiết kế hệ thống PCCC cho hạng mục công trình phải đáp ứng được yêu cầu của Bên A, phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên, phải tuân thủ theo các qui định hiện hành của Nhà nước và các qui trình, qui phạm pháp luật hiện hành về thiết kế, cụ thể phải đảm bảo được các yêu cầu của các Sơ, Ban, ngành và UBND TP Hà Nội, phải đầy đủ nội dung để trình thẩm tra, thẩm định và Chủ đầu tư phê duyệt, phải tuân thủ các tiêu chuẩn, qui chuẩn kỹ thuật hiện hành của Nhà nước về thiết kế xây dựng công trình và các qui định chuyên ngành về PCCC; đảm bảo đủ điều kiện để Cảnh sát PCCC Hà Nội cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC cho hạng mục công trình. Trong trường hợp Bên A liệt kê thiếu tên hạng mục trong thiết kế hệ thống PCCC, Bên B phải có trách nhiệm lập tiếp hồ sơ theo qui định của hợp đồng này.

- Số lượng sản phẩm:

+ Bên B cung cấp hồ sơ theo yêu cầu thẩm duyệt của Cảnh sát PCCC Hà Nội.

+ Bên B cung cấp thêm 08 bộ hồ sơ cho mỗi hạng mục (trong đó 01 bộ gốc chữ ký tươi rõ nét không đóng dấu bản giấy, 07 bộ photocopy từ bộ gốc có chữ ký tươi và đóng dấu của Bên B và 01 bộ file mềm scan đầy đủ của bộ chữ ký tươi rõ nét gửi qua

email) để phục vụ công tác thẩm tra thiết kế và thi công PCCC gồm: hồ sơ thiết kế thi công, thuyết minh thiết kế;

Điều 3. Giá hợp đồng và tiến độ thanh toán hợp đồng

3.1. Giá Hợp đồng:

- Giá hợp đồng (đã bao gồm VAT)

+ Bằng số: 480.953.167 đồng.

+ Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi triệu chín trăm năm mươi ba nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng

- Hình thức hợp đồng: Trọn gói (theo giá trị quyết toán công trình).

3.2. Tiến độ thanh toán:

- Bên A thanh toán 100% giá trị hợp đồng cho Bên B trong vòng 15 ngày ngay sau khi Bên A nhận được hồ sơ đề nghị thanh toán bao gồm:

+ Giấy Đề nghị thanh quyết toán của Bên B;

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Hà Nội cho hạng mục thiết kế;

+ Bộ bản vẽ thi công được đóng dấu thẩm duyệt thiết kế về PCCC;

+ Hóa đơn GTGT;

+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành đã ký đầy đủ các bên của hồ sơ thiết kế;

+ Biên bản thanh lý hợp đồng.

- Hình thức thanh toán: chuyển khoản

- Đồng tiền thanh toán: đồng Việt Nam

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

4.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- Sở hữu và sử dụng các sản phẩm tư vấn theo hợp đồng;

- Cung cấp hồ sơ, tài liệu của công trình liên quan đến công việc tư vấn qui định tại Điều 1 của hợp đồng cho Bên B;

- Phối hợp với Bên B trong các phần việc có liên quan đến hợp đồng;

- Nghiệm thu, thanh lý và thực hiện thanh quyết toán theo Điều 3 của hợp đồng.

4.2. Quyền và nghĩa cụ của Bên B:

- Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn theo thỏa thuận hợp đồng;

- Được quyền yêu cầu Bên A thanh toán đúng hạn theo Điều 3 của hợp đồng;

- Có trách nhiệm tổ chức thực hiện công việc tư vấn theo đúng nội dung và khối lượng công việc đã thỏa thuận tại Điều 1 của hợp đồng, Bên B thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thanh công việc theo hợp đồng và đề xuất các giải pháp thực hiện;

- Đảm bảo sản phẩm tư vấn phù hợp với yêu cầu của Bên A và đáp ứng đầy đủ các qui định, qui phạm hiện hành của Nhà nước về xây dựng công trình, các qui định

chuyên ngành về PCCC, chịu trách nhiệm đối với nội dung và chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình trước pháp luật và Bên A;

- Bố trí đủ số cán bộ có trình độ, năng lực và kinh nghiệm phù hợp với công việc;

- Trình bầy, bảo vệ thiết kế điều chỉnh với Bên A, cơ quan thẩm định và cấp thẩm quyền phê duyệt;

- Tư vấn cho Bên A các hạng mục liên quan như: Kiến trúc, điện, nước được đảm bảo theo tiêu chuẩn về PCCC và thoát nạn;

- Hoàn thành đúng tiến độ và bàn giao các sản phẩm hợp đồng cho Bên A;

- Bồi thường thiệt hại do cung cấp thông tin, tài liệu không phù hợp và các hành vị vi phạm gây thiệt hại do lỗi của mình gây ra;

- Phối hợp cùng Bên A giải trình các vấn đề liên quan khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước về thanh tra, kiểm toán và thẩm tra quyết toán vốn đầu tư; thực hiện nghiêm chỉnh các kết luận của thanh tra, kiểm toán và quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 5. Chấm dứt hợp đồng

Hợp đồng được chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Khi các bên thực hiện đầy đủ trách nhiệm được qui định trong hợp đồng;

- Theo thỏa thuận của hai bên;

- Đơn phương chấm dứt hợp đồng: Một bên có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu chứng minh được bên kia đã có vi phạm trong việc thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm đã qui định trong hợp đồng và không có bất kỳ biện pháp khắc phục nào trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của bên bị vi phạm. Trong trường hợp này, bên vi phạm phải bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế và trực tiếp cho bên bị vi phạm.

Điều 6. Điều khoản chung

- Nhà thầu sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc qui định trong hợp đồng mà không cần phải xin phép nhà thầu.

- Nhà thầu phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do nhà thầu thực hiện và cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

- Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

- Hai bên cam kết thực hiện các điều khoản đã thống nhất trên, trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh hoặc thay đổi, hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc giải quyết.

- Mọi tranh chấp phát sinh liên quan đến hợp đồng phải được hai bên thương lượng để giải quyết. Nếu không tự hòa giải được sẽ đưa ra xét xử tại Tòa án có thẩm

quyền. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cung, bên thua phải chịu án phí theo kết quả phán quyết của Tòa án.

- Các bên đồng ý với tất cả các Điều, Khoản quy định và điều kiện của hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

- Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của hợp đồng.

- Hợp đồng này có hiêu lực kể từ ngày ký.

- Hợp đồng gồm 06 trang bằng tiếng Việt và được lập thành 08 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữa 06 bản, Bên B giữa 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT	M.S.D.N: 0106952062 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN NB THỊNH VƯỢNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI
GS.TS Trần Thanh Hải	**Nguyễn Văn Nhạc**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 08/2022/HĐKT

Căn cứ Bộ luật Thương mại của Quốc hội ngày 14 tháng 6 năm 2005; văn bản hợp nhất số 17/VBHN-VPQH ngày 05 tháng 7 năm 2019;

Căn cứ Bộ luật Dân sự của Quốc hội ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật PCCC ngày 29/6/2001; Luật PCCC sửa đổi ngày 21/11/2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ký ngày 09/05/2023 giữa Trường Đại học Mỏ - Địa chất và Công ty TNHH công nghệ và xây dựng Phương Đông;

Căn cứ vào Quyết định số: 476/QĐ-MĐC ngày 10 tháng 05 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc chỉ định đơn vị thực hiện gói thầu bảo dưỡng, bảo trì, thay thế trang thiết bị hệ thống PCCC ký túc xá Lào - Trường Đại học Mỏ - Địa chất,

Căn cứ vào nhu cầu, khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 12/05/2023, tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất, chúng tôi gồm:

BÊN A (BÊN MUA): TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Địa chỉ	:	Số 18 phố Viên, P.Đức Thắng, Q.Bắc Từ Liêm, TP.Hà Nội
Số điện thoại	:	0243.8383312 Số Fax : 0243.8383312
Mã số thuế	:	0101689386
Mã ĐVSDNS	:	1055493
Tài khoản	:	3716.1.1055493
Mở tại	:	Kho bạc Nhà nước Nam Từ Liêm
Đại điện là	:	**GS.TS Trần Thanh Hải**
Chức vụ	:	**Hiệu trưởng**

BÊN B (BÊN BÁN): CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG PHƯƠNG ĐÔNG.

Địa chỉ	:	42/188 Vương Thừa Vũ, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội.
Số điện thoại	:	024.35667519

Mã số thuế : 0103012409

Đơn vị hưởng tài khoản : **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG PHƯƠNG ĐÔNG.**

Tài khoản : 0011002888960

Mở tại : Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Sở giao dịch

Mã Citad : 01203002

Đại điện là : **Ông Nguyễn Đức Thành**

Chức vụ : **Giám đốc**

Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất ký hợp đồng kinh tế: 01/2023/HĐKT về việc bên B nhận thầu bảo dưỡng, bảo trì, thay thế trang thiết bị hệ thống PCCC ký túc xá Lào của bên A với các điều khoản sau:

Điều 1. Hạng mục công việc và giá cả.

STT	Mô tả nội dung	Xuất Xứ	ĐVT	Số lượng	Đơn Giá Vật Tư, Nhân Công và Máy TC	Thành Tiền (VNĐ)
I	**Hệ Thống Báo Cháy**					
1	Bảo trì bảo dưỡng tủ TT báo cháy		Tủ	1	4.500.000	4.500.000
2	Bảo trì bảo dưỡng đầu báo cháy		Cái	63	130.000	8.190.000
3	Bảo trì bảo dưỡng chuông báo cháy		Cái	16	130.000	2.080.000
4	Bảo trì bảo dưỡng đèn báo cháy		Cái	16	130.000	2.080.000
5	Bảo trì bảo dưỡng nút báo cháy		Cái	10	130.000	1.300.000
6	Cung cấp thay thếp nút ấn	Taiwan	Cái	6	500.000	3.000.000
7	Cung cấp bổ sung đầu báo khói	Taiwan	Cái	5	1.400.000	7.000.000
8	Cung cấp thay pin dự phòng tủ TT báo cháy	TQ	Bộ	1	840.000	840.000
9	Test vận hành hệ thống		Gói	1	1.300.000	1.300.000

II	**Hệ Thống Exit, Sự Cố**					-
1	Cung cấp thay thế đèn Exit	TQ	Cái	16	420.000	6.720.000
2	Cung cấp thay thế đèn sự cố	TQ	Cái	16	430.000	6.880.000
III	**Hệ Thống Chữa Cháy**					-
1	Bảo trì bảo dưỡng bơm chữa cháy		Cái	2	2.500.000	5.000.000
2	Bảo trì bảo dưỡng tủ đk bơm		Cái	1	2.000.000	2.000.000
3	Bảo trì bảo dưỡng tủ chữa cháy vách tường		Cái	16	195.000	3.120.000
4	Kiểm tra bảo dưỡng bình chữa cháy		Bình	45	26.000	1.170.000
5	Nạp lại bình chữa cháy		Bình	15	155.000	2.325.000
6	Sửa chữa đường hút bơm chữa cháy		Gói	1	5.800.000	5.800.000
7	Vận hành hệ thống chữa cháy		Gói	1	3.000.000	3.000.000
TỔNG						**66.305.000**
THUẾ GTGT 10%						*6.630.500*
TỔNG GIÁ TRỊ SAU THUẾ						**72.935.500**

(Bằng chữ: Bảy mươi hai triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Tổng giá trị sau thuế là giá đã bao gồm thuế, chi phí bảo dưỡng, bảo trì, thay thế trang thiết bị hệ thống PCCC ký túc xá Lào và các chi phí khác có line quan.

Điều 2. Thời gian thực hiện hợp đồng.

Bên B bảo dưỡng, bảo trì, thay thế trang thiết bị hệ thống PCCC ký túc xá Lào cho bên A trong thời gian từ 12/05/2023 đến 26/05/2023.

Địa điểm: Ký túc xá Lào - Trường Đại học Mỏ - Địa chất, P. Đức Thắng - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội.

Điều 3. Bảo hành.

Thời gian bảo hành: 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao.

Điều 4. Phương thức thanh toán.

Bên A thanh toán 100% giá trị hợp đồng cho bên B ngay sau khi bên B hoàn thành công việc bảo dưỡng, bảo trì, thay thế trang thiết bị hệ thống PCCC ký túc xá Lào cho bên A, xuất hóa đơn tài chính theo quy định và ký biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng.

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

Đồng tiền thanh toán: Tiền Việt Nam (vnđ).

Điều 5. Hiệu lực của hợp đồng.

Hợp đồng này 04 trang bằng tiếng Việt, được lập thành 04 bản có cùng nội dung, bên A giữ hai bản, bên B giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
GS.TS Trần Thanh Hải	*Nguyễn Đức Thành*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2024

HỢP ĐỒNG

Số: 524/2024/HĐ-PCCC

Gói thầu: Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy Phòng thí nghiệm nghiên cứu khoa học địa chất (Nhà E) Trường Đại học Mỏ - Địa chất

GIỮA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

VÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY AN HÀ HANAGASHI

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT
PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VÀ NHÀ THẦU
PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG
PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG
Điều 1. Giải thích từ ngữ
Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên
Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng
Điều 4. Thông báo
Điều 5. Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng
Điều 6. Nội dung và khối lượng công việc
Điều 7. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm hợp đồng
Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng
Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán
Điều 10. Điều chỉnh đơn giá, khối lượng công việc, một số nội dung khác trong hợp đồng và giá hợp đồng xây dựng
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ chung của Chủ đầu tư
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ chung của Nhà thầu
Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn
Điều 14. Nhà thầu phụ
Điều 15. An toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ
Điều 16. Điện, nước và an ninh công trường
Điều 17. Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư
Điều 18. Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu
Điều 19. Bảo hiểm và bảo hành
Điều 20. Rủi ro và bất khả kháng
Điều 21. Sự kiện bồi thường
Điều 22. Thưởng hợp đồng, phạt vi phạm hợp đồng
Điều 23. Khiếu nại và xử lý các tranh chấp
Điều 24. Quyết toán và thanh lý hợp đồng
Điều 25. Hiệu lực của hợp đồng
Điều 26. Điều khoản chung
PHỤ LỤC
Phụ lục 01. Chi tiết giá hợp đồng

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung
ĐKCT	Điều kiện cụ thể
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
Nghị định 37/2015/NĐ-CP	Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng
Nghị định 50/2021/NĐ-CP	Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng
Nghị định 06/2021/NĐ-CP	Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng
Nghị định 15/2021/NĐ-CP	Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng
VNĐ	Đồng Việt Nam
PDF	Định dạng tài liệu được cố định theo tiêu chuẩn của hãng Adobe Systems để tài liệu được hiển thị như nhau trên mọi môi trường làm việc
Excel	Định dạng tài liệu theo dạng bảng biểu của hãng Microsoft dùng trong việc tính toán, nhập dữ liệu
Word	Định dạng tài liệu theo dạng văn bản của hãng Microsoft dùng trong việc trình bày, nhập dữ liệu

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VÀ NHÀ THẦU

Hôm nay, tại Trường Đại hoc Mỏ - Địa chất, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

Chủ đầu tư (Bên giao thầu -Bên A): TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Đại diện là: **GS.TS Trần Thanh Hải** - Chức vụ: Hiệu Trưởng

Địa chỉ: Số 18 phố Viên, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Tài khoản: 3713.09.099519 mở tại Kho bạc Nhà nước Nam Từ Liêm

Mã số thuế: 0101689386

Điện thoại: 024 38386435

Và bên kia là:

2. Nhà thầu (Bên nhận thầu- Bên B): CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY AN HÀ HANAGASHI

Đại diện là: Ông **Ngô Quốc Tuấn** Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Số nhà 11, ngõ 255, đường Hoàng Mai, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Tài khoản số: 100001060003209, Ngân hàng TMCP Bắc Á - Chi nhánh Hà Nội. Mã ngân hàng: 40313001

Mã số thuế: 0101610065

Giấy đăng ký kinh doanh số 0101610065 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 28/01/2005.

Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy số 121/GXN-PCCC do Phòng cảnh sát PCCC và CNCH - Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 14/6/2019.

Điện thoại: 0242.22677777

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng thực hiện gói thầu Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy Phòng thí nghiệm nghiên cứu khoa học địa chất (Nhà E) Trường Đại học Mỏ - Địa chất như sau:

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2006/QĐ-MĐC ngày 01/12/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc công trình Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy Phòng thí nghiệm nghiên cứu khoa học địa chất (Nhà E) Trường đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 123/QĐ-MĐC ngày 11/3/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc phê duyệt E-HSMT Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy Phòng thí nghiệm nghiên cứu khoa học địa chất (Nhà E) Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Thông báo mời thầu số: IB2400034433 kèm theo có E-HSMT;

Căn cứ văn bản số 01/BCĐG ngày 15/4/2024 của Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn Viễn Đông về báo cáo đánh giá E-HSDT Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy Phòng thí nghiệm nghiên cứu khoa học địa chất (Nhà E) Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 25 tháng 4 năm 2024 giữa Trường Đại học Mỏ - địa chất và và Công ty Cổ phần Tổng công ty An Hà

Hanagashi về việc thực hiện hợp đồng gói thầu Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy Phòng thí nghiệm nghiên cứu khoa học địa chất (Nhà E) Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Căn cứ Quyết định số 457/QĐ-MĐC ngày 9 tháng 5 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy Phòng thí nghiệm nghiên cứu khoa học địa chất (Nhà E) Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.1. Bên A là Chủ đầu tư, Bên B là Nhà thầu.

1.2. Bảng tiên lượng là bảng kê chi tiết khối lượng và giá các công việc trong hợp đồng.

1.3. Bản vẽ thiết kế là tất cả các bản vẽ, bảng tính toán và thông tin kỹ thuật tương tự của công trình do Chủ đầu tư cấp cho Nhà thầu hoặc do Nhà thầu lập đã được Chủ đầu tư chấp thuận.

1.4. Biên bản nghiệm thu là biên bản được phát hành theo Điều 7 [Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm hợp đồng thi công xây dựng].

1.5. Chỉ dẫn kỹ thuật là tập hợp các yêu cầu kỹ thuật dựa trên các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn được áp dụng cho công trình, thiết kế xây dựng công trình để hướng dẫn, quy định về vật liệu, sản phẩm, thiết bị sử dụng cho công trình và các công tác thi công, giám sát, nghiệm thu công trình xây dựng.

1.6. Chủ đầu tư là Trường Đại học Mỏ - Địa chất

1.7. Công trình là công trình chính và công trình tạm hoặc là một trong hai loại công trình này.

1.8. Công trình chính là Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy Phòng thí nghiệm nghiên cứu khoa học địa chất (Nhà E) Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

1.9. Công trình tạm là các công trình phục vụ thi công công trình, hạng mục công trình.

1.10. Công trường là Phòng thí nghiệm nghiên cứu khoa học địa chất (Nhà E) Trường Đại học Mỏ - Địa chất

1.11. Dự án là Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy Phòng thí nghiệm nghiên cứu khoa học địa chất (Nhà E) Trường Đại học Mỏ - Địa chất

1.12. Đại diện Chủ đầu tư là GS.TS Trần Thanh Hải ; Chức vụ: Hiệu trưởng.

1.13. Đại diện Nhà thầu là Ông Ngô Quốc Tuấn; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

1.14. Đại diện nhà tư vấn là người được nhà tư vấn ủy quyền làm đại diện để thực hiện các nhiệm vụ do nhà tư vấn giao.

1.15. Hạng mục công trình là một công trình chính hoặc một phần công trình chính.

1.16. Hồ sơ dự thầu của Nhà thầu là toàn bộ tài liệu do Nhà thầu lập theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu và được nộp cho bên mời thầu.

1.17. Hồ sơ mời thầu của chủ đầu tư là toàn bộ tài liệu theo quy định được đăng tải trên hệ thống đấu thầu quốc gia

1.18. Hợp đồng là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và các tài liệu kèm theo theo quy định tại Điều 2 [Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên].

1.19. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1.20. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

1.21. Ngày khởi công là ngày được thông báo theo khoản 8.2 [Ngày khởi công, thời gian thực hiện hợp đồng].

1.22. Ngày làm việc là ngày dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

1.23. Nhà thầu là Công ty cổ phần tổng công ty An Hà Hanagashi.

1.24. Nhà thầu phụ là Nhà thầu ký hợp đồng với Nhà thầu để thi công một phần công việc của Nhà thầu.

1.25. Nhà tư vấn là tổ chức, cá nhân do Chủ đầu tư ký hợp đồng thuê để thực hiện một hoặc một số công việc chuyên môn liên quan đến việc quản lý thực hiện hợp đồng.

1.26. Rủi ro và bất khả kháng được định nghĩa tại Điều 20 [Rủi ro và bất khả kháng].

1.27. Thay đổi là sự thay đổi (điều chỉnh) phạm vi công việc, chỉ dẫn kỹ thuật, bản vẽ thiết kế, giá hợp đồng hoặc tiến độ thi công, các nội dung khác của hợp đồng có sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.

1.28. Thiết bị của Chủ đầu tư là máy móc, phương tiện do Chủ đầu tư cấp cho Nhà thầu sử dụng để thi công công trình (nếu có).

1.29. Thiết bị của Nhà thầu là toàn bộ thiết bị máy móc, phương tiện, xe cộ và các phương tiện, thiết bị khác yêu cầu phải có để Nhà thầu thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa bất cứ sai sót nào (nếu có).

1.30. Tư vấn thiết kế là tư vấn thực hiện việc thiết kế xây dựng công trình.

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.1. Hồ sơ hợp đồng xây dựng gồm thỏa thuận hợp đồng này và các tài liệu kèm theo hợp đồng.

2.2. Tất cả các tài liệu nêu tại khoản 2.3 Điều này (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.

2.3. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng, bao gồm:

a) Hợp đồng, các tài liệu kèm theo hợp đồng và các phụ lục hợp đồng (Thông số kỹ thuật, bản vẽ thiết kế, mô tả công việc mời thầu nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu,....);

b) Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng;

c) Biên bản thương thảo;

d) Biên bản hoàn thiện hợp đồng;

đ) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

e) HSDT và các văn bản làm rõ HSDT của nhà thầu;

g) HSMT và các tài liệu bổ sung HSMT (nếu có);

h) Các tài liệu khác có liên quan.

2.4. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng theo thứ tự ưu tiên quy định tại khoản 2.3 Điều này.

Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng

3.1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3.2. Ngôn ngữ sử dụng cho hợp đồng là tiếng Việt.

Điều 4. Thông báo

4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản. Thuật ngữ "bằng văn bản" hay "văn bản" là bản ghi bằng tay, đánh máy, được in ra hoặc thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và sau đó được lưu trữ lâu dài.

4.2. Thông báo của một bên phải được người đại diện có thẩm quyền hoặc người được ủy quyền ký kết sẽ được coi là có hiệu lực tại thời điểm ký hợp đồng.

Điều 5. Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

Nhà thầu phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng tương đương 2% giá trị hợp đồng (tương đương **23.689.520 đồng**) cho Chủ đầu tư trong vòng 05 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và phải tuân theo mẫu số 15 của hồ sơ mời thầu.

Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có giá trị và hiệu lực tới khi Nhà thầu hoàn thành các nội dung công việc theo hợp đồng đã ký kết được chủ đầu tư nghiệm thu và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành công trình. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hạn và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 03 (ba) ngày trước ngày hết hạn, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc được hoàn thành, mọi sai sót đã được sửa chữa xong (nếu có) và được chủ đầu tư nghiệm thu.

Nhà thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực. Chủ đầu tư phải hoàn trả cho Nhà thầu bảo đảm thực hiện hợp đồng khi Nhà thầu đã hoàn thành các công việc theo hợp đồng và chuyển sang nghĩa vụ bảo hành.

2. Bảo lãnh tiền tạm ứng:

- Trước khi chủ đầu tư tạm ứng hợp đồng cho nhà thầu thì nhà thầu phải nộp cho chủ đầu tư bảo lãnh tạm ứng hợp đồng với giá trị **355.342.800 đồng** (Ba trăm năm mươi năm triệu, ba trăm bốn mươi hai nghìn, tám trăm đồng).

Bảo lãnh tiền tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của bảo lãnh tiền tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Nhà thầu hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng.

Điều 6. Nội dung và khối lượng công việc

6.1. Nhà thầu thực hiện thầu Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy Phòng thí nghiệm nghiên cứu khoa học địa chất (Nhà E) Trường Đại học Mỏ - Địa chất theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận) và biên bản đàm phán hợp đồng, đảm bảo chất lượng, tiến độ, giá cả, an toàn và các thỏa thuận khác trong hợp đồng.

Ngoài ra, nhà thầu phải đảm bảo:

a) Bàn giao và tiếp nhận, quản lý mặt bằng thi công;

b) Cung cấp vật liệu, nhân lực, máy và thiết bị thi công để thực hiện công việc theo hợp đồng;

c) Thi công công trình theo đúng hồ sơ thiết kế được phê duyệt và quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành;

d) Thực hiện kiểm tra chạy thử trước khi đề nghị nghiệm thu;

đ) Xử lý, khắc phục các sai sót, khiếm khuyết về chất lượng trong quá trình thực hiện (nếu có)

e) Thực hiện nghiệm thu công việc, nghiệm thu hoàn thành công trình;

g) Thực hiện các công tác bảo đảm an toàn, bảo vệ và vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ;

h) Bảo vệ công trường, mặt bằng thi công trong phạm vi hợp đồng thi công;

i) Thực hiện các công tác bảo đảm an ninh trật tự cho khu vực công trường;

k) Hợp tác với các Nhà thầu khác trên công trường (nếu có);

l) Thu dọn công trường và bàn giao sản phẩm sau khi hoàn thành;

m) Các công việc khác trong quá trình thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với chủ đầu tư, các tài liệu kèm theo hợp đồng và quy định của pháp luật.

6.3. Phạm vi công việc là thực hiện Thi công lắp đặt hệ thống PCCC theo đúng thoả thuận trong hợp đồng.

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm hợp đồng

7.1. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm của hợp đồng

a) Công trình phải được thi công theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật được nêu trong hồ sơ mời thầu phù hợp với hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng cho dự án và các quy định về chất lượng công trình, xây dựng của nhà nước có liên quan; Nhà thầu phải có sơ đồ và thuyết minh hệ thống quản lý chất lượng thi công, giám sát chất lượng thi công của mình.

b) Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư các kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành. Các kết quả thí nghiệm này phải được thực hiện bởi phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định.

c) Nhà thầu phải đảm bảo vật tư, thiết bị do nhà thầu cung cấp có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và phải xuất trình hồ sơ, chứng chỉ chất lượng các loại thiết bị phòng Phòng cháy chữa cháy được phép sử dụng cho công trình với chủ đầu tư.

d) Nhà thầu phải gửi cho chủ đầu tư danh mục hàng hoá đóng gói; Bản sao giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn của nhà sản xuất (C/Q), Bản sao giấy chứng nhận nguồn gốc hàng hóa (C/O), hoặc giấy tờ khác chứng minh nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa và các tài liệu, chứng từ khác liên quan; Biên bản nghiệm thu hàng hoá

7.2. Kiểm tra, giám sát của Chủ đầu tư

a) Chủ đầu tư được quyền vào các nơi trên công trường và các nơi khai thác nguyên vật liệu tự nhiên của Nhà thầu phục vụ cho gói thầu để kiểm tra;

b) Trong quá trình sản xuất, gia công, chế tạo và xây dựng ở khu vực, trên công trường được quy định trong hợp đồng Chủ đầu tư được quyền kiểm tra, kiểm định, đo lường, thử các loại vật liệu và kiểm tra quá trình gia công, chế tạo thiết bị, sản xuất vật liệu.

Nhà thầu phải tạo mọi điều kiện cho người của Chủ đầu tư để tiến hành các hoạt động này, bao gồm cả việc cho phép ra vào, cung cấp các phương tiện đi lại ở khu vực trên công trường, các giấy phép và thiết bị an toàn. Những hoạt động này không làm giảm nghĩa vụ hoặc trách nhiệm của Nhà thầu.

Đối với các công việc mà người của Chủ đầu tư được quyền xem xét đo lường và kiểm định, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết khi bất kỳ công việc nào như vậy đã xong và trước khi được phủ lập, hoặc không còn được nhìn thấy hoặc đóng gói để lưu kho hoặc vận chuyển. Chủ đầu tư phải tiến hành ngay việc kiểm tra, giám định, đo lường hoặc kiểm định không được chậm trễ mà không cần lý do, hoặc thông báo ngay cho Nhà thầu việc Chủ đầu tư không kiểm tra, giám định, đo lường hoặc kiểm định để Nhà thầu có thể tiếp tục các công việc tiếp theo. Trong trường hợp Chủ đầu tư không tham gia quá trình này thì Chủ đầu tư không được khiếu nại về các vấn đề trên.

7.3. Nghiệm thu sản phẩm các công việc hoàn thành:

a) Chủ đầu tư chỉ nghiệm thu các sản phẩm của Hợp đồng khi sản phẩm của các công việc này đảm bảo chất lượng và số lượng theo thoả thuận.

- Nhà thầu có trách nhiệm chủ động hoàn chỉnh hồ sơ thanh toán, hoàn trả tạm ứng, phải tự tổ chức nghiệm thu các công việc theo hợp đồng trước khi yêu cầu chủ đầu tư nghiệm thu.

b) Thành phần nhân sự tham gia nghiệm thu, bàn giao gồm: Đại diện Chủ đầu tư; Đại diện Nhà thầu và các đơn vị khác có liên quan theo yêu cầu của chủ đầu tư. Các bên phải có trách nhiệm cử người đại diện có thẩm quyền để tham gia nghiệm thu, bàn giao theo đúng quy định.

c) Hồ sơ nghiệm thu, bàn giao gồm:

- Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng hoàn thành theo quy định (Theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có ghi khối lượng do chủ đầu tư, tư vấn, nhà thầu thống nhất trên cơ sở quy định của nhà nước);

- Kết quả thí nghiệm, kiểm định đối với vật liệu, sản phẩm cần nghiệm thu.

7.4. Chạy thử của công trình

Trước khi bắt đầu chạy thử khi hoàn thành, Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư các tài liệu hoàn công, các sổ tay vận hành và bảo trì phù hợp với đặc tính kỹ thuật với đầy đủ chi tiết để vận hành, bảo trì, tháo dỡ, lắp đặt, điều chỉnh và sửa chữa.

Nhà thầu phải cung cấp các máy móc, sự trợ giúp, tài liệu và các thông tin khác, điện, thiết bị, nhiên liệu, vật dụng, dụng cụ, người lao động, vật liệu và nhân viên có trình độ và kinh nghiệm cần thiết để tiến hành chạy thử cụ thể một cách hiệu quả. Nhà thầu phải thống nhất với Chủ đầu tư về thời gian, địa điểm tiến hành chạy thử của thiết bị, vật liệu và các hạng mục công trình.

Chủ đầu tư phải thông báo trước 01 ngày cho Nhà thầu về ý định của mình là sẽ tham gia vào lần chạy thử. Nếu Chủ đầu tư không tham gia vào lần chạy thử tại địa điểm và thời gian đã thỏa thuận, Nhà thầu có thể tiến hành chạy thử và việc chạy thử coi như đã được tiến hành với sự có mặt của Chủ đầu tư, trừ khi có thỏa thuận khác giữa các bên.

Nếu Nhà thầu phải chịu sự chậm trễ hay chịu các chi phí do tuân thủ các hướng dẫn của Chủ đầu tư, hay do sự chậm trễ thuộc trách nhiệm của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết và được:

a) Gia hạn thời gian do sự chậm trễ;

b) Thanh toán mọi chi phí cộng thêm vào giá hợp đồng.

Nhà thầu phải trình cho Chủ đầu tư các báo cáo có xác nhận về các lần chạy thử và các bên ký biên bản chạy thử làm cơ sở thanh lý hợp đồng theo quy định.

7.5. Nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào sử dụng

Sau khi các công việc theo Hợp đồng đã được thi công xong (kể cả phần điều chỉnh, bổ sung ngoài thiết kế được duyệt cũng phải được Chủ đầu tư chấp thuận) thì nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư để nghiệm thu công trình không muộn hơn 05 ngày trước khi công trình được hoàn thành để bàn giao. Khi công trình đủ điều kiện để nghiệm thu, hai bên lập biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành theo Hợp đồng. Nếu có những công việc còn tồn đọng do các sai sót không làm ảnh hưởng đến việc vận hành công trình thì những tồn đọng được ghi trong biên bản nghiệm thu, bàn giao công trình và Nhà thầu phải có trách nhiệm hoàn thành sớm những tồn đọng này bằng kinh phí của mình theo thời gian do chủ đầu tư yêu cầu. Trường hợp công trình chưa đủ điều kiện để nghiệm thu, bàn giao; các bên phải xác định lý do và nêu cụ thể những công việc mà Nhà thầu phải làm để sớm hoàn thành bàn giao.

Sau khi nhà thầu hoàn thành công việc theo hợp đồng và được chủ đầu tư ký biên bản nghiệm thu, nhà thầu phải hoàn thành các thủ tục hồ sơ để nghiệm thu về PCCC theo quy định và được cơ quan có thẩm quyền về PCCC chấp thuận bằng biên bản hoặc giấy chứng nhận nghiệm thu về an toàn bàn giao đưa vào sử dụng. Trước khi hoàn thành bàn giao công trình nhà thầu phải nộp cho chủ đầu tư biên bản nghiệm thu của công an phòng cháy chữa cháy

Thời gian Chủ đầu tư phản hồi Nhà thầu là 02 ngày sau ngày nhận được đề nghị nghiệm thu công trình của Nhà thầu

7.6. Trách nhiệm của Nhà thầu đối với các sai sót

a) Bằng kinh phí của mình Nhà thầu phải hoàn thành các công việc còn tồn đọng vào ngày đã nêu trong biên bản nghiệm thu, bàn giao trong khoảng thời gian hợp lý mà Chủ đầu tư yêu cầu nhưng đảm bảo không vượt quá khoảng thời gian thực hiện các công việc còn tồn đọng đó quy định trong hợp đồng.

b) Trường hợp không sửa chữa được sai sót

- Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng trong khoảng thời gian hợp lý, Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có thể ấn định ngày để sửa chữa các sai sót hay hư hỏng và thông báo cho Nhà thầu biết về ngày này.

- Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng vào ngày đã được thông báo, Chủ đầu tư có thể tự tiến hành công việc hoặc thuê người khác sửa chữa và Nhà thầu phải chịu mọi chi phí (Nhà thầu không được kiến nghị về chi phí sửa chữa nếu không cung cấp được tài liệu chứng minh sự thiếu chính xác trong cách xác định chi phí sửa chữa của Chủ đầu tư), Nhà thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về công việc sửa chữa nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tiếp tục nghĩa vụ của mình đối với công trình theo hợp đồng.

c) Nếu sai sót hoặc hư hỏng dẫn đến việc Chủ đầu tư không sử dụng được thiết bị thì Chủ đầu tư sẽ chấm dứt hợp đồng; khi đó, Nhà thầu sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Chủ đầu tư theo hợp đồng và theo các quy định pháp luật.

d) Nếu sai sót hoặc hư hỏng không thể sửa chữa ngay trên công trường được và được Chủ đầu tư đồng ý, Nhà thầu có thể chuyển khỏi công trường thiết bị bị sai sót hay hư hỏng để sửa chữa.

7.7. Các kiểm định thêm

Nếu việc sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng làm ảnh hưởng đến sự vận hành của công trình, Chủ đầu tư có thể yêu cầu tiến hành lại bất cứ cuộc kiểm định nào nêu trong hợp đồng, bao gồm cả các cuộc kiểm định khi hoàn thành và kiểm định sau khi

hoàn thành. Yêu cầu này được thông báo trong khoảng thời gian 30 ngày sau khi đã sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng.

Các kiểm định này phải được tiến hành theo các điều kiện được áp dụng cho các kiểm định trước, chỉ khác là được tiến hành bằng kinh phí của Nhà thầu.

7.8. Những nghĩa vụ chưa được hoàn thành

Sau khi đã cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao, mỗi bên sẽ phải chịu trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ vẫn chưa được thực hiện tại thời điểm đó. Hợp đồng vẫn được coi là có hiệu lực đối với nội dung và phạm vi của những nghĩa vụ chưa được hoàn thành.

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

8.1. Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày kể từ ngày chủ đầu tư bàn giao mặt bằng cho Nhà thầu và không bao gồm thời gian bị gián đoạn do tiến độ thi công của các nhà thầu khác.

8.2. Ngày bàn giao mặt bằng, thời gian thực hiện hợp đồng

Ngày bàn giao mặt bằng là ngày được chủ đầu tư thông báo cho nhà thầu.

Nhà thầu sẽ bắt đầu tiến hành Thi công lắp đặt hệ thống PCCC ngay sau khi nhận bàn giao mặt bằng và sẽ thực hiện đúng thời gian thực hiện hợp đồng mà không được chậm trễ.

8.3. Tiến độ thực hiện hợp đồng

Căn cứ vào thời gian thực hiện hợp đồng Nhà thầu phải lập tiến độ chi tiết để trình cho Chủ đầu tư trong vòng 02 ngày sau ngày khởi công Nhà thầu cũng phải trình tiến độ thi công đã được sửa đổi nếu tiến độ thi công trước đó không phù hợp với tiến độ thực tế hoặc không phù hợp với nghĩa vụ của Nhà thầu. Trừ khi được quy định khác trong hợp đồng, mỗi bản tiến độ thi công sẽ bao gồm:

a) Trình tự thực hiện công việc của Nhà thầu và thời gian thi công cho mỗi giai đoạn chính của công trình;

b) Quá trình và thời gian kiểm tra, kiểm định;

c) Báo cáo tiến độ Nhà thầu phải thể hiện:

- Biện pháp tổ chức thi công trên công trường và các giai đoạn chính trong việc thi công công trình;

- Nhà thầu được phép điều chỉnh tiến độ chi tiết theo tuần, tháng nhưng phải phù hợp với tiến độ tổng thể của hợp đồng.

Nhà thầu phải thực hiện theo tiến độ thi công và nghĩa vụ của mình theo hợp đồng. Nếu bản tiến độ thi công này không phù hợp với hợp đồng thì Chủ đầu tư sẽ thông báo cho Nhà thầu trong vòng 02 ngày sau khi nhận được bản tiến độ thi công của Nhà thầu và các bên thống nhất về tiến độ thi công phù hợp với thực tế. Chủ đầu tư sẽ được phép dựa vào bản tiến độ thi công phù hợp với thực tế này để yêu cầu Nhà thầu thực hiện theo tiến độ của hợp đồng.

Trường hợp Nhà thầu thông báo cho Chủ đầu tư về các tình huống cụ thể có thể xảy ra trong tương lai có tác động xấu hoặc làm chậm việc thi công công trình hay làm tăng giá hợp đồng. Trong trường hợp đó, Chủ đầu tư hoặc nhà tư vấn có thể yêu cầu Nhà thầu báo cáo về những ảnh hưởng của các tình huống trong tương lai và đề xuất theo khoản 8.4 [Điều chỉnh tiến độ hợp đồng thi công xây dựng]. Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư một bản tiến độ thi công sửa đổi phù hợp với khoản này.

8.4. Điều chỉnh tiến độ hợp đồng thi công xây dựng

a) Điều chỉnh tiến độ hợp đồng: Tiến độ được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

- Xảy ra sự kiện bất khả kháng;

- Điều chỉnh, thay đổi nội dung, phạm vi công việc theo yêu cầu của chủ đầu tư;

- Do việc bàn giao mặt bằng có sự chậm trễ.

b) Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ thương thảo về việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau đây:

- Chủ đầu tư không trao cho Nhà thầu quyền tiếp cận, sử dụng các phần hoặc toàn bộ công trường theo thời gian quy định;

- Chủ đầu tư chậm trễ không có lý do trong việc cấp biên bản nghiệm thu công trình;

- Nhà thầu tuân thủ các hướng dẫn của Chủ đầu tư khi các hướng dẫn của Chủ đầu tư đúng quy định, mới phát sinh, không nằm trong thỏa thuận đã có trước đó.

c) Nhà thầu được phép theo Điều 23 [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp] gia hạn thời gian hoàn thành nếu do một trong những lý do sau đây:

- Có sự thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Chủ đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;

- Do ảnh hưởng của các trường hợp bất khả kháng;

- Sự chậm trễ, trở ngại trên công trường do Chủ đầu tư, nhân lực của Chủ đầu tư hay các Nhà thầu khác của Chủ đầu tư gây ra như: việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của Nhà thầu gây ra;

- Do Chủ đầu tư không hoặc chậm thanh toán vốn theo quy định của hợp đồng.

8.5. Đẩy nhanh tiến độ

Trường hợp Chủ đầu tư cần Nhà thầu hoàn thành trước ngày hoàn thành dự kiến, Chủ đầu tư phải yêu cầu Nhà thầu đề xuất các chi phí phát sinh nhằm đẩy nhanh tiến độ. Nếu Chủ đầu tư chấp nhận các chi phí mà Nhà thầu đề xuất thì ngày hoàn thành dự kiến sẽ được điều chỉnh cho phù hợp và được Chủ đầu tư, Nhà thầu xác nhận.

Nếu các chi phí phát sinh do Nhà thầu đề xuất để đẩy nhanh tiến độ được Chủ đầu tư chấp thuận thì giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh và các chi phí phát sinh sẽ được xem là một thay đổi của hợp đồng.

8.6. Khắc phục tiến độ chậm trễ

Khi tiến độ đã bị chậm hơn so với tiến độ thi công như các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng của công việc đó mà không phải do những nguyên nhân đã nêu trong khoản 8.4 Điều này, khi đó Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu trình một bản tiến độ thi công được sửa đổi để thực hiện tiến độ hoàn thành, trong thời gian yêu cầu.

Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

9.1. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

9.2. Giá hợp đồng.

Tổng giá trị hợp đồng là **1.184.476.000 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ, một trăm tám mươi tư triệu, bốn trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Giá hợp đồng gồm:

(i) Bằng Việt Nam Đồng: **1.184.476.000 đồng** .

(ii) Bằng Ngoại tệ: Không áp dụng

iii) Khoản bổ sung hay giảm trừ: Không

Chi tiết giá hợp đồng được nêu trong Phụ lục kèm theo hợp đồng.

Giá hợp đồng trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện công việc theo hợp đồng, bản quyền, lợi nhuận của Nhà thầu và tất cả các loại thuế, phí liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật.

Giá hợp đồng chỉ được điều chỉnh theo quy định tại Điều 10 [Điều chỉnh giá hợp đồng].

9.3. Tạm ứng:

- Sau khi nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tiền tạm ứng của Nhà thầu, Chủ đầu tư sẽ ứng trước cho nhà thầu số tiền là: **355.342.800 đồng** (Ba trăm năm mươi năm triệu, ba trăm bốn mươi hai nghìn, tám trăm đồng).

- Số tiền tạm ứng này sẽ được chủ đầu tư thu hồi ngay từ lần thanh toán đầu tiên và các lần thanh toán tiếp theo. Số tiền tạm ứng này sẽ được chủ đầu tư thu hồi hết ngay từ lần thanh toán đầu tiên.

- Trường hợp tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình và trước khi chấm dứt Hợp đồng, khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi này sẽ là nợ đến hạn và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Chủ đầu tư

9.4. Thanh toán

Việc thanh toán được thực hiện chia làm 02 lần trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu. Cụ thể các lần thanh toán như sau:

- Lần 1: **Bên A** sẽ thanh toán cho nhà thầu đồng thời thu hồi hết số tiền tạm ứng sau khi công trình được cấp có thẩm quyền về Phòng cháy chữa cháy chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, biên bản nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng có xác nhận của Chủ đầu tư, Bên B nộp bảo lãnh bảo hành công trình bằng 5% giá trị hợp đồng, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B 90% giá trị theo Hợp đồng đã ký

- Lần 2: Khi hồ sơ quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Bên A sẽ thanh toán giá trị còn lại cho Bên B

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

- Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam (VNĐ).

9.5. Thời hạn thanh toán

a) Bên giao thầu sẽ thanh toán cho nhà thầu trong vòng **15 ngày** làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán không đúng thời hạn và không đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng thì phải bồi thường cho Nhà thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

9.6. Đồng tiền và hình thức thanh toán

a) Đồng tiền thanh toán: Giá hợp đồng sẽ được thanh toán bằng đồng tiền Việt Nam (VNĐ).

b) Hình thức thanh toán: thanh toán bằng hình thức chuyển khoản.

9.7. Hồ sơ thanh toán

- Hồ sơ thanh toán: 05 bộ.

Hồ sơ thanh toán bao gồm các tài liệu chủ yếu sau:

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán (theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có thể ghi khối lượng công việc việc chi tiết hoặc không ghi khối lượng công việc chi tiết mà ghi tỷ lệ phần trăm hoàn thành hoặc theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu) có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư hoặc đại diện nhà tư vấn (nếu có) và đại diện Nhà thầu; biên bản nghiệm thu khối lượng này là bản xác nhận hoàn thành công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng mà không cần xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết;

+ Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng đã ký kết có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư hoặc đại diện nhà tư vấn (nếu có) và đại diện Nhà thầu;

+ Đề nghị thanh toán của Nhà thầu cần thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và đại diện Nhà thầu.

Điều 10. Điều chỉnh đơn giá, khối lượng công việc, một số nội dung khác trong hợp đồng và giá hợp đồng xây dựng

10.1. Điều chỉnh đơn giá: Không áp dụng.

10.2. Việc điều chỉnh khối lượng công việc áp dụng cho những khối lượng công việc bổ sung ngoài phạm vi công việc theo hợp đồng đã ký.

Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng được thực hiện trong trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng.

10.3. Điều chỉnh giá hợp đồng được thực hiện trong trường hợp bổ sung khối lượng công việc ngoài phạm vi hợp đồng đã ký.

10.4. Giá hợp đồng được điều chỉnh trong một số trường hợp quy định tại Điều 21 [Sự kiện bồi thường].

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ chung của Chủ đầu tư

11.1. Quyền của Chủ đầu tư

a) Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, giám sát nhưng không được gây cản trở hoạt động thi công bình thường của Nhà thầu và bất kỳ chậm trễ, trì hoãn hay yêu cầu bổ sung kéo dài nào trong việc kiểm tra/kiểm định của Chủ đầu tư thì đều không được tính vào tiến độ thi công của Nhà thầu;

b) Nếu Chủ đầu tư xét thấy mình có quyền với bất kỳ khoản thanh toán nào theo bất cứ điều nào hoặc các quy định khác liên quan đến hợp đồng thì phải thông báo và cung cấp các chi tiết cụ thể cho Nhà thầu.

c) Trường hợp Chủ đầu tư nhận thấy vấn đề hoặc tình huống dẫn tới khiếu nại phải thông báo cho Nhà thầu càng sớm càng tốt. Các thông tin chi tiết phải xác định cụ thể điều khoản hoặc cơ sở khiếu nại khác và phải bao gồm chứng minh của số tiền và sự kéo dài mà Chủ đầu tư tự cho mình có quyền được hưởng liên quan đến hợp đồng. Chủ đầu tư sau đó phải quyết định:

- Số tiền (nếu có) mà Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu thanh toán;

- Kéo dài (nếu có) thời hạn thông báo sai sót;

Chủ đầu tư có thể khấu trừ số tiền này từ bất kỳ khoản nợ hay sẽ nợ nào của Nhà thầu. Chủ đầu tư chỉ được quyền trừ hoặc giảm số tiền từ tổng số được xác nhận khoản nợ của Nhà thầu hoặc theo một khiếu nại nào khác đối với Nhà thầu theo khoản này;

- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

11.2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư

a) Đảm bảo tính pháp lý của dự án;

b) Bàn giao toàn bộ hoặc từng phần mặt bằng cho Nhà thầu quản lý, sử dụng phù hợp với tiến độ và các thỏa thuận của hợp đồng;

c) Cử và thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về nhân lực chính tham gia quản lý và thực hiện hợp đồng;

d) Bố trí đủ nguồn vốn để thanh toán cho Nhà thầu theo tiến độ thanh toán trong hợp đồng;

đ) Thuê tư vấn giúp Chủ đầu tư giám sát theo quy định tại Điều 14 của hợp đồng này [Quyền và nghĩa vụ của nhà tư vấn];

e) Cung cấp kịp thời hồ sơ thiết kế và các tài liệu có liên quan, vật tư (nếu có) theo thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan;

g) Xem xét và chấp thuận kịp thời trong thời gian 03 ngày bằng văn bản các đề xuất liên quan đến thiết kế, thi công của Nhà thầu trong quá trình thi công xây dựng công trình. Nếu trong khoảng thời gian này mà Chủ đầu tư không trả lời thì coi như Chủ đầu tư đã chấp thuận đề nghị hay yêu cầu của Nhà thầu;

h) Chủ đầu tư phải có sẵn để cung cấp cho Nhà thầu toàn bộ các số liệu liên quan mà Chủ đầu tư có về những nội dung liên quan đến hợp đồng.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ chung của Nhà thầu

12.1. Quyền của Nhà thầu

a) Được quyền đề xuất với Chủ đầu tư về khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng; từ chối thực hiện công việc ngoài phạm vi hợp đồng khi chưa được hai bên thống nhất và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.

b) Được thay đổi các biện pháp thi công sau khi được Chủ đầu tư chấp thuận nhằm đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, an toàn, hiệu quả công trình trên cơ sở giá hợp đồng đã ký kết.

c) Tiếp cận công trường:

- Chủ đầu tư phải bàn giao cho Nhà thầu mặt bằng thi công công trình để Nhà thầu thực hiện hợp đồng.

- Trường hợp Nhà thầu không nhận được mặt bằng thi công công trình do sự chậm trễ của Chủ đầu tư và phải gánh chịu chi phí phát sinh trong thời gian này thì Nhà thầu được thanh toán chi phí phát sinh và cộng thêm vào trong giá hợp đồng.

Nếu do sai sót hoặc sự chậm trễ của Nhà thầu thì Nhà thầu sẽ không được quyền hưởng việc gia hạn thời gian, chi phí này.

12.2. Nghĩa vụ của Nhà thầu

a) Nhà thầu phải huy động các nhân sự chủ chốt và sử dụng các thiết bị phù hợp để thực hiện công trình. Chủ đầu tư chỉ chấp thuận đề xuất thay thế nhân sự chủ chốt và thiết bị trong trường hợp kinh nghiệm, năng lực của nhân sự thay thế và chất lượng, tính năng của thiết bị thay thế là tương đương hoặc cao hơn so với đề xuất nhà thầu trong HSDT, đảm bảo đúng quy định.

b) Trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu không sử dụng nhân sự của Nhà thầu cho việc thực hiện hợp đồng của Chủ đầu tư với lý do chính đáng, Nhà thầu phải bảo đảm rằng người đó sẽ rời khỏi công trường trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư và không còn được thực hiện bất kỳ công việc nào liên quan đến hợp đồng. Trong trường hợp cần thiết, Nhà thầu phải bổ sung ngay một nhân sự thay thế có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc cao hơn.

c) Trường hợp Chủ đầu tư xác định một nhân sự của Nhà thầu tham gia các hành vi tham nhũng, gian lận, thông đồng, ép buộc hoặc gây trở ngại trong quá trình thực hiện công trình, các hành vi vi phạm pháp luật khác thì nhân sự đó sẽ bị buộc thôi việc.

d) Nhà thầu phải thực hiện công việc đúng theo thoả thuận, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ.

đ) Nhà thầu phải lập biện pháp tổ chức thi công, ghi nhật ký thi công, lập hồ sơ thanh toán, lập hồ sơ hoàn công, lập quyết toán hợp đồng, thí nghiệm vật liệu, kiểm định thiết bị, sản phẩm theo đúng quy định của hợp đồng.

e) Nhà thầu phải giữ bí mật thông tin liên quan đến hợp đồng hoặc pháp luật có quy định liên quan đến bảo mật thông tin.

g) Nhà thầu phải trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian 02 ngày, nếu trong khoảng thời gian này mà Nhà thầu không trả lời thì được coi như Nhà thầu đã chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư.

12.3. Nhân lực của Nhà thầu

Nhân lực của Nhà thầu phải có trình độ chuyên môn, kỹ năng và kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ. Nhà thầu không được thay thế bất cứ nhân sự nào có tên trong HSDT mà không có sự đồng ý của chủ đầu tư. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu sa thải (hay tác động để sa thải) bất cứ nhân lực nào ở công trường hay công trình, kể cả đại diện của Nhà thầu nếu những người đó: có thái độ sai trái hoặc thiếu cẩn thận; thiếu năng lực hoặc bất cẩn; không tuân thủ bất kỳ điều khoản nào của hợp đồng; gây phương hại đến an toàn, sức khỏe hoặc bảo vệ môi trường.

Khi đó, Nhà thầu sẽ phải chỉ định một người khác thích hợp để thay thế. Nhà thầu phải luôn đảm bảo trật tự, an toàn cho người và tài sản trên công trường.

12.4. Báo cáo về nhân lực và thiết bị của Nhà thầu

Nhà thầu phải trình cho Chủ đầu tư những chi tiết về số lượng nhân lực tối thiểu, thiết bị chủ yếu của Nhà thầu trên công trường.

12.5. Hợp tác

Nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện việc hợp tác trong công việc đối với: nhân lực của Chủ đầu tư; các Nhà thầu khác do Chủ đầu tư thuê;

Các dịch vụ cho những người này và các Nhà thầu khác có thể bao gồm việc sử dụng thiết bị của Nhà thầu, các công trình tạm hoặc việc bố trí đường vào công trường là trách nhiệm của Nhà thầu. Trường hợp các dịch vụ này làm phát sinh chi phí ngoài giá hợp đồng thì các bên xem xét thỏa thuận bổ sung chi phí này.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về các hoạt động thi công của mình trên công trường, phải phối hợp các hoạt động của mình với hoạt động của các Nhà thầu khác của Chủ đầu tư.

12.6. Điều kiện về công trường

Nhà thầu được coi là đã thẩm tra và xem xét công trường, khu vực xung quanh công trường, các số liệu và thông tin có sẵn, bao gồm:

a) Địa hình, mặt bằng của công trường;

b) Điều kiện địa chất thủy văn và khí hậu;

c) Mức độ và tính chất của công việc và vật liệu cần thiết cho việc thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa sai sót.

d) Các quy định của pháp luật về lao động;

đ) Các yêu cầu của Nhà thầu về đường vào, ăn, ở, phương tiện, nhân lực, điều kiện giao thông, nước và các dịch vụ khác.

Nhà thầu được coi là đã thỏa mãn về tính đúng, đủ của điều kiện công trường để xác định giá hợp đồng.

Nếu Nhà thầu gặp phải các điều kiện bất lợi mà Nhà thầu cho là không lường trước được, thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết một cách sớm nhất có thể. Thông báo này sẽ mô tả các điều kiện sao cho Chủ đầu tư có thể kiểm tra được và phải nêu lý do tại sao Nhà thầu coi các điều kiện đó là không lường trước được. Nhà thầu phải tiếp tục thi công công trình, sử dụng các biện pháp thỏa đáng và hợp lý và thích ứng với điều kiện đó và phải tuân theo bất kỳ chỉ dẫn nào mà Chủ đầu tư có thể đưa ra. Nếu một chỉ dẫn tạo ra sự thay đổi, thì các bên xem xét tiêu chí để thống nhất áp dụng theo Điều 20 của hợp đồng [Rủi ro và bất khả kháng].

12.7. Đường đi và phương tiện

Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí và lệ phí cho các quyền về đường đi lại chuyên dùng hoặc tạm thời mà Nhà thầu cần có, bao gồm lối vào công trường. Nhà thầu cũng phải có thêm các phương tiện khác bên ngoài công trường cần cho công việc bằng kinh phí của mình.

Nhà thầu phải nỗ lực để tránh làm hư hỏng đường, cầu do việc sử dụng, đi lại của Nhà thầu hoặc người của Nhà thầu gây ra. Những nỗ lực này phải bao gồm việc sử dụng đúng các phương tiện và tuyến đường thích hợp.

Trừ khi được quy định khác trong các điều kiện và điều khoản này:

a) Nhà thầu không được sử dụng và chiếm lĩnh toàn bộ đường đi, vỉa hè bất kể nó là công cộng hay thuộc quyền kiểm soát của Chủ đầu tư hoặc những người khác;

b) Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm sửa chữa nếu Nhà thầu làm hỏng khi sử dụng các tuyến đường đó;

c) Nhà thầu phải cung cấp các biển hiệu, biển chỉ dẫn cần thiết dọc tuyến đường và phải xin phép nếu các cơ quan liên quan yêu cầu cho việc sử dụng các tuyến đường, biển hiệu, biển chỉ dẫn;

d) Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào có thể nảy sinh từ việc sử dụng hoặc các việc liên quan khác đối với các tuyến đường đi lại;

đ) Chủ đầu tư không bảo đảm sự thích hợp hoặc sẵn có các tuyến đường riêng biệt nào;

e) Chi phí do sự không thích hợp hoặc không có sẵn các tuyến đường cho yêu cầu sử dụng của Nhà thầu sẽ do Nhà thầu chịu.

12.8. Vận chuyển vật tư thiết bị (trừ khi có quy định khác)

a) Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư không muộn hơn 02 ngày, trước ngày mà mọi vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường (bao gồm cả đóng gói, xếp hàng, vận chuyển, nhận, dỡ hàng, lưu kho và bảo vệ vật tư thiết bị);

b) Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu thiệt hại cho Chủ đầu tư đối với các hư hỏng, mất mát và chi phí (kể cả lệ phí và phí tư pháp) do việc vận chuyển vật tư thiết bị của Nhà thầu.

12.9. Thiết bị Nhà thầu

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thiết bị của mình. Khi được đưa tới công trình, thiết bị của Nhà thầu phải dùng riêng cho việc thi công công trình. Nhà thầu không được di chuyển ra khỏi công trường bất kỳ một loại thiết bị chủ yếu nào nếu không được sự đồng ý của Chủ đầu tư. Tuy nhiên, không yêu cầu phải có sự đồng ý của Chủ đầu tư đối với các xe cộ vận chuyển vật tư, thiết bị hoặc nhân lực của Nhà thầu ra khỏi công trường.

12.10. Hoạt động của Nhà thầu trên công trường

Nhà thầu phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi công trường và khu vực bổ sung mà Nhà thầu có và được Chủ đầu tư đồng ý là nơi làm việc. Nhà thầu phải có sự chú ý cần thiết để giữ cho thiết bị của Nhà thầu và nhân lực của Nhà thầu chỉ hoạt động trong phạm vi công trường và các khu vực bổ sung và giữ cho không lấn sang khu vực lân cận. Trong thời gian thi công công trình, Nhà thầu phải giữ cho công trường không có các cản trở không cần thiết, và phải cất giữ hoặc sắp xếp thiết bị hoặc vật liệu thừa của mình. Nhà thầu phải dọn sạch rác và dỡ bỏ công trình tạm ra khỏi công trường khi không cần nữa.

Sau khi biên bản nghiệm thu công trình đã được cấp, Nhà thầu phải dọn sạch và đưa đi tất cả thiết bị của Nhà thầu, nguyên vật liệu thừa, phế thải xây dựng, rác và công trình tạm. Nhà thầu phải để lại những khu vực đó của công trường và công trình trong trạng thái sạch sẽ và an toàn. Tuy nhiên, Nhà thầu có thể để lại công trường, trong giai đoạn thông báo sai sót, những vật tư thiết bị cần để Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.

Nếu tất cả những vật tư, thiết bị này không được dọn khỏi công trường trong vòng 07 ngày sau khi Chủ đầu tư cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao; Chủ đầu tư có thể bán hoặc thải bỏ vật tư thiết bị, số tiền thu được từ việc bán vật tư, thiết bị sẽ trả cho Nhà thầu sau khi đã thanh toán các chi phí phát sinh cho Chủ đầu tư.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn

13.1. Quyền của Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng (NTVGSTCXD)

Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng là người sẽ thực hiện các nhiệm vụ do Chủ đầu tư giao cho NTVGSTCXD trong hợp đồng và các quy định cụ thể theo quy định của pháp luật. NTVGSTCXD có thể bao gồm những cá nhân có trình độ chuyên môn phù hợp và có đủ năng lực để thực hiện những công việc này.

NTVGSTCXD không có quyền sửa đổi hợp đồng. NTVGSTCXD có thể thực hiện quyền hạn được gắn với chức danh NTVGSTCXD như đã được xác định hoặc được bao hàm do thấy cần thiết trong hợp đồng. Nếu NTVGSTCXD được yêu cầu phải có sự chấp thuận của Chủ đầu tư trước khi thực thi một quyền hạn được xác định cụ thể thì những yêu cầu này phải được nói rõ trong hợp đồng. Chủ đầu tư cam kết không áp đặt đối với quyền hạn của NTVGSTCXD, trừ những gì đã thỏa thuận với Nhà thầu.

Trừ khi được nêu khác đi trong điều kiện này thì:

a) NTVGSTCXD không có quyền giảm bớt bất kỳ nhiệm vụ, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào theo hợp đồng hay cho một bên nào;

b) Bất kỳ sự chấp thuận, kiểm tra, xác nhận, đồng ý, xem xét, giám sát, thông báo, yêu cầu, kiểm định hoặc hành động tương tự nào của NTVGSTCXD (bao gồm cả trường hợp không có sự phản đối) cũng không hề miễn cho Chủ đầu tư khỏi bất kỳ trách nhiệm nào theo hợp đồng, bao gồm cả trách nhiệm đối với các sai sót, bỏ sót, không nhất quán và không tuân thủ đúng.

13.2. Trách nhiệm của NTVGSTCXD

Giám sát chất lượng thi công công trình.

Nội dung giám sát chất lượng thi công xây dựng công trình thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

13.3. Thay thế NTVGSTCXD

Nếu Chủ đầu tư có ý định thay thế NTVGSTCXD thì không ít hơn 3 ngày trước khi dự định thay thế, Chủ đầu tư phải thông báo cho Nhà thầu thông tin chi tiết tương ứng của NTVGSTCXD được dự kiến thay thế. Chủ đầu tư không được thay thế NTVGSTCXD bằng một người mà Nhà thầu có ý kiến từ chối một cách có lý do bằng cách gửi thông báo cho Chủ đầu tư các chi tiết, lý lẽ để giải thích.

Điều 14. Nhà thầu phụ

Không áp dụng

Điều 15. An toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ

15.1. An toàn lao động

a) Nhà thầu phải lập các biện pháp an toàn cho người và công trình trên công trường xây dựng, kể cả các công trình phụ cận.

b) Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo đề phòng tai nạn.

c) Các bên có liên quan phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công xây dựng. Tổ chức, cá nhân để xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

d) Nhà thầu có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho người lao động của mình. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo về an toàn lao động.

đ) Nhà thầu có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động.

Khi có sự cố về an toàn lao động, Nhà thầu thi công xây dựng và các bên có liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại do Nhà thầu không bảo đảm an toàn lao động gây ra.

15.2. Bảo vệ môi trường

a) Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường. Phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định.

b) Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.

c) Các bên phải có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trường hợp Nhà thầu thi công xây dựng không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì Chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền tạm ngừng thi công xây dựng và yêu cầu Nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường.

d) Tổ chức, cá nhân để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

15.3. Phòng chống cháy nổ

Các bên tham gia hợp đồng xây dựng phải tuân thủ các quy định của nhà nước về phòng chống cháy nổ.

Điều 16. Điện, nước và an ninh công trường

16.1. Điện, nước trên công trường

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm cung cấp điện, nước và các dịch vụ khác mà Nhà thầu cần.

16.2. An ninh công trường

Trừ khi có quy định khác trong những điều kiện riêng:

a) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về việc cho phép những người không có nhiệm vụ vào công trường;

b) Những người có nhiệm vụ được vào công trường gồm nhân lực của Nhà thầu và của Chủ đầu tư và những người khác do Chủ đầu tư (hoặc người thay mặt) thông báo cho Nhà thầu biết.

Điều 17. Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

17.1. Tạm dừng thực hiện công việc của hợp đồng bởi Chủ đầu tư:

Nếu Nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Chủ đầu tư có thể ra thông báo yêu cầu Nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai hỏng trong khoảng thời gian hợp lý, cụ thể.

Chủ đầu tư quyết định dừng thực hiện công việc trong hợp đồng và yêu cầu khắc phục hậu quả khi Nhà thầu không đáp ứng các yêu cầu về chất lượng công trình, an toàn lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ và tiến độ theo hợp đồng đã ký kết.

Trước khi tạm dừng, Chủ đầu tư thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu không ít hơn 03 ngày và trong thông báo sẽ nêu rõ lý do tạm dừng.

17.2. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng nếu Nhà thầu:

a) Không thực hiện theo bảo đảm thực hiện hợp đồng hoặc một thông báo theo khoản 17.1 của hợp đồng này [Tạm dừng thực hiện công việc của Hợp đồng bởi Chủ đầu tư];

b) Bỏ dở công trình hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng;

c) Không có lý do chính đáng mà 03 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng;

d) Giao thầu phụ lớn hơn 10% giá trị công trình hoặc chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Chủ đầu tư;

đ) Bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này;

Nếu có ở một trong những trường hợp này, Chủ đầu tư có thể bằng cách thông báo cho Nhà thầu trước 03 ngày, chấm dứt hợp đồng và trục xuất Nhà thầu ra khỏi công trường. Tuy nhiên, trong trường hợp của điểm (đ) Chủ đầu tư có thể thông báo chấm dứt hợp đồng ngay lập tức.

Sự lựa chọn của Chủ đầu tư trong việc quyết định chấm dứt hợp đồng sẽ không được làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của Chủ đầu tư theo hợp đồng.

Nhà thầu phải rời công trường và chuyển các vật tư, vật liệu cần thiết, các tài liệu của Nhà thầu và các hồ sơ thiết kế khác của Nhà thầu cho Chủ đầu tư. Tuy nhiên, Nhà thầu sẽ cố gắng hết mức để tuân thủ ngay lập tức các hướng dẫn hợp lý được nêu trong thông báo, bảo vệ tính mạng và tài sản hay cho sự an toàn của công trình.

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Chủ đầu tư có thể hoàn thành công trình và sắp đặt cho các đơn vị khác thực hiện. Chủ đầu tư và các đơn vị này khi đó có thể sử dụng bất cứ vật tư, vật liệu, tài liệu nào của Nhà thầu và các tài liệu thiết kế khác do Nhà thầu thực hiện hoặc do đại diện Nhà thầu thực hiện.

Chủ đầu tư sẽ thông báo cho Nhà thầu giải phóng các thiết bị, công trình tạm của nhà thầu ở tại hoặc gần công trường. Ngay khi nhận được thông báo, trong thời gian 03 ngày, Nhà thầu phải tiến hành tháo dỡ, di chuyển các thiết bị, công trình tạm này.

17.3. Xác định giá vào ngày chấm dứt hợp đồng

Ngay khi thông báo chấm dứt theo khoản 17.2 của hợp đồng [Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư] có hiệu lực, Chủ đầu tư sẽ xem xét đồng ý hoặc xác định giá trị của công trình, vật tư, vật liệu và tài liệu của Nhà thầu và các khoản tiền phải thanh toán cho Nhà thầu cho các công việc được thực hiện theo đúng hợp đồng.

17.4. Thanh toán sau khi chấm dứt hợp đồng.

Sau khi thông báo chấm dứt hợp đồng theo khoản 17.2 của hợp đồng này [Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư] có hiệu lực, Chủ đầu tư có thể:

a) Không thanh toán thêm cho Nhà thầu cho đến khi chi phí thi công, hoàn thành và sửa chữa các sai sót và hư hỏng do chậm trễ trong thời gian hoàn thành (nếu có) và các chi phí khác mà Chủ đầu tư chấp thuận đã được xác định;

b) Thu lại từ Nhà thầu các phí tổn do hư hỏng, mất mát mà Chủ đầu tư phải chịu và các chi phí thêm khác của việc hoàn thành công trình, sau khi tính đến bất kỳ một khoản nợ nào đối với Nhà thầu. Sau khi đã thu hồi lại từ các mất mát, hư hỏng và các chi phí thêm, Chủ đầu tư sẽ thanh toán phần tiền cân đối còn lại cho Nhà thầu.

Điều 18. Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu

18.1. Quyền tạm dừng công việc của Nhà thầu

Nếu Chủ đầu tư không tuân thủ khoản 9.5 của hợp đồng [Thời hạn thanh toán] vượt quá 10 ngày; Nhà thầu có thể, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư không muộn hơn

03 ngày, sẽ tạm dừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc) trừ khi và cho đến khi Nhà thầu được thanh toán theo các điều khoản của hợp đồng, tùy từng trường hợp và như đã mô tả trong thông báo.

Việc tạm dừng công việc của Nhà thầu theo khoản này không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Nhà thầu đối với các chi phí tài chính và để chấm dứt hợp đồng theo khoản 18.2 của Hợp đồng [Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu].

Nếu Nhà thầu tiếp đó nhận được thanh toán trước khi thông báo chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc trở lại như bình thường ngay khi có thể được.

Nếu Nhà thầu phải chịu sự chậm trễ và các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm dừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư và theo Điều 23 của Hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp].

18.2. Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu

Nhà thầu được quyền chấm dứt hợp đồng nếu:

a) Nhà thầu không nhận được số tiền được thanh toán trong vòng 45 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ;

b) Chủ đầu tư về cơ bản không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng;

c) Việc tạm ngừng bị kéo dài quá 45 ngày;

d) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

Trong bất cứ sự kiện hoặc trường hợp nào được nêu trên, Nhà thầu có thể bằng thông báo trước 07 ngày cho Chủ đầu tư để chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên trong trường hợp của điểm (d) Nhà thầu có thể thông báo chấm dứt hợp đồng ngay lập tức.

18.3. Dừng công việc và di dời thiết bị Nhà thầu

Sau khi nhận được thông báo chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu sẽ ngay lập tức:

a) Dừng tất cả các công việc thêm, ngoại trừ các công việc đã được Chủ đầu tư hướng dẫn để bảo vệ con người và tài sản hoặc an toàn của công trình;

b) Chuyển giao cho Chủ đầu tư toàn bộ tài liệu của Nhà thầu, thiết bị, các vật liệu và các công việc khác mà Nhà thầu đã được thanh toán;

c) Di dời tất cả vật tư, vật liệu khỏi công trường, ngoại trừ các thứ cần thiết cho việc an toàn và rời khỏi công trường.

18.4. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng

Sau khi thông báo chấm dứt hợp đồng theo khoản 18.2 của Hợp đồng [Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu] đã có hiệu lực, Chủ đầu tư sẽ ngay lập tức:

a) Trả lại bảo lãnh thực hiện cho Nhà thầu;

b) Thanh toán cho Nhà thầu.

Điều 19. Bảo hiểm và bảo hành

19.1. Bảo hiểm

Nhà thầu phải thực hiện mua bảo hiểm đối với các thiết bị, nhân lực của Nhà thầu, bảo hiểm đối với bên thứ 3.

19.2. Bảo hành

Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu công trình để đưa vào sử dụng, Nhà thầu phải:

- Thực hiện việc bảo hành công trình trong thời gian 12 tháng. Đối với các thiết bị có thời gian bảo hành của nhà sản xuất lớn hơn 12 tháng, nhà thầu phải thực hiện bảo hành theo thời gian của nhà sản xuất.

- Trong thời gian bảo hành, khi nhận được yêu cầu về sửa chữa, bảo hành của Chủ đầu tư (bằng văn bản, email, fax hoặc điện thoại), Nhà thầu cam kết có mặt tại hiện trường trong vòng 24 giờ để thực hiện sửa chữa, khắc phục. Nếu không khắc phục được thì phải thay thế bằng thiết bị hoặc linh kiện khác có tính năng tương đương, chất lượng bằng hoặc cao hơn trước mà không được đòi hỏi thanh toán. Việc này được thực hiện trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo có sự cố hoặc theo thoả thuận với chủ đầu tư. Nếu quá thời hạn này mà Nhà thầu không bắt đầu thực hiện các công việc sửa chữa thì Chủ đầu tư có quyền thuê một Nhà thầu khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này. Toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Nhà thầu chịu, được khấu trừ vào tiền bảo hành của Nhà thầu và Nhà thầu buộc phải chấp thuận giá trị trên.

Điều 20. Rủi ro và bất khả kháng

20.1. Rủi ro và bất khả kháng

a) Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện hợp đồng;

b) Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro không thể chống đỡ nổi khi xẩy ra và không thể lường trước được khi ký kết hợp đồng như: Động đất, bão, lũ lụt, lốc, sóng thần, lở đất hay hoạt động núi lửa, chiến tranh, dịch bệnh;

c) Khi một bên rơi vào tình trạng bất khả kháng, thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm có thể;

20.2. Hậu quả của các rủi ro

Nếu và trong chừng mực nào đó mọi rủi ro được liệt kê trong khoản 20.1 của hợp đồng này dẫn đến mất mát hay hư hỏng cho công trình, bất động sản, vật tư thiết bị hay các tài liệu của Nhà thầu, thì Nhà thầu phải ngay lập tức gửi thông báo cho Chủ đầu tư và sửa chữa những mất mát, hư hỏng trong phạm vi Chủ đầu tư yêu cầu.

20.3. Trách nhiệm của Nhà thầu đối với rủi ro

Nhà thầu sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với việc bảo đảm công trình và hàng hóa từ ngày khởi công cho đến ngày phát hành biên bản nghiệm thu hoặc coi như được phát hành theo khoản 7.5 của hợp đồng [Nghiệm thu, bàn giao công trình đưa vào sử dụng] cho công trình, khi trách nhiệm được chuyển qua Chủ đầu tư. Nếu biên bản nghiệm thu được phát hành (hoặc coi như đã phát hành) cho bất cứ hạng mục hay công trình nào, thì trách nhiệm bảo đảm bất kỳ hạng mục nào của công trình đó được chuyển cho Chủ đầu tư.

Sau khi trách nhiệm được chuyển một cách phù hợp cho Chủ đầu tư, Nhà thầu sẽ nhận trách nhiệm bảo đảm đến bất kỳ công việc nào còn tồn lại chưa giải quyết xong vào ngày được nêu trong biên bản nghiệm thu cho đến khi các công việc này được hoàn thành.

Nếu bất cứ việc mất mát hay hư hỏng nào xảy ra cho công trình, vật tư, thiết bị hoặc tài liệu của Nhà thầu nào trong khoảng thời gian Nhà thầu đang chịu trách nhiệm bảo đảm, được liệt kê trong khoản 20.3 của hợp đồng [Trách nhiệm của Nhà thầu đối với rủi ro], Nhà thầu sẽ phải sửa những mất mát hay hư hỏng bằng sự rủi ro và chi phí của Nhà thầu, để công trình, vật tư, thiết bị và tài liệu của Nhà thầu đúng với hợp đồng.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với bất cứ một hỏng hóc hay mất mát xảy ra sau khi biên bản nghiệm thu đã được phát hành và cả những việc xảy ra trước đó thuộc trách nhiệm của Nhà thầu và quy định tại khoản 1 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

20.4. Bồi thường rủi ro

Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư, các nhân viên của Chủ đầu tư đối với các khiếu nại, hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan đến:

a) Tổn hại thân thể, bệnh tật, ốm đau hay chết của bất cứ người nào xảy ra do nguyên nhân thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót, trừ khi có thể quy cho việc cẩu thả, cố ý làm hoặc vi phạm hợp đồng bởi Chủ đầu tư, các nhân viên của Chủ đầu tư hoặc bất kỳ đại diện riêng nào của họ;

b) Hỏng hóc hay mất mát của bất cứ tài sản nào, là bất động sản hay của cá nhân (không phải là công trình), ở phạm vi mà những hỏng hóc hay mất mát này:

- Phát sinh từ hoặc trong quá trình tiến hành hoặc do nguyên nhân của thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót;

- Được quy cho sự bất cẩn, cố ý làm hoặc vi phạm hợp đồng bởi Nhà thầu, nhân lực của Nhà thầu hoặc bất cứ người nào trực tiếp hay gián tiếp được họ thuê.

Chủ đầu tư phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Nhà thầu, các nhân viên của Nhà thầu đối với các khiếu nại, thiệt hại, mất mát, chi phí, phí (gồm phí và các phí pháp lý) liên quan đến tổn hại thân thể, ốm đau, bệnh, tật hay chết được quy cho sự cẩu thả, cố ý làm hoặc vi phạm hợp đồng bởi Chủ đầu tư, các nhân viên của Chủ đầu tư.

20.5. Thông báo về bất khả kháng

Nếu một bên bị cản trở thực hiện bất cứ nghĩa vụ của mình theo hợp đồng do tình trạng bất khả kháng, bên đó phải gửi thông báo cho bên kia về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng và phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc đã và sẽ bị cản trở. Thông báo phải được gửi sớm nhất sau khi bên đó nhận biết được tình trạng hoặc lẽ ra đã nhận biết được về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng.

Bên đó, khi đã thông báo, phải được miễn cho việc thực hiện công việc thuộc nghĩa vụ trong thời gian mà tình trạng bất khả kháng cản trở việc thực hiện của họ.

Dẫu cho có các quy định nào khác của khoản này, thì bất khả kháng cũng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

20.6. Các hậu quả của bất khả kháng

Nếu Nhà thầu bị cản trở thực hiện bất kỳ nhiệm vụ nào của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo khoản 20.5 của hợp đồng [Thông báo về bất khả kháng] và chịu sự chậm trễ và chịu chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu sẽ có quyền theo Điều 23 của hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp]:

a) Kéo dài thời gian do sự chậm trễ này, nếu việc hoàn thành bị và sẽ bị chậm trễ theo khoản 8.4 của hợp đồng [Điều chỉnh tiến độ hợp đồng thi công xây dựng];

b) Nếu sự việc hay trường hợp thuộc loại được mô tả trong khoản 20.1 của hợp đồng [Rủi ro và bất khả kháng] được thanh toán các chi phí này.

Sau khi nhận được thông báo này, Chủ đầu tư phải xem xét để nhất trí hay quyết định các vấn đề này.

20.7. Chấm dứt hợp đồng do bất khả kháng, thanh toán, hết trách nhiệm nếu việc thực hiện công trình cơ bản đang được tiến hành bị cản trở liên tục trong thời gian 05 ngày do bất khả kháng đã được thông báo theo khoản 20.5 của hợp đồng [Thông báo về bất khả kháng] hoặc trong nhiều khoảng thời gian mà tổng số là trên 15 ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia. Trong trường hợp này, việc chấm dứt hợp đồng sẽ có hiệu lực 03 ngày sau khi có thông báo.

Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu:

a) Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được thực hiện mà giá đã được nêu trong hợp đồng;

b) Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho Nhà thầu, hoặc những thứ Nhà thầu có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu sẽ để cho Chủ đầu tư tùy ý sử dụng;

c) Mọi chi phí hoặc trách nhiệm khác mà trong trường hợp bất khả kháng Nhà thầu phải chịu để hoàn thành công trình;

d) Chi phí di chuyển các công trình tạm và thiết bị của Nhà thầu khỏi công trình;

d) Chi phí bồi thường cho đội ngũ nhân viên và người lao động được Nhà thầu thuê trong toàn bộ thời gian liên quan đến công trình vào thời điểm chấm dứt hợp đồng.

Điều 21. Sự kiện bồi thường

Không áp dụng.

Điều 22. Thưởng hợp đồng, phạt vi phạm hợp đồng

22.1. Thưởng hợp đồng

Không áp dụng

22.2. Phạt vi phạm hợp đồng

- Bên B vi phạm về thời hạn thực hiện hợp đồng mà không do sự kiện bất khả kháng hoặc không do lỗi của Bên A gây ra, Bên B sẽ chịu phạt 01% giá trị phần hợp đồng cho 10 ngày chậm tiến độ, mức phạt tối đa không quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.

- Bên B vi phạm do không hoàn thành đủ số lượng sản phẩm hoặc chất lượng sản phẩm không đạt yêu cầu đã quy định trong hợp đồng thì Bên B phải làm lại cho đủ và đúng chất lượng.

- Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hạn mà Bên B không làm thủ tục gia hạn giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng cho đến ngày công trình được Bên A nghiệm thu và hoàn thành bàn giao công trình, Bên B sẽ chịu phạt 2% giá trị hợp đồng.

Điều 23. Khiếu nại và xử lý các tranh chấp

23.1. Khiếu nại

Thực hiện theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

23.2. Xử lý các tranh chấp

Thực hiện theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải trong vòng 20 ngày kể từ ngày xảy ra tranh chấp.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 07 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam. Thời gian tiến hành Trọng tài phân xử là 20 ngày kể từ khi thông báo không thỏa mãn được đưa ra bởi một bên. Quyết định của trọng tài là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

23.3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 24. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

24.1. Quyết toán hợp đồng

Trong thời gian 15 ngày sau khi nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng, Nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư quyết toán hợp đồng với các tài liệu trình bày chi tiết theo mẫu mà Chủ đầu tư đã chấp thuận, bao gồm các tài liệu sau:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ công việc thuộc phạm vi hợp đồng;

- Bảng xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng;

- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng, trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu;

- Hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công xây dựng công trình;

- Các tài liệu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

Thời hạn Nhà thầu giao nộp hồ sơ quyết toán hợp đồng không được quá 15 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc cần thực hiện theo hợp đồng, bao gồm cả công việc phát sinh (nếu có).

24.2. Thanh lý hợp đồng

a) Hợp đồng được thanh lý trong trường hợp:

- Các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký;

- Hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của Điều 17 của hợp đồng [Tạm dừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư], Điều 18 của hợp đồng [Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu].

b) Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày gói thầu được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán hoặc hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo điểm a khoản 2 Điều này.

24.3. Chấm dứt trách nhiệm của Chủ đầu tư

Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm với Nhà thầu về bất cứ việc gì và vấn đề gì theo hợp đồng hoặc liên quan đến hợp đồng sau khi thanh lý hợp đồng.

Điều 25. Hiệu lực của hợp đồng

25.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều đã quy định trong hợp đồng này.

25.2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm Chủ đầu tư đã nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng.

25.3. Tính pháp lý của hợp đồng xây dựng:

a) Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở pháp lý mà Chủ đầu tư, Nhà thầu và các bên liên quan có nghĩa vụ thực hiện;

b) Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở để giải quyết tranh chấp giữa các bên. Các tranh chấp phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được giải quyết trên cơ sở các quy định, của pháp luật có liên quan.

Điều 26. Điều khoản chung

26.1. Hai bên cam kết thực hiện đúng những Điều đã quy định trong hợp đồng này. Khi một bên có kiến nghị, đề xuất, yêu cầu thì bên kia phải có trách nhiệm trả lời.

26.2. Hợp đồng này bao gồm 29 trang và 01 phụ lục được lập thành 06 bản bằng tiếng Việt. Chủ đầu tư sẽ giữ 04 bản tiếng Việt, Nhà thầu sẽ giữ 02 bản tiếng Việt.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
GS.TS Trần Thanh Hải	**Ngô Quốc Tuấn**

PHỤ LỤC 01 - CHI TIẾT GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo Hợp đồng Số: /2024/HĐ-PCCC ngày tháng 5 năm 2024 giữa Trường Đại học Mỏ - Địa chất và Công ty cổ phần Tổng công ty An Hà Hanagashi)

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Mô tả công việc(2)	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục(3)
1	**HỆ THỐNG BÁO CHÁY**		**79.404.022**
1.1	Lắp đặt trung tâm xử lý tín hiệu báo cháy 8 kênh	1trung tâm	1.443.764
1.2	Lắp đặt đầu báo khói thường	39 đầu	29.187.690
1.3	Lắp đặt đế và đầu báo nhiệt thường	22 đầu	15.020.843
1.4	Lắp đặt chuông báo cháy	4 chuông	3.468.385
1.5	Lắp đặt nút ấn báo cháy khẩn cấp	4 nút	3.361.626
1.6	Lắp đặt đèn báo cháy	4 đèn	1.540.511
1.7	Lắp đặt đèn báo phòng	22 đèn	8.472.812
1.8	Lắp đặt hộp kỹ thuật	4hộp	809.261
1.9	Lắp đặt các aptomat 2 pha, cường độ dòng điện <= 10Ampe	1cái	172.071
1.10	Lắp đặt dây tín hiệu chống cháy 2x1mm2	0 m	51.280
1.11	Lắp đặt dây cấp nguồn 2x1.5mm2	0 m	25.467
1.12	Lắp đặt ống gen D20	540m	14.512.095
1.13	Lắp đặt bộ chia ngả	90cái	732.043
1.14	Vật tư phụ	1lô	128.699
1.15	Cài đặt lập trình lại hệ thống báo cháy	1ht	477.475
2	**HỆ THỐNG EXIT SỰ CỐ**		**21.889.935**
2.1	Lắp đặt đèn sự cố	8 đèn	6.796.885
2.2	Lắp đặt đèn exit	7 đèn	5.947.275
2.3	Lắp đặt dây cấp nguồn 2x1.5mm2	150 m	3.820.178
2.4	Lắp đặt ống gen D20	150m	4.031.138
2.5	Lắp đặt các aptomat 2 pha, cường độ dòng điện <= 10Ampe	4cái	688.285
2.6	Vật tư phụ	1lô	128.699
2.7	Vận hành hệ thống	1ht	477.475
3	**HỆ THỐNG CHỮA CHÁY**		**250.723.761**
3.1	Lắp đặt tủ điều khiển tủ nguồn	1 tủ	673.433
3.2	Lắp đặt Bơm chính động cơ điện Q= 17,5 l/s, H= 41m	1máy	1.629.797
3.3	Lắp đặt Bơm chính động cơ Diezel Q= 17,5 l/s, H= 41m	1máy	1.629.797
3.4	Lắp đặt Bơm bù áp Q= 1 l/s, H= 51m	1máy	1.629.797
3.5	Lắp đặt cáp bơm chính 3x16+1x10mm2	0m	252.658
3.6	Lắp đặt cáp bơm bù 3x6+1x4mm2	0m	122.949
3.7	Lắp đặt Bình tích áp 100l	1cái	21.941.776
3.8	Lắp đặt công tắc áp lực	3cái	9.413.323
3.9	Lắp đặt đồng hồ đo áp lực	3cái	2.376.792
3.10	Lắp đặt rọ hút D80	2cái	7.451.871
3.11	Lắp đặt rọ hút D40	1cái	823.597

3.12	Lắp đặt y lọc D80	2cái	4.491.488
3.13	Lắp đặt y lọc D40	1cái	1.016.666
3.14	Lắp đặt mối nối mềm D80	4cái	5.541.551
3.15	Lắp đặt mối nối mềm D40	1cái	854.904
3.16	Lắp đặt mối nối mềm D32	1cái	711.577
3.17	Lắp đặt van chặn D80	7cái	20.225.138
3.18	Lắp đặt van chặn D65	4cái	9.859.191
3.19	Lắp đặt van chặn D40	1cái	983.616
3.20	Lắp đặt van chặn D32	1cái	647.221
3.21	Lắp đặt van chặn D25	3cái	1.304.447
3.22	Lắp đặt van 1 chiều D80	2cái	5.006.337
3.23	Lắp đặt van 1 chiều D65	2cái	4.415.746
3.24	Lắp đặt van 1 chiều D32	1cái	557.122
3.25	Lắp đặt van 1 chiều D25	3cái	918.310
3.26	Lắp đặt công tắc dòng chảy	1cái	6.033.801
3.27	Lắp đặt côn bơm .../D80	0cái	325.199
3.28	Lắp đặt côn bơm .../D40	0cái	250.111
3.29	Lắp đặt côn bơm .../D32	0cái	222.932
3.30	Lắp bích đặc D80	2bích	1.327.296
3.31	Lắp bích thép D80	42bích	17.601.965
3.32	Lắp bích thép D65	12 bích	4.222.314
3.33	Lắp đặt ống thép tráng kẽm D80	40m	17.264.124
3.34	Lắp đặt ống thép tráng kẽm D65	40m	14.284.981
3.35	Lắp đặt ống thép tráng kẽm D50	50m	11.768.242
3.36	Lắp đặt ống thép tráng kẽm D40	15m	2.834.827
3.37	Lắp đặt ống thép tráng kẽm D32	10m	1.557.159
3.38	Lắp đặt tê thép D80	6cái	3.549.417
3.39	Lắp đặt tê thép D80/65	2cái	1.183.139
3.40	Lắp đặt tê thép D65	3cái	1.519.930
3.41	Lắp đặt tê thép D65/50	4cái	2.026.573
3.42	Lắp cút thép D80	8cái	2.350.987
3.43	Lắp cút thép D65	6cái	2.102.143
3.44	Lắp cút thép D40	1cái	134.838
3.45	Lắp cút thép D25	12cái	1.035.763
3.46	Lắp đặt giắc co D25	4cái	391.632
3.47	Lắp đặt kép D25	18cái	1.414.510
3.48	Lắp đặt cụm van xả khí D25	1cái	852.526
3.49	Lắp đặt van góc D50	4cái	2.982.562
3.50	Lắp đặt lăng phun D50/13	4bộ	670.576
3.51	Lắp đặt cuộn vòi D50	4cái	4.428.600
3.52	Lắp đặt tủ vách tường 600x500x180	0hộp	1.348.641
3.53	Lắp đặt kệ đựng bình chữa cháy	4hộp	825.051
3.54	Lắp đặt nội quy tiêu lệnh	4bộ	634.892
3.55	Bình chữa cháy ABC 8kg	16bộ	12.566.420
3.56	Lắp đặt họng tiếp nước 2 cửa	1cái	2.811.382
3.57	Lắp đặt trụ tiếp nước 3 cửa	1cái	13.910.459

3.58	Thử áp lực đường ống	150m	740.073
3.59	Lắp đặt giá treo D80-50	86cái	8.301.115
3.60	Sơn đường ống chữa cháy	1gói	2.035.603
3.61	Vật tư phụ (que hàn, đá cắt, dây đay băng tan, keo…..)	1gói	257.399
3.62	Cài đặt lập trình lại hệ thống chữa cháy	1gói	477.475
4	**HỆ THỐNG TĂNG ÁP HÚT KHÓI**		**404.497.678**
4.1	Lắp đặt tủ điều khiển quạt 2 chế độ	1 tủ	673.433
4.2	Lắp đặt tủ điều khiển cưỡng bức 1 quạt	1 tủ	673.433
4.3	Lắp đặt quạt ly tâm Q=7000m3/h,H=600PA	2cái	4.438.277
4.4	Lắp đặt côn miệng quạt	2cái	1.733.839
4.5	Lắp đặt mối nối mềm	2cái	1.557.778
4.6	Van điều chỉnh lưu lượng	4cái	8.415.999
4.7	Van chặn lửa EI30	8cái	164.895.515
4.8	Lắp đặt ông gió tăng áp 500x500 thường	35m	44.666.685
4.9	Lắp đặt ống gió tăng áp 500x300 EI30	100m	165.952.436
4.10	Lắp đặt cút ống gió 500x300	0cái	960.119
4.11	Lắp đặt Cửa gió 500x300	4cái	2.009.121
4.12	Lắp đặt Miệng hút khói (SEG 400x400)	4cái	2.420.959
4.13	Lắp đặt Miệng cấp không khí (SAG 300x500)	4cái	2.163.561
4.14	Lắp đặt dây nguồn 3x6+1x4 mm2	0m	119.297
4.15	Lắp thép V4 đỡ đường ống	54m	2.953.653
4.16	Phụ kiện và vật tư phụ (nẹp C, tizen, nở dạn, ecu, long đen, keo silicon, zoăng xốp…..)	1lô	386.098
4.17	Cài đặt lập trình hệ thống hút khói	1ht	477.475
5	**HỆ THỐNG CỬA CHỮA CHÁY**		**101.247.353**
5.1	Cửa chống cháy 1200x2200	4cái	48.363.977
5.2	Cửa chống cháy 1000x2200	4cái	42.897.895
5.3	Cửa chống cháy 1000x1950	1cái	9.985.481
6	**THIẾT BỊ PCCC**		**235.650.000**
6.1	Lắp đặt trung tâm xử lý tín hiệu báo cháy 8 kênh	1trung tâm	19.750.000
6.2	Lắp đặt tủ điều khiển tủ nguồn	1tủ	12.870.000
6.3	Lắp đặt Bơm chính động cơ điện Q= 17,5 l/s, H= 41m	1cái	31.460.000
6.4	Lắp đặt Bơm chính động cơ Diezel Q= 17,5 l/s, H= 41m	1cái	102.360.000
6.5	Lắp đặt Bơm bù áp Q= 1 l/s, H= 51m	1cái	12.630.000
6.6	Tủ điều khiển quạt 2 chế độ	1cái	12.980.000
6.7	Tủ điều khiển cưỡng bức 2 quạt	1cái	3.500.000
6.8	Quạt tăng áp thang bộ, quạt li tâm Q=7.000m3/h, H=600pa	2cái	40.100.000
7	**Phần bổ sung**	**0**	**-**
8	Lắp đặt dây tín hiệu chống cháy 2x0.75mm2	500m	23.188.580
9	Lắp đặt dây cấp nguồn chống cháy 2x1.5mm2	40m	1.454.165
10	măng sông PVC D20	170 cái	214.413
11	Kẹp nhựa PVC D20 đỡ ống luồn dây	500 cái	823.677
12	Lắp đặt ống nhựa mềm PVC D20	65m	1.401.889
13	Lắp đặt cút nhựa nối bằng phương pháp măng sông, đường kính cút 20mm	150 cái	4.359.335

14	**Hệ thống Exit sự cố**	**0**	**-**
15	măng sông PVC D20	50 cái	63.063
16	Kẹp nhựa PVC D20 đỡ ống luồn dây	150 cái	247.103
17	Lắp đặt ống nhựa mềm PVC D20	20m	431.350
18	Lắp đặt cút nhựa nối bằng phương pháp măng sông, đường kính cút 20mm	20 cái	581.245
19	Lắp đặt bộ chia ngả D20	20 hộp	162.676
20	**Hệ thống chữa cháy**	**0**	**-**
21	Lắp đặt cáp bơm chính, cáp chống cháy 3x16+1x10mm2	50m	14.416.001
22	Lắp đặt cáp bơm bù, cáp chống cháy 3x6+1x4mm2	50m	6.795.340
23	Lắp đặt dây đơn 1x6mm2	50m	1.771.934
24	Lắp đặt dây đơn 1x2,5mm2	50m	1.014.390
25	Lắp đặt tủ vách tường 500x400x180	4hộp	5.124.296
26	Bình chữa cháy CO2 5kg	8cái	10.381.001
27	Lắp đặt côn bơm D80/65	2cái	587.747
28	Lắp đặt côn bơm D80/50	2cái	587.747
29	Lắp đặt côn bơm D40/32	1cái	116.802
30	**Hệ thống tăng áp hút khói**	**0**	**-**
31	Lắp đặt cút ống gió 500x300 EI30	4cái	7.116.135
32	Lắp đặt dây nguồn chống cháy 3x6+1x4 mm2	50m	6.589.624
33	Lắp đặt dây cấp nguồn chống cháy 2x1.5mm2	100m	3.535.413
Tổng hợp giá hợp đồng (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))			**1.184.476.675**
Làm tròn			**1.184.476.000**

Bằng chữ: Một tỷ, một trăm tám mươi tư triệu, bốn trăm bảy mươi sáu nghìn đồng

ĐẠI DIỆN BÊN A

GS.TS Trần Thanh Hải

ĐẠI DIỆN BÊN B

TỔNG CÔNG TY AN HÀ HANAGASHI

Ngô Quốc Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2025

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Số:HD2500096097_2506191530

Gói thầu: **Bổ sung tăng cường hệ thống PCCC cho nhà KTX D4**

Dự án: **Bổ sung tăng cường hệ thống PCCC cho 03 nhà KTX D1, KTX D2 và KTX D4 trường Đại học Mỏ - Địa chất**

GIỮA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

VÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG – KỸ THUẬT VÀ THƯƠNG MẠI TÂN TRƯỜNG PHÁT

Hà Nội, 2024

MỤC LỤC

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VÀ NHÀ THẦU

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng

Điều 4. Thông báo

Điều 5. Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

Điều 6. Nội dung và khối lượng công việc

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm hợp đồng thi công xây dựng

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

Điều 10. Điều chỉnh đơn giá, khối lượng công việc

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ chung của Chủ đầu tư

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ chung của Nhà thầu

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn giám sát

Điều 14. Nhà thầu phụ

Điều 15. An toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ

Điều 16. Điện, nước và an ninh công trường

Điều 17. Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Điều 18. Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu

Điều 19. Bảo hiểm và bảo hành

Điều 20. Rủi ro và bất khả kháng

Điều 21. Thưởng hợp đồng, phạt vi phạm hợp đồng

Điều 22. Khiếu nại và xử lý các tranh chấp

Điều 23. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

Điều 24. Hiệu lực của hợp đồng

Điều 25. Điều khoản chung

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

Điều 2. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

Điều 3. Giá Hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

Điều 4. Sự kiện bồi thường

Điều 5. Thưởng hợp đồng, phạt vi phạm hợp đồng

Điều 6. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

Điều 7. Hiệu lực của hợp đồng

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
Nghị định 37/2015/NĐ-CP	Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng
Nghị định 50/2021/NĐ-CP	Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng
Nghị định 06/2021/NĐ-CP	Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng
Nghị định 15/2021/NĐ-CP	Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng
VNĐ	Đồng Việt Nam
PDF	Định dạng tài liệu được cố định theo tiêu chuẩn của hãng Adobe Systems để tài liệu được hiển thị như nhau trên mọi môi trường làm việc
Excel	Định dạng tài liệu theo dạng bảng biểu của hãng Microsoft dùng trong việc tính toán, nhập dữ liệu
Word	Định dạng tài liệu theo dạng văn bản của hãng Microsoft dùng trong việc trình bày, nhập dữ liệu

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VÀ NHÀ THẦU

Hôm nay, ngày 20 tháng 6 năm 2024 tại Trường Đại Học Mỏ- Địa Chất, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Đại diện Chủ đầu tư: Trường Đại học Mỏ - Địa chất (Bên A)

Người đại diện:	GS.TS Trần Thanh Hải	Chức vụ: Hiệu trưởng
Địa chỉ:	Số 18 Phố Viên, Phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội	
Điện thoại:	024 38389633	Fax: 024 38389633
Tài khoản số:	3713.0.1055493 mở tại phòng giao dịch số 10 - Kho bạc Nhà nước Khu vực I	
Mã số thuế:	0101689386	

2. Đại diện Nhà thầu: Công ty CP xây dựng – kỹ thuật và thương mại Tân Trường Phát (Bên B)

Người đại diện:	Ông Nguyễn Huy Hùng	Người đại diện:
Địa chỉ:	Số nhà 43 TT Z49, thôn Chợ, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.	
Điện thoại:	0936236918	
Tài khoản số:	8311100418007	Tại: Ngân hàng TMCP Quân Đội, Chi nhánh Mỹ Đình. Mã citab: 01311001
Mã số thuế:	0107792460	

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng thi công xây dựng của gói thầu: Bổ sung tăng cường hệ thống PCCC cho nhà KTX D4 - Trường Đại học Mỏ - Địa Chất như sau:

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- *Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020;*
- *Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 26/06/2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu*
- *Các Nghị định của Chính phủ: số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 17/2025/NĐ-CP ngày 06/2/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 21/12/2024 Quy định chi tiết một số nội dung về Quản lý dự án Đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*
- *Các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 02/2023/TT-BXD ngày 03/03/2023 Hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng; số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 Hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 và Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ;*
- *Căn cứ Quyết định số KQ2500137304_2506131002 ngày 13/6/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa Chất về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng của gói thầu Bổ sung, tăng cường hệ thống PCCC cho nhà KTX D4 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Nhà KTX D4 công trình Bổ sung, tăng cường hệ thống PCCC cho 03 nhà KTX D1, KTX D2 và nhà KTX D4 Trường Đại học Mỏ - Địa Chất.*
- *Các văn bản liên quan khác.*

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.1 *Bên* là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tùy theo ngữ cảnh (yêu cầu) diễn đạt.

1.2 *Bảng tiên lượng* là bảng kê chi tiết khối lượng và giá các công việc trong hợp đồng.

1.3 *Bản vẽ thiết kế* là tất cả các bản vẽ, bảng tính toán và thông tin kỹ thuật tương tự của công trình do Chủ đầu tư cấp cho Nhà thầu hoặc do Nhà thầu lập đã được Chủ đầu tư chấp thuận.

1.4 *Biên bản nghiệm thu* là biên bản được phát hành theo Điều 7 [Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm hợp đồng thi công xây dựng].

1.5 *Chỉ dẫn kỹ thuật* là tập hợp các yêu cầu kỹ thuật dựa trên các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn được áp dụng cho công trình, thiết kế xây dựng công trình để hướng dẫn, quy định về vật liệu, sản phẩm, thiết bị sử dụng cho công trình và các công tác thi công, giám sát, nghiệm thu công trình xây dựng.

1.6 *Chủ đầu tư* là: Trường Đại học Mỏ - Địa Chất

1.7 *Công trình* là công trình chính và công trình tạm hoặc một trong hai loại công trình này

1.8 *Công trình chính* là Gói thầu PCCC: Bổ sung tăng cường hệ thống PCCC cho nhà KTX D4 - Trường Đại học Mỏ - Địa Chất.

1.9 *Công trình tạm* là các công trình phục vụ thi công công trình, hạng mục công trình.

1.10 *Công trường* là địa điểm Chủ đầu tư giao cho Nhà thầu để thi công công trình.

1.11 *Dự án* là Bổ sung, tăng cường hệ thống PCCC cho 03 nhà KTXD1, KTX D2 và KTX D4 Trường Đại học Mỏ - Địa chất

1.12 *Đại diện Chủ đầu tư* là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền theo từng thời gian và điều hành công việc thay mặt cho Chủ đầu tư.

1.13 *Đại diện Nhà thầu* là người được Nhà thầu nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu ủy quyền bằng văn bản và điều hành công việc thay mặt Nhà thầu.

1.14 *Đại diện nhà tư vấn* là người được nhà tư vấn ủy quyền làm đại diện để thực hiện các nhiệm vụ do nhà tư vấn giao.

1.15 *Hạng mục công trình* là một công trình chính hoặc một phần công trình chính.

1.16 *Hồ sơ dự thầu (hoặc Hồ sơ đề xuất)* của Nhà thầu là toàn bộ tài liệu do Nhà thầu lập theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu (hoặc Hồ sơ yêu cầu) và được nộp cho bên mời thầu theo quy định tại Phụ lục số 01 [Hồ sơ dự thầu *(hoặc Hồ sơ đề xuất)* của Nhà thầu].

1.17 *Hồ sơ mời thầu (hoặc Hồ sơ yêu cầu)* của Chủ đầu tư là toàn bộ tài liệu theo quy định Hồ sơ mời thầu (hoặc Hồ sơ yêu cầu) của Chủ đầu tư.

1.18 *Hợp đồng* là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và các tài liệu kèm theo theo quy định tại Điều 2 [Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên].

1.19 *Luật* là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1.20 *Ngày* được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

1.21 *Ngày khởi công* là ngày được thông báo theo khoản 8.2 [Ngày khởi công, thời gian thực hiện hợp đồng] [quy định tại **ĐKCT**].

1.22 *Ngày làm việc* là ngày dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

1.23 *Nhà thầu* là Công ty Cổ phần xây dựng - kỹ thuật và thương mại Tân Trường Phát.

1.24 *"Nhà thầu phụ"* là Nhà thầu ký hợp đồng với Nhà thầu để thi công một phần công việc của Nhà thầu.

1.25 *Nhà tư vấn* là tổ chức, cá nhân do Chủ đầu tư ký hợp đồng thuê để thực hiện một hoặc một số công việc chuyên môn liên quan đến việc quản lý thực hiện hợp đồng (Nhà tư vấn có thể là tư vấn quản lý dự án hoặc tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình).

1.26 *Rủi ro và bất khả kháng* được định nghĩa tại Điều 20 [Rủi ro và bất khả kháng].

1.27 *Thay đổi* là sự thay đổi (điều chỉnh) phạm vi công việc, chỉ dẫn kỹ thuật, bản vẽ thiết kế, giá hợp đồng hoặc tiến độ thi công, các nội dung khác của hợp đồng có sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.

1.28 *Thiết bị của Nhà thầu* là toàn bộ thiết bị máy móc, phương tiện, xe cộ và các phương tiện, thiết bị khác yêu cầu phải có để Nhà thầu thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa bất cứ sai sót nào (nếu có).

1.29 *Tư vấn thiết kế* là tư vấn thực hiện việc thiết kế xây dựng công trình.

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.1 Hồ sơ hợp đồng xây dựng gồm thỏa thuận hợp đồng này và các tài liệu kèm theo hợp đồng

2.2 Tất cả các tài liệu nêu tại khoản 2.3 Điều này (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.

2.3 Các tài liệu kèm theo hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng, bao gồm:

a) Hợp đồng, các tài liệu kèm theo hợp đồng và các phụ lục hợp đồng (Thông số kỹ thuật, bản vẽ thiết kế, mô tả công việc mời thầu nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu,....);

b) Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng;

c) Biên bản thương thảo;

d) Biên bản hoàn thiện hợp đồng;

e) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

f) HSDT và các văn bản làm rõ HSDT của nhà thầu;

g) HSMT và các tài liệu bổ sung HSMT (nếu có);

h) Các tài liệu khác có liên quan.

2.4 Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng do các bên thỏa thuận áp dụng, trường hợp các bên không thỏa thuận thì áp dụng theo thứ tự ưu tiên quy định tại khoản 2.3 Điều này.

Điều 3. Luật và ngôn ngữ sử dụng

3.1 Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3.2 Ngôn ngữ của hợp đồng: Ngôn ngữ của hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 4. Thông báo

4.1 Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản. Thuật ngữ "bằng văn bản" hay "văn bản" là bản ghi bằng tay, đánh máy, được in ra hoặc thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và sau đó được lưu trữ lâu dài.

4.2 Thông báo của một bên phải được người đại diện có thẩm quyền hoặc người được ủy quyền ký kết sẽ được coi là có hiệu lực tại thời điểm ... (do hai bên ấn định trên cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 388 Bộ Luật Dân sự).

Điều 5. Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

5.1 Bảo đảm thực hiện hợp đồng

a) Nhà thầu phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng tương đương 5% giá trị hợp đồng tương đương với số tiền: 81.034.533 đồng (Bằng chữ: Tám mươi mốt triệu, không trăm ba mươi tư nghìn, năm trăm ba mươi ba đồng./.) cho Chủ đầu tư trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại khoản 2, Điều 16, Nghị định số 37/2015/NĐ-CP. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được ngân hàng hợp pháp hoạt động tại Việt Nam phát hành; Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải tuân theo mẫu của hồ sơ mời thầu (bảo lãnh thực hiện hợp đồng của hồ sơ mời thầu) hoặc theo mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.

b) Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có giá trị và có hiệu lực từ ngày hợp đồng có hiệu lực tới khi Nhà thầu đã thi công, hoàn thành công trình, hoặc hạng mục công trình tương ứng với hợp đồng đã ký kết được Chủ đầu tư nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành công trình theo quy định. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hạn và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 10 ngày trước ngày hết hạn, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.

c) Bên B không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây: Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

5.2 Bảo lãnh tiền tạm ứng:

a) Trước khi Chủ đầu tư tạm ứng hợp đồng cho Nhà thầu thì Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh tạm ứng hợp đồng. Giá trị bảo lãnh tiền tạm ứng hợp đồng bằng với số tiền tạm ứng hợp đồng với giá trị **486.207.197** đồng *(Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi sáu triệu, hai trăm linh bảy nghìn, một trăm chín mươi bảy đồng./.)*, Phương thức bảo lãnh bằng thư bảo lãnh của ngân hàng và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; số tiền tạm ứng sẽ được thu hồi hết ngay từ lần thanh toán đầu tiên. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng.

b) Hiệu lực bảo lãnh tạm ứng hợp đồng: Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng có giá trị kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho tới khi chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng.

c) Mức tạm ứng hợp đồng của là **486.207.197** đồng *(Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi sáu triệu, hai trăm linh bảy nghìn, một trăm chín mươi bảy đồng./.)*, tương đương 30% giá trị Hợp đồng.

Điều 6. Nội dung và khối lượng công việc

6.1 Nhà thầu thực hiện việc thi công xây dựng công trình theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật được mô tả trong Hồ sơ mời thầu của Chủ đầu tư và Hồ sơ dự thầu của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và Biên bản thương thảo hợp đồng, đảm bảo chất lượng, tiến độ, giá cả, an toàn và các thỏa thuận khác trong hợp đồng.

6.2 Nội dung và khối lượng công việc của hợp đồng thi công xây dựng được quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và có thể bao gồm toàn bộ hoặc một số công việc sau:

a) Bàn giao và tiếp nhận, quản lý mặt bằng xây dựng, tiếp nhận và bảo quản tim, cốt, mốc giới công trình;

b) Cung cấp vật liệu xây dựng, nhân lực, máy và thiết bị thi công để thi công xây dựng công trình theo hợp đồng;

c) Thi công xây dựng công trình theo đúng hồ sơ thiết kế được phê duyệt và quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành;

d) Thực hiện trắc đạc, quan trắc công trình theo yêu cầu thiết kế;

e) Kiểm soát chất lượng công việc xây dựng và lắp đặt thiết bị; giám sát thi công xây dựng công trình đối với công việc xây dựng do Nhà thầu phụ thực hiện trong trường hợp là Nhà thầu chính hoặc tổng thầu;

f) Xử lý, khắc phục các sai sót, khiếm khuyết về chất lượng trong quá trình thi công xây dựng (nếu có);

g) Thí nghiệm kiểm tra chất lượng vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng;

h) Thực hiện nghiệm thu công việc chuyển bước thi công, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng;

i) Nghiệm thu Phòng cháy chữa cháy cho công trình và đưa công trình vào sử dụng với Cơ quan chức năng theo đúng quy định của Nhà nước.

j) Thực hiện các công tác bảo đảm an toàn, bảo vệ và vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ;

k) Bảo vệ công trường, mặt bằng thi công trong phạm vi hợp đồng thi công;

l) Thực hiện các công tác bảo đảm an ninh trật tự cho khu vực công trường;

m) Hợp tác với các Nhà thầu khác trên công trường (nếu có);

n) Thu dọn công trường và bàn giao sản phẩm xây dựng sau khi hoàn thành;

o) Các công việc khác trong quá trình thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận của hợp đồng, các tài liệu kèm theo hợp đồng và quy định của pháp luật.

6.3 Phạm vi công việc thực hiện đối với hợp đồng thi công xây dựng: Là việc cung cấp vật liệu xây dựng, nhân lực, máy và thiết bị thi công và thi công xây dựng công trình theo đúng hồ sơ thiết kế được phê duyệt và tại điểm b), điểm c) nội dung 6.2.

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm và nghiệm thu, bàn giao sản phẩm hợp đồng

7.1 Yêu cầu về chất lượng sản phẩm của hợp đồng thi công xây dựng

Yêu cầu về chất lượng sản phẩm của hợp đồng thi công xây dựng quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP như sau:

a) Công trình phải được thi công theo bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi được Chủ đầu tư chấp thuận), chỉ dẫn kỹ thuật được nêu trong hồ sơ mời thầu (hoặc hồ sơ yêu cầu) phù hợp với hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng cho dự án và các quy định về chất lượng công trình, xây dựng của nhà nước có liên quan; Nhà thầu phải có sơ đồ và thuyết minh hệ thống quản lý chất lượng thi công, giám sát chất lượng thi công của mình.

b) Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư các kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành. Các kết quả thí nghiệm này phải được thực hiện bởi phòng thí nghiệm hợp chuẩn theo quy định.

c) Nhà thầu đảm bảo vật tư, thiết bị được cung cấp có nguồn gốc xuất xứ như quy định của hồ sơ hợp đồng.

7.2 Kiểm tra, giám sát của Chủ đầu tư

a) Chủ đầu tư được quyền vào các nơi trên công trường và các nơi khai thác nguyên vật liệu tự nhiên của Nhà thầu phục vụ cho gói thầu để kiểm tra;

b) Trong quá trình sản xuất, gia công, chế tạo và xây dựng ở khu vực, trên công trường được quy định trong hợp đồng Chủ đầu tư được quyền kiểm tra, kiểm định, đo lường, thử các loại vật liệu và kiểm tra quá trình gia công, chế tạo thiết bị, sản xuất vật liệu.

c) Nhà thầu phải tạo mọi điều kiện cho người của Chủ đầu tư để tiến hành các hoạt động này, bao gồm cả việc cho phép ra vào, cung cấp các phương tiện đi lại ở khu vực trên công trường, các giấy phép và thiết bị an toàn. Những hoạt động này không làm giảm nghĩa vụ hoặc trách nhiệm của Nhà thầu.

d) Đối với các công việc mà người của Chủ đầu tư được quyền xem xét đo lường và kiểm định, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết khi bất kỳ công việc nào như vậy đã xong và trước khi được phủ lấp, hoặc không còn được nhìn thấy hoặc đóng gói để lưu kho hoặc vận chuyển. Chủ đầu tư phải tiến hành ngay việc kiểm tra, giám định, đo lường hoặc kiểm định không được chậm trễ mà không cần lý do, hoặc thông báo ngay cho Nhà thầu việc Chủ đầu tư không kiểm tra, giám định, đo lường hoặc kiểm định để Nhà thầu có thể tiếp tục các công việc tiếp theo. Trong trường hợp Chủ đầu tư không tham gia quá trình này thì Chủ đầu tư không được khiếu nại về các vấn đề trên.

7.3 Nghiệm thu sản phẩm các công việc hoàn thành: Theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và Nghị định số 06/2021/NĐ-CP. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của hợp đồng là các bản vẽ thiết kế (kể cả phần sửa đổi, bổ sung được Chủ đầu tư chấp thuận); thuyết minh kỹ thuật; các quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan; chứng chỉ kết quả thí nghiệm; biểu mẫu hồ sơ nghiệm thu bàn giao và các quy định khác có liên quan.

7.4 Chạy thử của công trình (nếu có)

a) Trước khi bắt đầu chạy thử khi hoàn thành, Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư các tài liệu hoàn công, các sổ tay vận hành và bảo trì phù hợp với đặc tính kỹ thuật với đầy đủ chi tiết để vận hành, bảo trì, tháo dỡ, lắp đặt, điều chỉnh và sửa chữa.

b) Nhà thầu phải cung cấp các máy móc, sự trợ giúp, tài liệu và các thông tin khác, điện, thiết bị, nhiên liệu, vật dụng, dụng cụ, người lao động, vật liệu và nhân viên có trình độ và kinh nghiệm cần thiết để tiến hành chạy thử cụ thể một cách hiệu quả. Nhà thầu phải thống nhất với Chủ đầu tư về thời gian, địa điểm tiến hành chạy thử của thiết bị, vật liệu và các hạng mục công trình.

c) Chủ đầu tư phải thông báo trước 05 ngày [quy định tại **ĐKCT**] cho Nhà thầu về ý định của mình là sẽ tham gia vào lần chạy thử. Nếu Chủ đầu tư không tham gia vào lần chạy thử tại địa điểm và thời gian đã thỏa thuận, Nhà thầu có thể tiến hành chạy thử và việc chạy thử coi như đã được tiến hành với sự có mặt của Chủ đầu tư, trừ khi có thỏa thuận khác giữa các bên.

d) Nếu Nhà thầu phải chịu sự chậm trễ hay chịu các chi phí do tuân thủ các hướng dẫn của Chủ đầu tư, hay do sự chậm trễ thuộc trách nhiệm của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết và được:

- Gia hạn thời gian do sự chậm trễ;
- Thanh toán mọi chi phí cộng thêm vào giá hợp đồng.

e) Nhà thầu phải trình cho Chủ đầu tư các báo cáo có xác nhận về các lần chạy thử và các bên ký biên bản chạy thử làm cơ sở thanh lý hợp đồng theo quy định.

7.5 Nghiệm thu, bàn giao công trình và các hạng mục công trình

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ

về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng [quy định tại **ĐKCT**].

7.6 Trách nhiệm của Nhà thầu đối với các sai sót

a) Bằng kinh phí của mình Nhà thầu phải hoàn thành các công việc còn tồn đọng vào ngày đã nêu trong biên bản nghiệm thu, bàn giao trong khoảng thời gian hợp lý mà Chủ đầu tư yêu cầu nhưng đảm bảo không vượt quá khoảng thời gian thực hiện các công việc còn tồn đọng đó quy định trong hợp đồng.

b) Trường hợp không sửa chữa được sai sót

- Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng trong khoảng thời gian hợp lý, Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có thể ấn định ngày để sửa chữa các sai sót hay hư hỏng và thông báo cho Nhà thầu biết về ngày này.
- Nếu Nhà thầu không sửa chữa được các sai sót hay hư hỏng vào ngày đã được thông báo, Chủ đầu tư có thể tự tiến hành công việc hoặc thuê người khác sửa chữa và Nhà thầu phải chịu mọi chi phí (Nhà thầu không được kiến nghị về chi phí sửa chữa nếu không cung cấp được tài liệu chứng minh sự thiếu chính xác trong cách xác định chi phí sửa chữa của Chủ đầu tư), Nhà thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về công việc sửa chữa nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tiếp tục nghĩa vụ của mình đối với công trình theo hợp đồng.

c) Nếu sai sót hoặc hư hỏng dẫn đến việc Chủ đầu tư không sử dụng được công trình hay phần lớn công trình cho mục đích đã định thì Chủ đầu tư sẽ chấm dứt hợp đồng; khi đó, Nhà thầu sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Chủ đầu tư theo hợp đồng và theo các quy định pháp luật.

d) Nếu sai sót hoặc hư hỏng không thể sửa chữa ngay trên công trường được và được Chủ đầu tư đồng ý, Nhà thầu có thể chuyển khỏi công trường thiết bị hoặc cấu kiện bị sai sót hay hư hỏng để sửa chữa.

7.7 Các kiểm định thêm

a) Nếu việc sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng làm ảnh hưởng đến sự vận hành của công trình, Chủ đầu tư có thể yêu cầu tiến hành lại bất cứ cuộc kiểm định nào nêu trong hợp đồng, bao gồm cả các cuộc kiểm định khi hoàn thành và kiểm định sau khi hoàn thành. Yêu cầu này được thông báo trong khoảng thời gian 30 ngày sau khi đã sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng.

b) Các kiểm định này phải được tiến hành theo các điều kiện được áp dụng cho các kiểm định trước, chỉ khác là được tiến hành bằng kinh phí của Nhà thầu.

7.8 Những nghĩa vụ chưa được hoàn thành

Sau khi đã cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao, mỗi bên sẽ phải chịu trách nhiệm hoàn thành các nghĩa vụ vẫn chưa được thực hiện tại thời điểm đó. Hợp đồng vẫn được coi là có hiệu lực đối với nội dung và phạm vi của những nghĩa vụ chưa được hoàn thành.

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

8.1 Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng thi công xây dựng theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP .

8.2 Ngày khởi công, thời gian thực hiện hợp đồng

a) Ngày khởi công công trình là ngày 26 tháng 6 năm 2025 hoặc theo ngày trong biên bản bàn giao mặt bằng giữa Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát và Nhà thầu xác nhận.

b) Nhà thầu sẽ bắt đầu tiến hành thi công xây dựng công trình *(ngay sau ngày khởi công)* và sẽ thực hiện thi công xây dựng công trình đúng thời gian thực hiện hợp đồng mà không

được chậm trễ.

c) Nhà thầu phải hoàn thành toàn bộ công việc theo nội dung của hợp đồng trong khoảng thời gian **140** ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công cho Nhà thầu. Tiến độ **140** ngày là tiến độ tính theo ngày dương lịch, trừ ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

8.3 Tiến độ thực hiện hợp đồng:

Căn cứ vào thời gian thực hiện hợp đồng Nhà thầu phải lập tiến độ chi tiết để trình cho Chủ đầu tư trong vòng 07 ngày sau ngày khởi công Nhà thầu cũng phải trình tiến độ thi công đã được sửa đổi nếu tiến độ thi công trước đó không phù hợp với tiến độ thực tế hoặc không phù hợp với nghĩa vụ của Nhà thầu.

8.4 Điều chỉnh tiến độ hợp đồng thi công xây dựng

a) Điều chỉnh tiến độ hợp đồng thi công xây dựng theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và Điều 5 Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03 tháng 03 năm 2023 hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

b) Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ thương thảo về việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau đây:

- Chủ đầu tư không trao cho Nhà thầu quyền tiếp cận, sử dụng các phần hoặc toàn bộ công trường theo thời gian quy định;
- Chủ đầu tư chậm trễ không có lý do trong việc cấp biên bản nghiệm thu công trình;
- Nhà thầu tuân thủ các hướng dẫn của Chủ đầu tư khi các hướng dẫn của Chủ đầu tư đúng quy định, mới phát sinh, không nằm trong thỏa thuận đã có trước đó.

c) Nhà thầu được phép theo Điều 22 [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp] gia hạn thời gian hoàn thành nếu do một trong những lý do sau đây:

- Có sự thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Chủ đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;
- Do ảnh hưởng của các trường hợp bất khả kháng;
- Sự chậm trễ, trở ngại trên công trường do Chủ đầu tư như: việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của Nhà thầu gây ra;
- Do Chủ đầu tư không hoặc chậm thanh toán vốn theo quy định của hợp đồng.

8.5 Đẩy nhanh tiến độ

a) Trường hợp Chủ đầu tư cần Nhà thầu hoàn thành trước ngày hoàn thành dự kiến, Chủ đầu tư phải yêu cầu Nhà thầu đề xuất các chi phí phát sinh nhằm đẩy nhanh tiến độ. Nếu Chủ đầu tư chấp nhận các chi phí mà Nhà thầu đề xuất thì ngày hoàn thành dự kiến sẽ được điều chỉnh cho phù hợp và được Chủ đầu tư, Nhà thầu xác nhận.

b) Nếu các chi phí phát sinh do Nhà thầu đề xuất để đẩy nhanh tiến độ được Chủ đầu tư chấp thuận thì giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh và các chi phí phát sinh sẽ được xem là một thay đổi của hợp đồng.

8.6 Khắc phục tiến độ chậm trễ

Khi tiến độ đã bị chậm hơn so với tiến độ thi công như các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng của công việc đó mà không phải do những nguyên nhân đã nêu trong khoản 8.4 Điều này, khi đó Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu trình một bản tiến độ thi công được sửa đổi để thực hiện tiến độ hoàn thành, trong thời gian yêu cầu.

Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

9.1 Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói

***9.2 Tổng giá trị hợp đồng là:* 1.620.690.658 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm hai mươi triệu, sáu trăm chín mươi nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng./.*)**

Chi tiết giá hợp đồng được nêu trong Phụ lục bảng giá hợp đồng.

(Thuế suất thuế giá trị gia tăng (thuế GTGT) đối với hàng hóa/ dịch vụ được thể hiện trên đây là thuế suất tạm tính tại thời điểm ký hợp đồng. Tại thời điểm xuất hóa đơn nếu Nhà nước có sự thay đổi về chính sách thuế GTGT, hai bên sẽ tự xác định thuế suất thuế GTGT và theo đó, tổng giá trị của hợp đồng được điều chỉnh theo thay đổi giá trị của thuế GTGT).

- Giá trị hợp đồng bao gồm toàn bộ các loại chi phí, thuế và phí theo quy định của pháp luật để thi công xây lắp hoàn chỉnh gói thầu và không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng đối với khối lượng các công việc thuộc phạm vi hợp đồng đã ký.
- Không điều chỉnh giá hợp đồng do yếu tố do trượt giá (tăng hoặc giảm) mà liên quan trực tiếp đến tiền lương, tiền công, giá vật tư, vật liệu, nhân công, máy, nhiên liệu và các yếu tố khác có liên quan đến trượt giá làm thay đổi đơn giá các công việc thực hiện trong hợp đồng.

9.3 Tạm ứng

Căn cứ theo kế hoạch cấp vốn và tiến độ triển khai của công trình, Bên A tạm ứng cho Bên B là **486.207.197** đồng *(Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi sáu triệu, hai trăm linh bảy nghìn, một trăm chín mươi bảy đồng./.)* tương đương với 30% giá trị hợp đồng tại thời điểm ký kết (bao gồm cả dự phòng nếu có) và Bên B phải có Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng tương đương với số tiền tạm ứng trên.

a) Tiền tạm ứng: Vốn tạm ứng được Chủ đầu tư thu hồi hết ngay từ lần thanh toán khối lượng hoàn thành đầu tiên của hợp đồng.

a) Tiền tạm ứng phải được hoàn trả bằng cách khấu trừ hết qua khoản thanh toán đầu tiên cho Nhà thầu. Khoản tiền tạm ứng hay hoàn trả tiền tạm ứng sẽ không được tính đến khi định giá các công việc đã thực hiện, các thay đổi hợp đồng, các sự kiện bồi thường, thưởng hợp đồng hoặc bồi thường thiệt hại. Trường hợp tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình và trước khi chấm dứt hợp đồng, khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi này sẽ là nợ đến hạn và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Chủ đầu tư trong thời gian 30 ngày.

b) Nhà thầu phải sử dụng tiền tạm ứng theo đúng quy định tại khoản 6, Điều 18, Nghị định số 37/2015/NĐ-CP. Tiền tạm ứng chỉ được sử dụng cho việc trả lương cho người lao động, mua hoặc huy động thiết bị, nhà xưởng, vật tư và các chi phí huy động cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này.

9.4 Thanh toán:

Nhà thầu sẽ được thanh toán khi các công việc được nghiệm thu đảm bảo chất lượng và đủ điều kiện thanh toán, được nghiệm thu đầy đủ, có hồ sơ thanh toán theo quy định hiện hành. Việc thanh toán được thực hiện như sau:

a) Thanh toán giai đoạn 1: Bên A thanh toán cho Bên B đến 75% giá trị khối lượng công việc hoàn thành ngay sau khi Bên B hoàn thành 100% khối lượng công việc theo hợp đồng và được nghiệm thu bởi Chủ đầu tư, Tư vấn Giám sát và Nhà thầu; trước khi nộp Hồ sơ Đề nghị nghiệm thu PCCC đối với công trình lên Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH – Công an Thành phố Hà Nội (PC07).

b) Thanh toán giai đoạn 2: Bên A thanh toán cho Bên B đến 90% giá trị khối lượng công việc hoàn thành ngay sau khi Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH – Công an Thành phố Hà Nội (PC07) có Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC đối với công trình.

c) Thanh toán quyết toán: Sau khi Bên B hoàn thành toàn bộ công việc trong hợp đồng, hai bên tiến hành quyết toán giá trị khối lượng thực hiện và Bên A thanh toán cho Bên B đến 95% giá trị quyết toán.

d) Thanh toán giá trị bảo hành: Sau khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành hoặc Bên A nhận được văn bản Bảo lãnh nghĩa vụ bảo hành của ngân hàng theo quy định, Bên A thanh toán 100% giá trị tiền bảo hành (tương đương 5% giá trị quyết toán) cho Bên B.

9.5 Thời hạn thanh toán

a) Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 30 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Nhà thầu.

b) Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán không đúng thời hạn và không đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng thì phải bồi thường cho Nhà thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

9.6 Đồng tiền và hình thức thanh toán

a) Đồng tiền thanh toán: bằng đồng tiền Việt Nam (VNĐ)

b) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản theo chi tiết như sau:
Chủ tài khoản: Công ty cổ phần xây dựng-kỹ thuật và thương mại Tân Trường Phát
Tài khoản số: 8311100418007
Mở tại: tại Ngân hàng Ngân hàng TMCP Quân Đội, Chi nhánh Mỹ Đình. Mã Citad: 01311001

9.7 Hồ sơ thanh toán

Trước khi Bên A làm thủ tục thanh toán cho Bên B, Bên B phải cung cấp đầy đủ Hồ sơ để phục vụ công tác thanh toán cụ thể như sau:

- Số lượng hồ sơ thanh toán: 10 bộ hồ sơ.
- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của Đại diện Chủ đầu tư hoặc Đại diện tư vấn giám sát (nếu có) và Đại diện Nhà thầu; Biên bản nghiệm thu khối lượng này là bản xác nhận hoàn thành công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng (đối với hợp đồng thi công xây dựng phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo thiết kế) mà không cần xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết;
- Bảng tính giá trị nội dung của các công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng đã ký kết có xác nhận của Đại diện Chủ đầu tư hoặc Đại diện tư vấn giám sát (nếu có) và Đại diện Nhà thầu;
- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Mẫu số 03.0/TT ban hành kèm theo Nghị định 99/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán sử dụng vốn đầu tư công.)
- Đề nghị thanh toán của Bên B cần thể hiện các nội dung: Giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản.
- Hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định của Nhà nước.

Điều 10. Điều chỉnh đơn giá, khối lượng công việc:

10.1 Nguyên tắc điều chỉnh hợp đồng:

- Việc điều chỉnh giá hợp đồng chỉ được áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng, bao gồm cả thời gian được gia hạn theo thỏa thuận của hợp đồng (nếu có).
- Đối với hợp đồng trọn gói, chỉ được điều chỉnh hợp đồng cho những khối lượng công việc bổ sung ngoài phạm vi công việc theo hợp đồng đã ký (đối với hợp đồng thi công xây dựng là nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo thiết kế, yêu cầu của hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu) và các trường hợp quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 143 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.

10.2 Điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng xây dựng:

Việc điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng xây dựng được quy định tại Điều 37, Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 và Điểm 13, Điều 1, Nghị định Số: 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ như sau:

- Đối với hợp đồng trọn gói: Trường hợp có phát sinh hợp lý những công việc ngoài phạm vi hợp đồng đã ký (đối với hợp đồng thi công xây dựng là nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo thiết kế). Trường hợp này, khi điều chỉnh khối lượng không làm vượt giá gói thầu được phê duyệt thì chủ đầu tư và nhà thầu tính toán, thỏa thuận và ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng; trường hợp vượt giá gói thầu được phê duyệt thì phải được người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định; trường hợp thỏa thuận không được thì khối lượng các công việc phát sinh đó sẽ hình thành gói thầu mới, việc lựa chọn nhà thầu để thực hiện gói thầu này theo quy định hiện hành.
- Đối với những khối lượng phát sinh nằm ngoài phạm vi hợp đồng đã ký mà chưa có quy định về đơn giá hoặc phương pháp xác định đơn giá trong hợp đồng, các bên tham gia hợp đồng phải thỏa thuận, thống nhất đơn giá hoặc nguyên tắc, phương pháp xác định giá để thực hiện khối lượng công việc này trước khi thực hiện.
- Đối với công việc phát sinh giảm trong Hợp đồng: Bên A phải có trách nhiệm thông báo trước cho Bên B 30 ngày trước khi thi công.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ chung của Chủ đầu tư

11.1 Quyền của Chủ đầu tư

a) Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, giám sát nhưng không được gây cản trở hoạt động thi công bình thường của Nhà thầu và bất kỳ chậm trễ, trì hoãn hay yêu cầu bổ sung kéo dài nào trong việc kiểm tra/kiểm định của Chủ đầu tư thì đều không được tính vào tiến độ thi công của Nhà thầu;

b) Nếu Chủ đầu tư xét thấy mình có quyền với bất kỳ khoản thanh toán nào theo bất cứ điều nào hoặc các quy định khác liên quan đến hợp đồng thì phải thông báo và cung cấp các chi tiết cụ thể cho Nhà thầu.

c) Trường hợp Chủ đầu tư nhận thấy vấn đề hoặc tình huống dẫn tới khiếu nại phải thông báo cho Nhà thầu càng sớm càng tốt. Các thông tin chi tiết phải xác định cụ thể điều khoản hoặc cơ sở khiếu nại khác và phải bao gồm chứng minh của số tiền và sự kéo dài mà Chủ đầu tư tự cho mình có quyền được hưởng liên quan đến hợp đồng. Chủ đầu tư sau đó phải quyết định:
- Số tiền *(nếu có)* mà Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu thanh toán;
- Kéo dài *(nếu có)* thời hạn thông báo sai sót;

d) Chủ đầu tư có thể khấu trừ số tiền này từ bất kỳ khoản nợ hay sẽ nợ nào của Nhà thầu. Chủ đầu tư chỉ được quyền trừ hoặc giảm số tiền từ tổng số được xác nhận khoản nợ của Nhà thầu hoặc theo một khiếu nại nào khác đối với Nhà thầu theo khoản này;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

11.2 Nghĩa vụ của Chủ đầu tư

a) Bàn giao toàn bộ hoặc từng phần mặt bằng xây dựng cho Nhà thầu quản lý, sử dụng phù hợp với tiến độ và các thỏa thuận của hợp đồng;

b) Cử và thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về nhân lực chính tham gia quản lý và thực hiện hợp đồng;

c) Bố trí đủ nguồn vốn để thanh toán cho Nhà thầu theo tiến độ thanh toán trong hợp đồng;

d) Thuê tư vấn giúp Chủ đầu tư giám sát theo quy định tại Điều 13 hoặc Điều 14 của hợp đồng này [Quyền và nghĩa vụ của nhà tư vấn];

e) Cung cấp kịp thời hồ sơ thiết kế và các tài liệu có liên quan, vật tư *(nếu có)* theo thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan;

f) Xem xét và chấp thuận kịp thời trong thời gian 15 ngày bằng văn bản các đề xuất liên quan đến thiết kế, thi công của Nhà thầu trong quá trình thi công xây dựng công trình. Nếu trong khoảng thời gian này mà Chủ đầu tư không trả lời thì coi như Chủ đầu tư đã chấp thuận đề nghị hay yêu cầu của Nhà thầu;

g) Chủ đầu tư phải có sẵn để cung cấp cho Nhà thầu toàn bộ các số liệu liên quan mà Chủ đầu tư có về điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn và những nội dung của công tác khảo sát về công trường, bao gồm cả các yếu tố môi trường liên quan đến hợp đồng.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ chung của Nhà thầu

12.1 Quyền của Nhà thầu

a) Được quyền đề xuất với Chủ đầu tư về khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng quy định tại Điều 4 Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng; từ chối thực hiện công việc ngoài phạm vi hợp đồng khi chưa được hai bên thống nhất và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.

b) Được thay đổi các biện pháp thi công sau khi được Chủ đầu tư chấp thuận nhằm đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, an toàn, hiệu quả công trình trên cơ sở giá hợp đồng đã ký kết.

c) Tiếp cận công trường:

- Chủ đầu tư phải bàn giao cho Nhà thầu mặt bằng thi công công trình để Nhà thầu thực hiện hợp đồng.
- Trường hợp Nhà thầu không nhận được mặt bằng thi công công trình do sự chậm trễ của Chủ đầu tư và phải gánh chịu chi phí phát sinh trong thời gian này thì Nhà thầu được thanh toán chi phí phát sinh và cộng thêm vào trong giá hợp đồng.
- Nếu do sai sót hoặc sự chậm trễ của Nhà thầu thì Nhà thầu sẽ không được quyền hưởng việc gia hạn thời gian, chi phí này.

12.2 Nghĩa vụ của Nhà thầu

a) Nhà thầu phải huy động các nhân sự chủ chốt và sử dụng các thiết bị đã kê khai trong HSDT hoặc đã bổ sung, sửa đổi để thực hiện công trình. Chủ đầu tư chỉ chấp thuận đề xuất thay thế nhân sự chủ chốt và thiết bị trong trường hợp kinh nghiệm, năng lực của nhân sự thay thế và chất lượng, tính năng của thiết bị thay thế là tương đương hoặc cao hơn so với đề xuất trong HSDT, đảm bảo đúng quy định.

b) Trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu không sử dụng nhân sự của Nhà thầu cho việc thực hiện hợp đồng của Chủ đầu tư với lý do chính đáng, Nhà thầu phải bảo đảm rằng người đó sẽ rời khỏi công trường trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư và không còn được thực hiện bất kỳ công việc nào liên quan đến hợp

đồng. Trong trường hợp cần thiết, Nhà thầu phải bổ sung ngay một nhân sự thay thế có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc cao hơn.

c) Trường hợp Chủ đầu tư xác định một nhân sự của Nhà thầu tham gia các hành vi tham nhũng, gian lận, thông đồng, ép buộc hoặc gây trở ngại trong quá trình thực hiện công trình, các hành vi vi phạm pháp luật khác thì nhân sự đó sẽ bị buộc thôi việc.

d) Nhà thầu phải thi công xây dựng công trình đúng thiết kế, tiêu chuẩn dự án, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ. Tất cả vật liệu thi công trong công trình đều phải có chứng chỉ nguồn gốc xuất xứ. Cung cấp tài liệu kỹ thuật, giấy tờ, chứng chỉ vật tư thiết bị để nghiệm thu hoàn công và tiến hành thanh toán và tham gia vào việc nghiệm thu hoàn công.

e) đ) Nhà thầu phải lập biện pháp tổ chức thi công, ghi nhật ký thi công xây dựng công trình, lập hồ sơ thanh toán, lập hồ sơ hoàn công, lập quyết toán hợp đồng, thí nghiệm vật liệu, kiểm định, thiết bị, sản phẩm xây dựng theo đúng quy định của hợp đồng.

f) Nhà thầu phải giữ bí mật thông tin liên quan đến hợp đồng hoặc pháp luật có quy định liên quan đến bảo mật thông tin.

g) Nhà thầu phải trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian 07 ngày, nếu trong khoảng thời gian này mà Nhà thầu không trả lời thì được coi như Nhà thầu đã chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư.

h) Đối với quy cách chủng loại vật tư, vật liệu, thiết bị được sử dụng trong thi công gói thầu phải được Chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản.

i) Phối hợp với chủ đầu tư cùng làm việc với các cơ quan chức năng, giải quyết các vấn đề pháp lý về công tác PCCC liên quan đến công trình thi công.

12.3 Nhân lực của Nhà thầu

a) Nhân lực của Nhà thầu phải có trình độ chuyên môn, kỹ năng và kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu sa thải bất cứ nhân lực nào ở công trường hay công trình, kể cả đại diện của Nhà thầu nếu những người đó: có thái độ sai trái hoặc thiếu cẩn thận; thiếu năng lực hoặc bất cẩn; không tuân thủ bất kỳ điều khoản nào của hợp đồng; gây phương hại đến an toàn, sức khỏe hoặc bảo vệ môi trường.

b) Khi đó, Nhà thầu sẽ chỉ định một người khác thích hợp để thay thế. Nhà thầu phải luôn đảm bảo trật tự, an toàn cho người và tài sản trên công trường.

12.4 Báo cáo về nhân lực và thiết bị của Nhà thầu

Nhà thầu phải trình cho Chủ đầu tư những chi tiết về số lượng nhân lực tối thiểu, thiết bị chủ yếu của Nhà thầu trên công trường.

12.5 Hợp tác

a) Nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện việc hợp tác trong công việc đối với: nhân lực của Chủ đầu tư; các Nhà thầu khác do Chủ đầu tư thuê;

b) Các dịch vụ cho những người này và các Nhà thầu khác có thể bao gồm việc sử dụng thiết bị của Nhà thầu, các công trình tạm hoặc việc bố trí đường vào công trường là trách nhiệm của Nhà thầu.Trường hợp các dịch vụ này làm phát sinh chi phí ngoài giá hợp đồng đã ký thì các bên xem xét thỏa thuận bổ sung chi phí này.

c) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về các hoạt động thi công xây lắp của mình trên công trường, phải phối hợp các hoạt động của mình với hoạt động của các Nhà thầu khác ở phạm vi *(nếu có)* được nêu rõ trong hồ sơ mời thầu *(hoặc hồ sơ yêu cầu)* của Chủ đầu tư.

12.6 Định vị các mốc

a) Nhà thầu phải định vị công trình theo các mốc và cao trình tham chiếu được xác định trong

hợp đồng. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm về việc định vị đúng tất cả các hạng mục của công trình và phải điều chỉnh sai sót về vị trí, cao độ, kích thước hoặc căn tuyến của công trình.

b) Chủ đầu tư sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ sai sót nào về việc cung cấp thông tin trong các mục được chỉ ra trên đây hoặc các thông báo để tham chiếu đó *(các điểm mốc, tuyến và cao trình chuẩn),* nhưng Nhà thầu phải cố gắng để kiểm chứng độ chính xác của chúng trước khi sử dụng.

c) Trường hợp, Nhà thầu bị chậm trễ và phải chịu chi phí mà không phải do lỗi của mình gây ra, thì Nhà thầu sẽ thông báo cho Chủ đầu tư và có quyền thực hiện theo Điều 24 của hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp].

12.7 Điều kiện về công trường

Nhà thầu được coi là đã thẩm tra và xem xét công trường, khu vực xung quanh công trường, các số liệu và thông tin có sẵn nêu trên và đã được thỏa mãn trước khi nộp thầu, bao gồm:

a) Địa hình của công trường, bao gồm cả các điều kiện địa chất công trình khi mà trong E-HSMT hoặc tài liệu làm rõ đã có báo cáo về việc khảo sát địa chất công trình;

b) Điều kiện địa chất thủy văn và khí hậu;

c) Mức độ và tính chất của công việc và vật liệu cần thiết cho việc thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa sai sót.

d) Các quy định của pháp luật về lao động;

e) đ) Các yêu cầu của Nhà thầu về đường vào, ăn, ở, phương tiện, nhân lực, điều kiện giao thông, nước và các dịch vụ khác.

f) Nhà thầu được coi là đã thỏa mãn về tính đúng, đủ của điều kiện công trường để xác định giá hợp đồng.

g) Nếu Nhà thầu gặp phải các điều kiện địa chất bất lợi mà Nhà thầu cho là không lường trước được, thì Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư biết một cách sớm nhất có thể. Thông báo này sẽ mô tả các điều kiện địa chất sao cho Chủ đầu tư có thể kiểm tra được và phải nêu lý do tại sao Nhà thầu coi các điều kiện địa chất đó là không lường trước được. Nhà thầu phải tiếp tục thi công xây dựng công trình, sử dụng các biện pháp thỏa đáng và hợp lý và thích ứng với điều kiện địa chất đó và phải tuân theo bất kỳ chỉ dẫn nào mà Chủ đầu tư có thể đưa ra. Nếu một chỉ dẫn tạo ra sự thay đổi, thì các bên xem xét tiêu chí để thống nhất áp dụng theo Điều 21 của hợp đồng [Rủi ro và bất khả kháng].

12.8 Đường đi và phương tiện

a) Nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí và lệ phí cho các quyền về đường đi lại chuyên dùng hoặc tạm thời mà Nhà thầu cần có, bao gồm lối vào công trường. Nhà thầu cũng phải có thêm các phương tiện khác bên ngoài công trường cần cho công việc bằng kinh phí của mình.

b) Nhà thầu phải nỗ lực để tránh làm hư hỏng đường, cầu do việc sử dụng, đi lại của Nhà thầu hoặc người của Nhà thầu gây ra. Những nỗ lực này phải bao gồm việc sử dụng đúng các phương tiện và tuyến đường thích hợp.

c) Trừ khi được quy định khác trong các điều kiện và điều khoản này:

- Nhà thầu không được sử dụng và chiếm lĩnh toàn bộ đường đi hay vỉa hè bất kể nó là công cộng hay thuộc quyền kiểm soát của Chủ đầu tư hoặc những người khác;
- Nhà thầu (trong quan hệ giữa các bên) sẽ phải chịu trách nhiệm sửa chữa nếu Nhà thầu làm hỏng khi sử dụng các tuyến đường đó;
- Nhà thầu phải cung cấp các biển hiệu, biển chỉ dẫn cần thiết dọc tuyến đường và phải xin phép nếu các cơ quan liên quan yêu cầu cho việc sử dụng các tuyến đường, biển hiệu, biển

chỉ dẫn;

- Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào có thể nảy sinh từ việc sử dụng hoặc các việc liên quan khác đối với các tuyến đường đi lại;
- Chủ đầu tư không bảo đảm sự thích hợp hoặc sẵn có các tuyến đường riêng biệt nào;
- Chi phí do sự không thích hợp hoặc không có sẵn các tuyến đường cho yêu cầu sử dụng của Nhà thầu sẽ do Nhà thầu chịu.

12.9 Vận chuyển vật tư thiết bị (trừ khi có quy định khác)

a. Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư không muộn hơn 07 ngày, trước ngày mà mọi vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường (bao gồm cả đóng gói, xếp hàng, vận chuyển, nhận, dỡ hàng, lưu kho và bảo vệ vật tư thiết bị);

b. Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu thiệt hại cho Chủ đầu tư đối với các hư hỏng, mất mát và chi phí (kể cả lệ phí và phí tư pháp) do việc vận chuyển vật tư thiết bị của Nhà thầu.

12.10 Thiết bị Nhà thầu

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thiết bị của mình. Khi được đưa tới công trình, thiết bị của Nhà thầu phải dùng riêng cho việc thi công công trình. Nhà thầu không được di chuyển ra khỏi công trường bất kỳ một loại thiết bị chủ yếu nào nếu không được sự đồng ý của Chủ đầu tư. Tuy nhiên, không yêu cầu phải có sự đồng ý của Chủ đầu tư đối với các xe cộ vận chuyển vật tư, thiết bị hoặc nhân lực của Nhà thầu ra khỏi công trường.

12.11 Hoạt động của Nhà thầu trên công trường

a) Nhà thầu phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi công trường và khu vực bổ sung mà Nhà thầu có và được Chủ đầu tư đồng ý là nơi làm việc. Nhà thầu phải có sự chú ý cần thiết để giữ cho thiết bị của Nhà thầu và nhân lực của Nhà thầu chỉ hoạt động trong phạm vi công trường và các khu vực bổ sung và giữ cho không lấn sang khu vực lân cận. Trong thời gian thi công công trình, Nhà thầu phải giữ cho công trường không có các cản trở không cần thiết, và phải cất giữ hoặc sắp xếp thiết bị hoặc vật liệu thừa của mình. Nhà thầu phải dọn sạch rác và dỡ bỏ công trình tạm ra khỏi công trường khi không cần nữa.

b) Sau khi biên bản nghiệm thu công trình đã được cấp, Nhà thầu phải dọn sạch và đưa đi tất cả thiết bị của Nhà thầu, nguyên vật liệu thừa, phế thải xây dựng, rác và công trình tạm. Nhà thầu phải để lại những khu vực đó của công trường và công trình trong trạng thái sạch sẽ và an toàn. Tuy nhiên, Nhà thầu có thể để lại công trường, trong giai đoạn thông báo sai sót, những vật tư thiết bị cần để Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.

c) Nếu tất cả những vật tư, thiết bị này không được dọn khỏi công trường trong vòng 07 ngày sau khi Chủ đầu tư cấp biên bản nghiệm thu, bàn giao; Chủ đầu tư có thể bán hoặc thải bỏ vật tư thiết bị, số tiền thu được từ việc bán vật tư, thiết bị sẽ trả cho Nhà thầu sau khi đã thanh toán các chi phí phát sinh cho Chủ đầu tư.

12.12 Các vấn đề khác có liên quan

a) Tất cả các cổ vật, đồng tiền, đồ cổ hoặc các di vật khác hoặc các hạng mục địa chất hoặc khảo cổ được tìm thấy trên công trường sẽ được đặt dưới sự bảo quản và thẩm quyền của Chủ đầu tư. Nhà thầu phải chú ý không cho người của mình hoặc người khác lấy đi hoặc làm hư hỏng các đồ vật tìm thấy này.

b) Khi phát hiện ra những đồ vật này, Nhà thầu phải thông báo ngay cho Chủ đầu tư để hướng dẫn giải quyết. Nếu Nhà thầu gặp phải sự chậm trễ và phải chịu chi phí để thực hiện hướng dẫn thi Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư và có quyền theo Điều 24 của hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp].

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn

13.1 ***Quyền của Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng (NTVGSTCXD)***

a) Nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng là người sẽ thực hiện các nhiệm vụ do Chủ đầu tư giao cho NTVGSTCXD trong hợp đồng và các quy định cụ thể theo quy định của pháp luật. NTVGSTCXD có thể bao gồm những cá nhân có trình độ chuyên môn phù hợp và có đủ năng lực để thực hiện những công việc này.

b) NTVGSTCXD không có quyền sửa đổi hợp đồng. NTVGSTCXD có thể thực hiện quyền hạn được gắn với chức danh NTVGSTCXD như đã được xác định hoặc được bao hàm do thấy cần thiết trong hợp đồng. Nếu NTVGSTCXD được yêu cầu phải có sự chấp thuận của Chủ đầu tư trước khi thực thi một quyền hạn được xác định cụ thể thì những yêu cầu này phải được nói rõ trong hợp đồng. Chủ đầu tư cam kết không áp đặt đối với quyền hạn của NTVGSTCXD, trừ những gì đã thỏa thuận với Nhà thầu.

13.2 ***Trách nhiệm của NTVGSTCXD***

a) Giám sát chất lượng thi công xây dựng công trình.

b) Nội dung giám sát chất lượng thi công xây dựng công trình thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

13.3 ***Thay thế NTVGSTCXD***

Nếu Chủ đầu tư có ý định thay thế NTVGSTCXD thì không ít hơn 05 ngày trước khi dự định thay thế, Chủ đầu tư phải thông báo cho Nhà thầu thông tin chi tiết tương ứng của NTVGSTCXD được dự kiến thay thế. Chủ đầu tư không được thay thế NTVGSTCXD bằng một người mà Nhà thầu có ý kiến từ chối một cách có lý do bằng cách gửi thông báo cho Chủ đầu tư các chi tiết, lý lẽ để giải thích.

Điều 14. Nhà thầu phụ :

14.1 Khi ký hợp đồng thầu phụ, Nhà thầu phải thực hiện theo các quy định sau:

a. Đối với các Nhà thầu phụ không có trong danh sách thầu phụ kèm theo hợp đồng thì phải được Chủ đầu tư chấp thuận;

b. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, tiến độ, chất lượng, an toàn lao động, bảo vệ môi trường và sai sót của mình và các công việc/nghĩa vụ khác đối với phần việc do các Nhà thầu phụ thực hiện;

c. Nhà thầu không được giao cho Nhà thầu phụ thực hiện vượt quá 10% giá trị hợp đồng

14.2 Chủ đầu tư có thể thanh toán trực tiếp cho Nhà thầu phụ trên cơ sở đề xuất thanh toán của Nhà thầu *(hoặc theo thỏa thuận khác của các bên).*

14.3 Hợp tác với Nhà thầu khác.

a) Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phải hợp tác với các Nhà thầu khác và các đơn vị liên quan cùng làm việc trên công trường trong khoảng thời gian làm việc của các Nhà thầu, đơn vị liên quan đó theo kế hoạch. Trường hợp thay đổi kế hoạch làm việc của các Nhà thầu khác, Chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về những thay đổi đó.

b) Trường hợp có quy định trong thông số kỹ thuật hoặc theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải hợp tác và tạo điều kiện phù hợp cho nhân sự của Chủ đầu tư và các nhân sự khác tiến hành đánh giá tác động môi trường và xã hội. Chủ đầu tư phải thông báo trước cho Nhà thầu về việc này.

Điều 15. An toàn lao động, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ

15.1 An toàn lao động

a) Nhà thầu phải lập các biện pháp an toàn cho người và công trình trên công trường xây dựng, kể cả các công trình phụ cận.

b) Biện pháp an toàn, nội quy về an toàn lao động phải được thể hiện công khai trên công trường xây dựng để mọi người biết và chấp hành; những vị trí nguy hiểm trên công trường phải bố trí người hướng dẫn, cảnh báo đề phòng tai nạn.

c) Các bên có liên quan phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động trên công trường. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải đình chỉ thi công xây dựng. Tổ chức, cá nhân để xảy ra vi phạm về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của mình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

d) Nhà thầu có trách nhiệm đào tạo, hướng dẫn, phổ biến các quy định về an toàn lao động cho người lao động của mình. Đối với một số công việc yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thì người lao động phải có giấy chứng nhận đào tạo về an toàn lao động.

e) Nhà thầu có trách nhiệm cấp đầy đủ các trang bị bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động.

f) Khi có sự cố về an toàn lao động, Nhà thầu thi công xây dựng và các bên có liên quan có trách nhiệm tổ chức xử lý và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về an toàn lao động theo quy định của pháp luật đồng thời chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường những thiệt hại do Nhà thầu không bảo đảm an toàn lao động gây ra.

15.2 Bảo vệ môi trường

a) Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm về môi trường cho người lao động trên công trường và bảo vệ môi trường xung quanh, bao gồm có biện pháp chống bụi, chống ồn, xử lý phế thải và thu dọn hiện trường. Phải thực hiện các biện pháp bao che, thu dọn phế thải đưa đến đúng nơi quy định.

b) Trong quá trình vận chuyển vật liệu xây dựng, phế thải phải có biện pháp che chắn bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường.

c) Các bên phải có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường xây dựng, đồng thời chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường. Trường hợp Nhà thầu thi công xây dựng không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì Chủ đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước về môi trường có quyền tạm ngừng thi công xây dựng và yêu cầu Nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường.

d) Tổ chức, cá nhân để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

15.3 Phòng chống cháy nổ

Các bên tham gia hợp đồng xây dựng phải tuân thủ các quy định của nhà nước về phòng chống cháy nổ.

Điều 16. Điện, nước và an ninh công trường

16.1 Điện, nước trên công trường

Trừ trường hợp quy định ở dưới đây, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm cung cấp điện, nước và các dịch vụ khác mà Nhà thầu cần.

a) Nhà thầu có quyền sử dụng việc cung cấp điện, nước và dịch vụ khác có thể có trên công trường cho mục đích thi công công trình mà các chi tiết và giá đã được đưa ra trong các yêu cầu của Chủ đầu tư; Nhà thầu có trách nhiệm bảo vệ nguồn điện, nước để phục vụ thi

công công trình.

b) Nhà thầu phải tự mình chịu rủi ro và dùng chi phí của mình, cung cấp máy móc thiết bị cần thiết để sử dụng những dịch vụ này và để đo số lượng tiêu thụ. Số lượng tiêu thụ và số tiền phải trả cho các dịch vụ trên Nhà thầu phải thanh toán theo quy định của hợp đồng.

16.2 An ninh công trường

Trừ khi có quy định khác trong những điều kiện riêng:

a) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về việc cho phép những người không có nhiệm vụ vào công trường;

b) Những người có nhiệm vụ được vào công trường gồm nhân lực của Nhà thầu và của Chủ đầu tư và những người khác do Chủ đầu tư (hoặc người thay mặt) thông báo cho Nhà thầu biết.

Điều 17. Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

17.1 Tạm dừng thực hiện công việc của hợp đồng bởi Chủ đầu tư:

a) Nếu Nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Chủ đầu tư có thể ra thông báo yêu cầu Nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai hỏng trong khoảng thời gian hợp lý, cụ thể.

b) Chủ đầu tư quyết định dừng thực hiện công việc trong hợp đồng và yêu cầu khắc phục hậu quả khi Nhà thầu không đáp ứng các yêu cầu về chất lượng công trình, an toàn lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ và tiến độ theo hợp đồng đã ký kết.

c) Trước khi tạm dừng, Chủ đầu tư thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu không ít hơn 15 ngày và trong thông báo sẽ nêu rõ lý do tạm dừng.

17.2 Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng nếu Nhà thầu:

a) Không thực hiện theo bảo đảm thực hiện hợp đồng hoặc một thông báo theo khoản 17.1 của hợp đồng này [Tạm dừng thực hiện công việc của Hợp đồng bởi Chủ đầu tư];

b) Bỏ dở công trình hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng;

c) Không có lý do chính đáng mà 45 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng;

d) Giao thầu phụ toàn bộ giá trị công trình hoặc chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Chủ đầu tư;

e) Bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này;

- Nếu có ở một trong những trường hợp này, Chủ đầu tư có thể bằng cách thông báo cho Nhà thầu trước 25 ngày, chấm dứt hợp đồng và trục xuất Nhà thầu ra khỏi công trường. Tuy nhiên, trong trường hợp của điểm (đ) Chủ đầu tư có thể thông báo chấm dứt hợp đồng ngay lập tức.
- Sự lựa chọn của Chủ đầu tư trong việc quyết định chấm dứt hợp đồng sẽ không được làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của Chủ đầu tư theo hợp đồng đã ký.
- Nhà thầu phải rời công trường và chuyển các vật tư, vật liệu cần thiết, các tài liệu của Nhà thầu và các hồ sơ thiết kế khác của Nhà thầu cho Chủ đầu tư. Tuy nhiên, Nhà thầu sẽ cố gắng hết mức để tuân thủ ngay lập tức các hướng dẫn hợp lý được nêu trong thông báo, bảo

vệ tính mạng và tài sản hay cho sự an toàn của công trình.

- Sau khi chấm dứt hợp đồng, Chủ đầu tư có thể hoàn thành công trình và sắp đặt cho các đơn vị khác thực hiện. Chủ đầu tư và các đơn vị này khi đó có thể sử dụng bất cứ vật tư, vật liệu, tài liệu nào của Nhà thầu và các tài liệu thiết kế khác do Nhà thầu thực hiện hoặc do đại diện Nhà thầu thực hiện.
- Chủ đầu tư sẽ thông báo cho Nhà thầu giải phóng các thiết bị, công trình tạm của nhà thầu ở tại hoặc gần công trường. Ngay khi nhận được thông báo, trong thời gian 10 ngày, Nhà thầu phải tiến hành tháo dỡ, di chuyển các thiết bị, công trình tạm này.

17.3 Xác định giá vào ngày chấm dứt hợp đồng

Ngay khi thông báo chấm dứt theo khoản 17.2 của hợp đồng [Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư] có hiệu lực, Chủ đầu tư sẽ xem xét đồng ý hoặc xác định giá trị của công trình, vật tư, vật liệu và tài liệu của Nhà thầu và các khoản tiền phải thanh toán cho Nhà thầu cho các công việc được thực hiện theo đúng hợp đồng.

17.4 Thanh toán sau khi chấm dứt hợp đồng

Sau khi thông báo chấm dứt hợp đồng theo khoản 17.2 của hợp đồng này [Chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư] có hiệu lực, Chủ đầu tư có thể:

a) Không thanh toán thêm cho Nhà thầu cho đến khi chi phí thi công, hoàn thành và sửa chữa các sai sót và hư hỏng do chậm trễ trong thời gian hoàn thành (nếu có) và các chi phí khác mà Chủ đầu tư chấp thuận đã được xác định;

b) Thu lại từ Nhà thầu các phí tổn do hư hỏng, mất mát mà Chủ đầu tư phải chịu và các chi phí thêm khác của việc hoàn thành công trình, sau khi tính đến bất kỳ một khoản nợ nào đối với Nhà thầu. Sau khi đã thu hồi lại từ các mất mát, hư hỏng và các chi phí thêm, Chủ đầu tư sẽ thanh toán phần tiền cân đối còn lại cho Nhà thầu.

Điều 18. Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu

18.1 Quyền tạm dừng công việc của Nhà thầu

a) Nếu Chủ đầu tư không tuân thủ khoản 9.5 của hợp đồng [Thời hạn thanh toán] vượt quá 28 ngày; Nhà thầu có thể, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư không muộn hơn 10 ngày, sẽ tạm dừng công việc *(hoặc giảm tỷ lệ công việc)* trừ khi và cho đến khi Nhà thầu được thanh toán theo các điều khoản của hợp đồng, tùy từng trường hợp và như đã mô tả trong thông báo.

b) Việc tạm dừng công việc của Nhà thầu theo khoản này không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Nhà thầu đối với các chi phí tài chính và để chấm dứt hợp đồng theo khoản 18.2 của Hợp đồng [Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu].

c) Nếu Nhà thầu tiếp đó nhận được thanh toán trước khi thông báo chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc trở lại như bình thường ngay khi có thể được.

d) Nếu Nhà thầu phải chịu sự chậm trễ và các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm dừng công việc *(hoặc do giảm tỷ lệ công việc)* theo khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư và theo Điều 22 của Hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp].

18.2 Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu

Nhà thầu được quyền chấm dứt hợp đồng nếu:

a) Nhà thầu không nhận được số tiền được thanh toán trong vòng 45 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ;

b) Chủ đầu tư về cơ bản không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng;

c) Việc tạm ngừng bị kéo dài quá 45 ngày;

d) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

Trong bất cứ sự kiện hoặc trường hợp nào được nêu trên, Nhà thầu có thể bằng thông báo trước 25 ngày cho Chủ đầu tư để chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên trong trường hợp của điểm (d) Nhà thầu có thể thông báo chấm dứt hợp đồng ngay lập tức.

18.3 Dừng công việc và di dời thiết bị Nhà thầu

Sau khi nhận được thông báo chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu ngay lập tức:

a) Dừng tất cả các công việc thêm, ngoại trừ các công việc đã được Chủ đầu tư hướng dẫn để bảo vệ con người và tài sản hoặc an toàn của công trình;

b) Chuyển giao cho Chủ đầu tư toàn bộ tài liệu của Nhà thầu, thiết bị, các vật liệu và các công việc khác mà Nhà thầu đã được thanh toán;

c) Di dời tất cả vật tư, vật liệu khỏi công trường, ngoại trừ các thứ cần thiết cho việc an toàn và rời khỏi công trường.

18.4 Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng

Sau khi thông báo chấm dứt hợp đồng theo khoản 18.2 của Hợp đồng [Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu] đã có hiệu lực, Chủ đầu tư sẽ ngay lập tức:

a) Trả lại bảo lãnh thực hiện cho Nhà thầu;

b) Thanh toán cho Nhà thầu.

Điều 19. Bảo hiểm và bảo hành

19.1 Bảo hiểm

a) Chủ đầu tư phải mua bảo hiểm công trình xây dựng theo quy định. Chủ đầu tư đã mua bảo hiểm công trình, khi có tổn thất, thiệt hại xảy ra đối với công trình, mà tổn thất, thiệt hại đó thuộc phạm vi công việc của Nhà thầu, Nhà thầu phải thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định để được bồi thường. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm đối với những trường hợp Nhà thầu không thực hiện những thủ tục trên. Trường hợp Nhà thầu được bồi thường thì Nhà thầu phải chịu mức khấu trừ theo quy định của hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo hiểm xây dựng công trình ký giữa Chủ đầu tư và đơn vị cung cấp dịch vụ bảo hiểm;

b) Nhà thầu phải thực hiện mua bảo hiểm đối với các thiết bị, nhân lực của Nhà thầu, bảo hiểm đối với bên thứ 3.

19.2 Bảo hành

Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng, Nhà thầu phải:

a) Thực hiện việc bảo hành công trình trong thời gian 12 tháng tính từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu công trình xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng.

b) Số tiền tạm giữ bảo hành công trình bằng 05% giá trị Hợp đồng.

c) Trường hợp, Chủ đầu tư trả tiền giữ lại trong các giai đoạn thanh toán cho bảo hành thì Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh bằng 05% giá trị hợp đồng để thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình. Bảo lãnh bảo hành phải do Ngân hàng hợp pháp tại Việt Nam cấp và có giá trị cho đến hết thời gian bảo hành.

d) Trong thời gian bảo hành công trình Nhà thầu phải sửa chữa mọi sai sót, khiếm khuyết do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công công trình bằng chi phí của Nhà thầu. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 21 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các lỗi này. Nếu quá thời hạn này mà Nhà thầu không bắt đầu thực hiện các công việc sửa chữa thì Chủ đầu tư có quyền thuê một Nhà thầu khác (bên thứ ba) thực hiện các công việc này và toàn bộ chi phí cho việc sửa chữa để chi trả cho bên thứ ba sẽ do Nhà thầu chịu và được khấu trừ vào tiền bảo hành của Nhà thầu và thông báo cho Nhà thầu giá trị trên, Nhà thầu buộc phải chấp thuận giá trị trên.

Điều 20. Rủi ro và bất khả kháng

20.1 Rủi ro và bất khả kháng

Rủi ro và bất khả kháng thực hiện theo quy định tại Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

20.2 Hậu quả của các rủi ro

Nếu và trong chừng mực nào đó mọi rủi ro được liệt kê trong khoản 20.1 của hợp đồng này dẫn đến mất mát hay hư hỏng cho công trình, bất động sản, vật tư thiết bị hay các tài liệu của Nhà thầu, thì Nhà thầu phải ngay lập tức gửi thông báo cho Chủ đầu tư và sửa chữa những mất mát, hư hỏng trong phạm vi Chủ đầu tư yêu cầu.

20.3 Trách nhiệm của Nhà thầu đối với rủi ro

a) Nhà thầu sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với việc bảo đảm công trình và hàng hóa từ ngày khởi công cho đến ngày phát hành biên bản nghiệm thu hoặc coi như được phát hành theo khoản 7.5 của hợp đồng [Nghiệm thu, bàn giao công trình và các hạng mục công trình] cho công trình, khi trách nhiệm được chuyển qua Chủ đầu tư. Nếu biên bản nghiệm thu được phát hành (hoặc coi như đã phát hành) cho bất cứ hạng mục hay công trình nào, thì trách nhiệm bảo đảm bất kỳ hạng mục nào của công trình đó được chuyển cho Chủ đầu tư.

b) Sau khi trách nhiệm được chuyển một cách phù hợp cho Chủ đầu tư, Nhà thầu sẽ nhận trách nhiệm bảo đảm đến bất kỳ công việc nào còn tồn lại chưa giải quyết xong vào ngày được nêu trong biên bản nghiệm thu cho đến khi các công việc này được hoàn thành.

c) Nếu bất cứ việc mất mát hay hư hỏng nào xảy ra cho công trình, vật tư, thiết bị hoặc tài liệu của Nhà thầu nào trong khoảng thời gian Nhà thầu đang chịu trách nhiệm bảo đảm, được liệt kê trong khoản 20.3 của hợp đồng [Trách nhiệm của Nhà thầu đối với rủi ro], Nhà thầu sẽ phải sửa những mất mát hay hư hỏng bằng sự rủi ro và chi phí của Nhà thầu, để công trình, vật tư, thiết bị và tài liệu của Nhà thầu đúng với hợp đồng.

d) Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với bất cứ một hỏng hóc hay mất mát xảy ra sau khi biên bản nghiệm thu đã được phát hành và cả những việc xảy ra trước đó thuộc trách nhiệm của Nhà thầu và quy định tại khoản 1 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

20.4 Bồi thường rủi ro

Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư, các nhân viên của Chủ đầu tư đối với các khiếu nại, hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan đến:

a) Tổn hại thân thể, bệnh tật, ốm đau hay chết của bất cứ người nào xảy ra do nguyên nhân thi công, hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót, trừ khi có thể quy cho việc cẩu thả, cố ý làm hoặc vi phạm hợp đồng bởi Chủ đầu tư, các nhân viên của Chủ đầu tư hoặc

bất kỳ đại diện riêng nào của họ;

b) Hỏng hóc hay mất mát của bất cứ tài sản nào, là bất động sản hay của cá nhân (không phải là công trình), ở phạm vi mà những hỏng hóc hay mất mát này:

- Phát sinh từ hoặc trong quá trình tiến hành hoặc do nguyên nhân của thi công và hoàn thành công trình và sửa chữa các sai sót;
- Được quy cho sự bất cẩn, cố ý làm hoặc vi phạm hợp đồng bởi Nhà thầu, nhân lực của Nhà thầu hoặc bất cứ người nào trực tiếp hay gián tiếp được thuê.

Chủ đầu tư phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Nhà thầu, các nhân viên của Nhà thầu đối với các khiếu nại, thiệt hại, mất mát, chi phí, phí (gồm phí và các phí pháp lý) liên quan đến tổn hại thân thể, ốm đau, bệnh, tật hay chết được quy cho sự cẩu thả, cố ý làm hoặc vi phạm hợp đồng bởi Chủ đầu tư, các nhân viên của Chủ đầu tư.

20.5 Thông báo về bất khả kháng

- Nếu một bên bị cản trở thực hiện bất cứ nghĩa vụ của mình theo hợp đồng do tình trạng bất khả kháng, bên đó phải gửi thông báo cho bên kia về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng và phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc đã và sẽ bị cản trở. Thông báo phải được gửi sớm nhất sau khi bên đó nhận biết được tình trạng hoặc lẽ ra đã nhận biết được về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng.
- Bên đó, khi đã thông báo, phải được miễn cho việc thực hiện công việc thuộc nghĩa vụ trong thời gian mà tình trạng bất khả kháng cản trở việc thực hiện của họ theo hợp đồng.
- Dẫu cho có các quy định nào khác của khoản này, thì bất khả kháng cũng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

20.6 Các hậu quả của bất khả kháng

Nếu Nhà thầu bị cản trở thực hiện bất kỳ nhiệm vụ nào của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo khoản 20.5 của hợp đồng [Thông báo về bất khả kháng] và chịu sự chậm trễ và chịu chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu sẽ có quyền theo Điều 22 của hợp đồng [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp]:

a) Kéo dài thời gian do sự chậm trễ này, nếu việc hoàn thành bị và sẽ bị chậm trễ theo khoản 8.4 của hợp đồng [Gia hạn thời gian hoàn thành];

b) Nếu sự việc hay trường hợp thuộc loại được mô tả trong khoản 20.1 của hợp đồng [Rủi ro và bất khả kháng] được thanh toán các chi phí này.

Sau khi nhận được thông báo này, Chủ đầu tư phải xem xét để nhất trí hay quyết định các vấn đề này.

20.7 Chấm dứt hợp đồng do bất khả kháng, thanh toán, hết trách nhiệm nếu việc thực hiện công trình cơ bản đang được tiến hành bị cản trở liên tục trong thời gian 45 ngày do bất khả kháng đã được thông báo theo khoản 20.5 của hợp đồng [Thông báo về bất khả kháng] hoặc trong nhiều khoảng thời gian mà tổng số là trên 60 ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia. Trong trường hợp này, việc chấm dứt hợp đồng sẽ có hiệu lực 05 ngày sau khi có thông báo.

Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu các chi phí sau:

a) Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được thực hiện mà giá đã được nêu trong hợp đồng;

b) Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho Nhà thầu, hoặc những thứ Nhà thầu có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu sẽ để cho Chủ đầu tư tùy ý sử dụng;

c) Mọi chi phí hoặc trách nhiệm khác mà trong trường hợp bất khả kháng Nhà thầu phải chịu để hoàn thành công trình;

d) Toàn bộ chi phí di chuyển các công trình tạm và thiết bị của Nhà thầu khỏi công trình;

e) Chi phí bồi thường cho đội ngũ nhân viên và người lao động được Nhà thầu thuê trong toàn bộ thời gian liên quan đến công trình vào thời điểm chấm dứt hợp đồng.

Điều 21. Thưởng hợp đồng, phạt vi phạm hợp đồng

21.1 Thưởng hợp đồng: Không quy định

21.2 Phạt vi phạm hợp đồng: Mức phạt 0,01% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày chậm hoàn thành công trình so với ngày hoàn thành dự kiến hoặc ngày hoàn thành dự kiến được gia hạn. Tổng số tiền phạt không vượt quá 5% giá trị hợp đồng bị vi phạm.

Điều 22. Khiếu nại và xử lý các tranh chấp

22.1 Khiếu nại

Thực hiện theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

22.2 Xử lý các tranh chấp

a) Thực hiện theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

b) Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

c) Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 360 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam. Quyết định của trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

22.3 Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 23. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

23.1 Quyết toán hợp đồng

Quyết toán hợp đồng xây dựng theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP, quy định pháp luật khác có liên quan và gồm các quy định sau:

Trong vòng 30 ngày sau khi nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng, Nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư 08 (bộ) quyết toán hợp đồng với các tài liệu trình bày chi tiết theo mẫu mà Chủ đầu tư đã chấp thuận, bao gồm các tài liệu sau:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc thuộc phạm vi hợp đồng;
- Bảng xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng;
- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Mẫu số 03.0/TT ban hành kèm theo Nghị định 99/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán sử dụng vốn đầu tư công.)

- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng, trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu.
- Hồ sơ quyết toán A-B, Hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công xây dựng công trình; Hồ sơ quản lý chất lượng công trình.
- Các tài liệu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

23.2 Thanh lý hợp đồng

Thanh lý hợp đồng xây dựng theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP và các quy định sau:

a) Hợp đồng được thanh lý trong trường hợp:
- Các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký;
- Hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của Điều 17 của hợp đồng [Tạm dừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư], Điều 18 của hợp đồng [Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu].

b) Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày các bên tham gia hợp đồng hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo điểm a Điều này.

23.3 Chấm dứt trách nhiệm của Chủ đầu tư

Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm với Nhà thầu về bất cứ việc gì và vấn đề gì theo hợp đồng hoặc liên quan đến hợp đồng sau khi thanh lý hợp đồng.

Điều 24. Hiệu lực của hợp đồng

24.1 Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều đã quy định trong hợp đồng này. Số bản, trang, Phụ lục và ngôn ngữ hợp đồng.

24.2 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm và sau khi Chủ đầu tư đã nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng.

24.3 Tính pháp lý của hợp đồng xây dựng:

a) Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở pháp lý mà Chủ đầu tư, Nhà thầu và các bên liên quan có nghĩa vụ thực hiện;

b) Hợp đồng có hiệu lực là cơ sở để giải quyết tranh chấp giữa các bên. Các tranh chấp phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được giải quyết trên cơ sở các quy định, của pháp luật có liên quan.

Điều 25. Điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện đúng những Điều đã quy định trong hợp đồng này. Khi một bên có kiến nghị, đề xuất, yêu cầu thì bên kia phải có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Bảo đảm thực hiện và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng.

1.1 Bảo đảm thực hiện hợp đồng.

a) Nhà thầu phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng tương đương 5% giá trị hợp đồng tương đương với số tiền: 81.034.533 đồng (Bằng chữ: Tám mươi mốt triệu, không trăm ba mươi tư nghìn, năm trăm ba mươi ba đồng./.) cho Chủ đầu tư trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại khoản 2, Điều 16, Nghị định số 37/2015/NĐ-CP. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được ngân hàng hợp pháp hoạt động tại Việt Nam phát hành; Bảo đảm thực

hiện hợp đồng phải tuân theo mẫu của hồ sơ mời thầu (bảo lãnh thực hiện hợp đồng của hồ sơ mời thầu) hoặc theo mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.

b) Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có giá trị và có hiệu lực từ ngày hợp đồng có hiệu lực tới khi Nhà thầu đã thi công, hoàn thành công trình, hoặc hạng mục công trình tương ứng với hợp đồng đã ký kết được Chủ đầu tư nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành công trình theo quy định. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hạn và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 10 ngày trước ngày hết hạn, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.

c) Bên B không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây: Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

1.2 Bảo lãnh tiền tạm ứng:

a) Trước khi Chủ đầu tư tạm ứng hợp đồng cho Nhà thầu thì Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh tạm ứng hợp đồng tương đương số tiền **486.207.197** đồng *(Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi sáu triệu, hai trăm linh bảy nghìn, một trăm chín mươi bảy đồng./.)* theo quy định tại khoản 4, Điều 18, Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 6 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP.

b) Bảo lãnh tiền tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của bảo lãnh tiền tạm ứng sẽ được thu hồi hết ngay từ lần thanh toán đầu tiên. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng.

c) Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng bao gồm cả dự phòng (nếu có) sẽ được thu hồi hết qua lần thanh toán đầu tiên và đảm bảo theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

Điều 2. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

2.1 Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng thi công xây dựng theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP .

2.2 Ngày khởi công, thời gian thực hiện hợp đồng

d) Theo ngày trong biên bản bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công giữa Chủ đầu tư, Tư vấn Giám sát và Nhà thầu xác nhận. Ngày khởi công là ngày 26 tháng 6 năm 2025.

e) Nhà thầu sẽ bắt đầu tiến hành thi công xây dựng công trình *(ngay sau ngày khởi công)* và sẽ thực hiện thi công xây dựng công trình đúng thời gian thực hiện hợp đồng mà không được chậm trễ.

f) Nhà thầu phải hoàn thành toàn bộ công việc theo nội dung của hợp đồng trong khoảng thời gian **140** ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng đủ điều kiện thi công cho Nhà thầu. Tiến độ **140** ngày là tiến độ tính theo ngày dương lịch, trừ ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

2.3 Tiến độ thực hiện hợp đồng:

Căn cứ vào thời gian thực hiện hợp đồng Nhà thầu phải lập tiến độ chi tiết để trình cho Chủ đầu tư trong vòng 07 ngày sau ngày khởi công Nhà thầu cũng phải trình tiến độ thi công đã được sửa đổi nếu tiến độ thi công trước đó không phù hợp với tiến độ thực tế hoặc không phù hợp

với nghĩa vụ của Nhà thầu. Trừ khi được quy định khác trong hợp đồng, mỗi bản tiến độ thi công sẽ bao gồm:

a) Trình tự thực hiện công việc của Nhà thầu và thời gian thi công cho mỗi giai đoạn chính của công trình;
b) Quá trình và thời gian kiểm tra, kiểm định;
c) Báo cáo tiến độ Nhà thầu phải thể hiện:
- Biện pháp tổ chức thi công trên công trường và các giai đoạn chính trong việc thi công công trình;
- Nhà thầu được phép điều chỉnh tiến độ chi tiết theo tuần, tháng nhưng phải phù hợp với tiến độ tổng thể của hợp đồng.

Nhà thầu phải thực hiện theo tiến độ thi công và nghĩa vụ của mình theo hợp đồng. Nếu bản tiến độ thi công này không phù hợp với hợp đồng thì Chủ đầu tư sẽ thông báo cho Nhà thầu trong vòng 07 ngày sau khi nhận được bản tiến độ thi công của Nhà thầu và các bên thống nhất về tiến độ thi công phù hợp với thực tế. Chủ đầu tư sẽ được phép dựa vào bản tiến độ thi công phù hợp với thực tế này để yêu cầu Nhà thầu thực hiện theo tiến độ của hợp đồng

2.4 Điều chỉnh tiến độ hợp đồng thi công xây dựng

a) Do ảnh hưởng của động đất, bão, lũ, lụt, sóng thần, hỏa hoạn, địch họa hoặc các sự kiện bất khả kháng khác.
b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của bên giao thầu làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng.
c) Do việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng, tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên giao thầu, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng mà không do lỗi của bên nhận thầu gây ra.
d) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của bên giao thầu gây ra
e) Điều chỉnh tiến độ hợp đồng thi công xây dựng theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và Điều 5 Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03 tháng 03 năm 2023 hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.
f) Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ thương thảo về việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau đây:
- Chủ đầu tư không trao cho Nhà thầu quyền tiếp cận, sử dụng các phần hoặc toàn bộ công trường theo thời gian quy định;
- Chủ đầu tư chậm trễ không có lý do trong việc cấp biên bản nghiệm thu công trình;
- Nhà thầu tuân thủ các hướng dẫn của Chủ đầu tư khi các hướng dẫn của Chủ đầu tư đúng quy định, mới phát sinh, không nằm trong thỏa thuận đã có trước đó.
g) Nhà thầu được phép theo Điều 22 [Khiếu nại và xử lý các tranh chấp] gia hạn thời gian hoàn thành nếu do một trong những lý do sau đây:
- Có sự thay đổi phạm vi công việc, thiết kế, biện pháp thi công theo yêu cầu của Chủ đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;
- Do ảnh hưởng của các trường hợp bất khả kháng;
- Sự chậm trễ, trở ngại trên công trường do Chủ đầu tư như: việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng, các thủ tục liên quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của Nhà thầu gây ra;
- Do Chủ đầu tư không hoặc chậm thanh toán vốn theo quy định của hợp đồng.

2.5 Đẩy nhanh tiến độ

c) Trường hợp Chủ đầu tư cần Nhà thầu hoàn thành trước ngày hoàn thành dự kiến, Chủ đầu tư phải yêu cầu Nhà thầu đề xuất các chi phí phát sinh nhằm đẩy nhanh tiến độ. Nếu Chủ đầu tư chấp nhận các chi phí mà Nhà thầu đề xuất thì ngày hoàn thành dự kiến sẽ được điều chỉnh cho phù hợp và được Chủ đầu tư, Nhà thầu xác nhận.

d) Nếu các chi phí phát sinh do Nhà thầu đề xuất để đẩy nhanh tiến độ được Chủ đầu tư chấp thuận thì giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh và các chi phí phát sinh sẽ được xem là một thay đổi của hợp đồng.

2.6 Khắc phục tiến độ chậm trễ

Khi tiến độ đã bị chậm hơn so với tiến độ thi công như các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng của công việc đó mà không phải do những nguyên nhân đã nêu trong khoản 8.4 Điều này, khi đó Chủ đầu tư yêu cầu Nhà thầu trình một bản tiến độ thi công được sửa đổi để thực hiện tiến độ hoàn thành, trong thời gian yêu cầu

Điều 3. Giá Hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

3.1 Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói

3.2 Tổng giá trị hợp đồng là: **1.620.690.658 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm hai mươi triệu, sáu trăm chín mươi nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng./.*)**

Chi tiết giá hợp đồng được nêu trong Phụ lục bảng giá hợp đồng.

(Thuế suất thuế giá trị gia tăng (thuế GTGT) đối với hàng hóa/ dịch vụ được thể hiện trên đây là thuế suất tạm tính tại thời điểm ký hợp đồng. Tại thời điểm xuất hóa đơn nếu Nhà nước có sự thay đổi về chính sách thuế GTGT, hai bên sẽ tự xác định thuế suất thuế GTGT và theo đó, tổng giá trị của hợp đồng được điều chỉnh theo thay đổi giá trị của thuế GTGT).

- Giá trị hợp đồng bao gồm toàn bộ các loại chi phí, thuế và phí theo quy định của pháp luật để thi công xây lắp hoàn chỉnh gói thầu và không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng đối với khối lượng các công việc thuộc phạm vi hợp đồng đã ký.
- Không điều chỉnh giá hợp đồng do yếu tố do trượt giá (tăng hoặc giảm) mà liên quan trực tiếp đến tiền lương, tiền công, giá vật tư, vật liệu, nhân công, máy, nhiên liệu và các yếu tố khác có liên quan đến trượt giá làm thay đổi đơn giá các công việc thực hiện trong hợp đồng

3.3 Tạm ứng

b) Tạm ứng: Căn cứ theo kế hoạch cấp vốn và tiến độ triển khai của công trình, Bên A tạm ứng cho Bên B là 486.207.197 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm tám mươi sáu triệu, hai trăm linh bảy nghìn, một trăm chín mươi bảy đồng) tương đương với 30% giá trị hợp đồng tại thời điểm ký kết (bao gồm cả dự phòng nếu có) và Bên B phải có Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng tương đương với số tiền tạm ứng trên.

c) Thu hồi Tiền tạm ứng: Vốn tạm ứng được Chủ đầu tư thu hồi qua thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng.

d) Tiền tạm ứng phải được hoàn trả bằng cách khấu trừ hết ngay qua các khoản thanh toán đến hạn đầu tiên cho Nhà thầu. Khoản tiền tạm ứng hay hoàn trả tiền tạm ứng sẽ không được tính đến khi định giá các công việc đã thực hiện, các thay đổi hợp đồng, các sự kiện bồi thường, thưởng hợp đồng hoặc bồi thường thiệt hại. Trường hợp tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình và trước khi chấm dứt hợp

đồng, khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi này sẽ là nợ đến hạn và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Chủ đầu tư trong thời gian 30 ngày.

e) Nhà thầu phải sử dụng tiền tạm ứng theo đúng quy định tại khoản 6, Điều 18, Nghị định số 37/2015/NĐ-CP. Tiền tạm ứng chỉ được sử dụng cho việc trả lương cho người lao động, mua hoặc huy động thiết bị, nhà xưởng, vật tư và các chi phí huy động cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này.

3.4 Thanh toán:

Nhà thầu sẽ được thanh toán khi các công việc được nghiệm thu đảm bảo chất lượng và đủ điều kiện thanh toán, được nghiệm thu đầy đủ, có hồ sơ thanh toán theo quy định hiện hành. Việc thanh toán được thực hiện như sau:

a) Thanh toán giai đoạn 1: Bên A thanh toán cho Bên B đến 75% giá trị khối lượng công việc hoàn thành ngay sau khi Bên B hoàn thành 100% khối lượng công việc theo hợp đồng và được nghiệm thu bởi Chủ đầu tư, Tư vấn Giám sát và Nhà thầu; trước khi nộp Hồ sơ Đề nghị nghiệm thu PCCC đối với công trình lên Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH – Công an Thành phố Hà Nội (PC07).

b) Thanh toán giai đoạn 2: Bên A thanh toán cho Bên B đến 90% giá trị khối lượng công việc hoàn thành ngay sau khi Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH – Công an Thành phố Hà Nội (PC07) có Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC đối với công trình.

c) Thanh toán quyết toán: Sau khi Bên B hoàn thành toàn bộ công việc trong hợp đồng, hai bên tiến hành quyết toán giá trị khối lượng thực hiện và Bên A thanh toán cho Bên B đến 95% giá trị quyết toán.

d) Thanh toán giá trị bảo hành: Sau khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành hoặc Bên A nhận được văn bản Bảo lãnh nghĩa vụ bảo hành của ngân hàng theo quy định, Bên A thanh toán 100% giá trị tiền bảo hành (tương đương 5% giá trị quyết toán) cho Bên B.

3.5 Thời hạn thanh toán

a) Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 30 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Nhà thầu.

b) Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán không đúng thời hạn và không đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng thì phải bồi thường cho Nhà thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

3.6 Đồng tiền và hình thức thanh toán

a) Đồng tiền thanh toán: bằng đồng tiền Việt Nam (VNĐ)

b) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản theo chi tiết như sau:
Chủ tài khoản: Công ty cổ phần xây dựng-kỹ thuật và thương mại Tân Trường Phát
Tài khoản số: 8311100418007
Mở tại: tại Ngân hàng Ngân hàng TMCP Quân Đội, Chi nhánh Mỹ Đình. Mã Citad: 01311001

3.7 Hồ sơ thanh toán

Trước khi Bên A làm thủ tục thanh toán cho Bên B, Bên B phải cung cấp đầy đủ Hồ sơ để phục vụ công tác thanh toán cụ thể như sau:

- Số lượng hồ sơ thanh toán: 10 bộ hồ sơ.
- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của Đại diện Chủ đầu tư hoặc Đại diện tư vấn giám sát (nếu có) và Đại diện Nhà thầu; Biên bản nghiệm thu khối lượng này là bản xác nhận hoàn thành công trình, hạng mục công

trình, khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng (đối với hợp đồng thi công xây dựng phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo thiết kế) mà không cần xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết;

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Mẫu số 03.0/TT ban hành kèm theo Nghị định 99/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán sử dụng vốn đầu tư công.)
- Bảng tính giá trị nội dung của các công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng đã ký kết có xác nhận của Đại diện Chủ đầu tư hoặc Đại diện tư vấn giám sát (nếu có) và Đại diện Nhà thầu;
- Đề nghị thanh toán của Bên B cần thể hiện các nội dung: Giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản.
- Hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định của Nhà nước

Điều 4. Sự kiện bồi thường

- Bồi thường thiệt hại: Áp dụng
- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế do hai bên xác nhận phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 5. Thưởng hợp đồng, phạt vi phạm hợp đồng

5.1 Thưởng hợp đồng: Không quy định

5.2 Phạt vi phạm hợp đồng: Mức phạt 0,01% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày chậm hoàn thành công trình so với ngày hoàn thành dự kiến hoặc ngày hoàn thành dự kiến được gia hạn. Tổng số tiền phạt không vượt quá 5% giá trị hợp đồng bị vi phạm.

Điều 6. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

6.1 Quyết toán hợp đồng

a) Quyết toán hợp đồng xây dựng theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP, quy định pháp luật khác có liên quan và gồm các quy định sau:

b) Trong vòng 30 ngày sau khi nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng, Nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư 10 (bộ) quyết toán hợp đồng với các tài liệu trình bày chi tiết theo mẫu mà Chủ đầu tư đã chấp thuận, bao gồm các tài liệu sau:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc thuộc phạm vi hợp đồng;
- Bảng xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng;
- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Mẫu số 03.0/TT ban hành kèm theo Nghị định 99/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán sử dụng vốn đầu tư công.)
- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng, trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu.
- Hồ sơ quyết toán A-B, Hồ sơ hoàn công, nhật ký thi công xây dựng công trình; Hồ sơ quản lý chất lượng công trình.
- Các tài liệu khác theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

6.2 Thanh lý hợp đồng

Thanh lý hợp đồng xây dựng theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP và các quy định

sau:

c) Hợp đồng được thanh lý trong trường hợp:

- Các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký;
- Hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của Điều 17 của hợp đồng [Tạm dừng và chấm dứt Hợp đồng bởi Chủ đầu tư], Điều 18 của hợp đồng [Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu].

d) Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày các bên tham gia hợp đồng hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo điểm a Điều này.

6.3 Chấm dứt trách nhiệm của Chủ đầu tư

Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm với Nhà thầu về bất cứ việc gì và vấn đề gì theo hợp đồng hoặc liên quan đến hợp đồng sau khi thanh lý hợp đồng

Điều 7. Hiệu lực của hợp đồng

7.1. Hợp đồng này bao gồm 34 trang và phụ lục, được lập thành 10 bản bằng tiếng Việt có hiệu lực pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 07 bản bằng tiếng Việt; Nhà thầu sẽ giữ 03 bản bằng tiếng Việt.

7.2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng và Chủ đầu tư nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
HIỆU TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
GS.TS. Trần Thanh Hải	Nguyễn Huy Hùng

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

(Đính kèm Hợp đồng số:HD2500096097_2506191530 ký ngày 20/6/2025)

Gói thầu: Bổ sung tăng cường hệ thống PCCC cho nhà KTX D4 Trường Đại học Mỏ - Địa chất

STT	Tên công tác	Nguồn gốc/ Xuất xứ	Đơn vị	K.lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
	Phần báo cháy					
1	Tủ trung tâm báo cháy 1 loop	Inim/Italy	1 trung tâm	1,0	85.400.908	85.400.908
2	Ắc quy 12 VDC		bộ	2,0	6.864.150	13.728.300
3	Đầu báo cháy nhiệt gia tăng thường (kèm đế)	Inim/Italy	10 đầu	10,8	26.596.563	287.242.877
4	Đầu báo cháy khói quang thường (kèm đế)	Inim/Italy	10 đầu	0,1	27.575.760	2.757.576
5	Nút ấn báo cháy thường	Inim/Italy	5 nút	2,0	11.322.375	22.644.749
6	Chuông, đèn báo cháy	Inim/Italy	5 chuông	2,0	11.638.261	23.276.522
7	Đèn báo phòng	Inim/Italy	5 đèn	12,8	5.490.494	70.278.320
8	Hộp đựng tổ hợp chuông, đèn, nút ấn báo cháy	Việt nam	hộp	10,0	582.222	5.822.217
9	Hộp đấu nối kỹ thuật		hộp	5,0	170.247	851.233
10	Điện trở cuối kênh		bộ	5,0	185.325	926.625
11	Module cho đầu báo thường	Inim/Italy	bộ	5,0	2.972.925	14.864.625
12	Module điều khiển	Inim/Italy	bộ	15,0	2.972.925	44.593.875
13	Module giám sát	Inim/Italy	bộ	5,0	2.972.925	14.864.625
14	Dây tín hiệu 2x0.75mm2	Việt Nam	m	1.750,0	17.825	31.192.876
15	Dây cấp nguồn 2x0.75mm2	Việt Nam	m	300,0	17.825	5.347.350
16	Dây tín hiệu 2x1.5 mm2 chống cháy, chống nhiễu	Việt Nam	m	120,0	60.656	7.278.724
17	Dây cấp nguồn 2x1.5mm2 chống cháy	Việt Nam	m	110,0	34.440	3.788.452
18	Ống ghen cứng PVC D16	Việt Nam	m	2.000,0	74.698	149.395.112
19	Ống ghen mềm PVC D16	Việt Nam	m	100,0	70.730	7.072.953
20	Vật tư phụ kiện ống	Việt Nam	lô	1,0	6.000.000	6.000.000
	Phần Exit					-
21	Đèn chiếu sáng sự cố	Trung Quốc	5 đèn	15,2	5.744.727	87.319.845
22	Đèn chỉ dẫn thoát nạn không chỉ hướng	Trung Quốc	5 đèn	0,6	2.701.825	1.621.095
23	Đèn chỉ dẫn thoát nạn chỉ hướng	Trung Quốc	5 đèn	1,6	2.701.826	4.322.922
24	Aptomat 6A		cái	5,0	157.401	787.005
25	Sơ đồ chỉ dẫn thoát nạn KT600x400mm	Trung Quốc	bộ	5,0	488.325	2.441.625

26	Tủ đựng khẩu trang lọc độc KT 500x600x180mm		tủ	-		-
27	Khẩu trang lọc độc		cái	-		-
28	Dây điện 2x1.0mm2	Việt Nam	m	700,0	19.683	13.778.316
29	Ống ghen cứng PVC D16	Việt Nam	m	600,0	74.698	44.818.533
30	Ống ghen mềm PVC D16	Việt Nam	m	50,0	70.730	3.536.476
31	Biển báo bãi đỗ xe chữa cháy	Việt Nam	cái	2,0	600.000	1.200.000
32	Vật tư phụ kiện ống	Việt Nam	lô	1,0	1.200.000	1.200.000
	Phần chữa cháy					-
33	Ống thép đen D100	Việt Đức/Việt Nam	100m	3,6	53.903.516	194.052.659
34	Ống thép tráng kẽm D50	Việt Đức/Việt Nam	100m	0,3	22.989.897	6.896.969
35	Ống thép tráng kẽm D25	Việt Đức/Việt Nam	100m	3,8	12.216.563	46.422.938
36	Đầu phun Sprinkler D15 quay lên, K=5.6, 68 độ C	Trung Quốc	cái	110,0	174.316	19.174.729
37	Nội quy tiêu lệnh chữa cháy	Trung Quốc	bộ	10,0	282.285	2.822.850
38	Hộp đựng phương tiện chữa cháy vách tường KT600x1200x180	Việt Nam	tủ	10,0	3.654.075	36.540.750
39	Kệ để bình chữa cháy KT600x200x250	Việt Nam	hộp	20,0	456.222	9.124.435
40	Bình chữa cháy ABC-4kg	Dragon/Việt Nam	bộ	60,0	548.445	32.906.700
41	Bình chữa cháy CO2-3kg	Dragon/Việt Nam	bộ	30,0	607.965	18.238.950
42	Hộp đựng PT phá dỡ KT600x1200x200	Việt Nam	tủ	1,0	3.654.075	3.654.075
43	Búa tạ	Việt Nam	cái	1,0	300.000	300.000
44	Xà beng	Việt Nam	cái	1,0	360.000	360.000
45	Kìm cộng lực	Việt Nam	cái	1,0	444.000	444.000
46	Rìu cứu nạn		cái	-		-
47	Quần áo cách nhiệt		cái	-		-
48	Mặt nạ trùm lọc độc		cái	-		-
49	Van góc D50	Việt Nam	cái	10,0	387.106	3.871.058
50	Van xả khí kèm van khoá D25	Trung Quốc	cái	1,0	2.370.676	2.370.676
51	Van khóa kèm tín hiệu giám sát D100	Trung Quốc	cái	10,0	9.128.662	91.286.624
52	Công tắc dòng chảy D100	Trung Quốc	cái	5,0	1.210.535	6.052.673
53	Van khoá D25 (đường xả)	Trung Quốc	cái	5,0	671.307	3.356.534
54	Cuộn vòi D50-L20m-16 bar (kèm các khớp nối)	Việt Nam	bộ	10,0	864.045	8.640.450

55	Lăng phun D50/13	Việt Nam	bộ	10,0	136.845	1.368.450
56	Tê thép hàn D100	Trung Quốc	cái	11,0	419.489	4.614.380
57	Tê thép hàn D100/50	Trung Quốc	cái	10,0	431.490	4.314.903
58	Tê thép ren D25	Trung Quốc	cái	60,0	87.336	5.240.160
59	Cút thép hàn D100	Trung Quốc	cái	5,0	395.487	1.977.433
60	Cút thép ren D50	Trung Quốc	cái	15,0	206.059	3.090.886
61	Cút thép ren D25	Trung Quốc	cái	60,0	75.324	4.519.440
62	Côn thu D25/15	Trung Quốc	cái	110,0	87.336	9.606.960
63	Bích cho van, thiết bị D100	Trung Quốc	cặp bích	15,0	671.109	10.066.632
64	Quang treo D100	Việt Nam	cái	70,0	170.793	11.955.501
65	Quang treo D50	Việt Nam	cái	5,0	98.721	493.604
66	Quang treo D25	Việt Nam	cái	165,0	74.697	12.324.984
67	Đai ôm ống D100	Việt Nam	cái	20,0	158.781	3.175.617
68	Đai ôm ống D50	Việt Nam	cái	10,0	134.757	1.347.568
69	Giá đỡ ống D100 (V4+ubolt)	Việt Nam	cái	35,0	254.877	8.920.690
70	Sơn đường ống chữa cháy	Việt Nam	m2	120,0	53.333	6.399.921
71	Thử áp lực đường ống >=D100		100m	3,6	1.034.688	3.724.878
72	Thử áp lực đường ống <D100		100m	4,2	799.854	3.319.394
73	Cắt rãnh sân bê tông không cốt thép		10m	10,0	615.434	6.154.340
74	Phá dỡ nền bê tông không cốt thép		m3	2,0	761.154	1.522.308
75	Đào đất đi ống chữa cháy ngoài nhà bằng máy đào		100m3	0,1	3.843.790	384.379
76	Lấp đất đi ống chữa cháy ngoài nhà bằng máy đầm		100m3	0,1	4.534.178	408.076
77	Quét nhựa bitum		m2	10,0	157.959	1.579.590
78	Vải địa bảo vệ đường ống	Việt Nam	100m2	0,1	1.388.210	138.821
79	Đổ bê tông hoàn trả mặt bằng		m3	2,0	1.969.024	3.938.048
	Phần xây dựng					-
80	Phá dỡ sàn mái - tại vị trí thang bộ trục (1-3)x(A2-A) KT: 5,3m x 3,1m x0,1m		m3	1,6	761.154	1.250.576
81	Tháo dỡ mái tôn (bao gồm xà gồ, vì kèo) tại trục (1-3)x(A2-A)KT:9m x 3,3m		m2	29,7	12.750	378.675
82	Tháo dỡ vách kính		m2	70,0	17.000	1.190.000
83	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông cầu thang thường, đá 1x2, mác 300, PCB30		m3	-		-

84	Xây tường tầng tumKT: 20,3m x 2,7m x 0,1m", chiều dày <= 33cm, chiều cao <= 6m, vữa XM mác 75, PCB30		m3	3,3	1.806.418	5.926.857
85	Lợp mái tôn tum thang bộ (bao gồm xà gồ, vì kèo)KT: 7m x 3,5m		100m2	0,2	22.843.347	5.596.620
86	Cửa chống cháy KT900X2200 EI60(kèm đầy đủ phụ kiện: Bản lề, tay co thủy lực, gioăng cao su,…)	Việt Nam	bộ	1,0	18.000.000	18.000.000
87	Xây lancan gạch cao 1,2m, chiều dày <= 33cm, chiều cao <= 6m, vữa XM mác 75, PCB30		m3	2,3	1.806.418	4.118.633
88	Trát tường: trát 2 mặt KT:20,3m x 2,7m x2,mác 75		m2	109,6	154.241	16.907.917
89	Trát lancan KT:19m x 1,2m x2		m2	45,6	154.241	7.033.397
90	Gia công thang sắt		tấn	0,1	34.075.020	3.407.502
91	Lắp dựng thang sắt		m2	6,0	237.119	1.422.712
	TỔNG CỘNG ĐÃ BAO GỒM VAT					**1.620.690.658**

ĐẠI DIỆN BÊN A

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS.Trần Thanh Hải

ĐẠI DIỆN BÊN B

M.S.D.N: 0107792460 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG - KỸ THUẬT VÀ THƯƠNG MẠI TÂN TRƯỜNG PHÁT THÀNH PHỐ HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Huy Hùng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1090/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy định về hoạt động phòng cháy, chữa cháy và công tác cứu nạn, cứu hộ tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật phòng cháy và chữa cháy ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy ngày 22/11/2013;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học19/11/2018;

Căn cứ Nghị định 99//NĐ-CP ngày 30/12/2019 về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

Thông tư 36/2018/TT-BCA sửa đổi bổ sung một số điều của của Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy, chữa cháy;

Thông tư 08/2018 về Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy, chữa cháy;

Căn cứ Thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 303/QĐ-MĐC ngày 04/4//2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định về hoạt động phòng cháy, chữa cháy và công tác cứu nạn, cứu hộ tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp, Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- HUMG eOFFICE;
- Lưu HCTH.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CÔNG TÁC CỨU NẠN, CỨU HỘ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1090 /QĐ-MĐC ngày 02/11/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về hoạt động phòng cháy, chữa cháy (PCCC), cứu nạn cứu hộ (CNCH); tổ chức lực lượng, phương tiện PCCC và CNCH; đầu tư cho hoạt động PCCC và CNCH; trách nhiệm của các đơn vị và cá nhân trong hoạt động PCCC và CNCH của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các đơn vị, tổ chức và cá nhân đang làm việc, học tập và sinh hoạt trong phạm vi thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Cháy* được hiểu là trường hợp để xảy ra cháy không kiểm soát được có thể gây thiệt hại về người, tài sản và ảnh hưởng môi trường.

2. *Chất nguy hiểm về cháy, nổ* là chất lỏng, chất khí, chất rắn hoặc hàng hoá, vật tư dễ xảy ra cháy, nổ.

3. *Ban, tổ phòng cháy và chữa cháy cơ sở* là tổ chức những người tham gia hoạt động phòng cháy và chữa cháy tại nơi làm việc.

4. *Chữa cháy* bao gồm các công việc huy động, triển khai lực lượng, phương tiện chữa cháy, cắt điện, tổ chức thoát nạn, cứu người, cứu tài sản, chống cháy lan, dập tắt đám cháy và các hoạt động khác có liên quan đến chữa cháy.

5. *Cứu nạn* là hoạt động cứu người bị nạn khỏi nguy hiểm đe dọa đến sức khỏe, tính mạng của họ do sự cố, tai nạn, bao gồm: Phát hiện, định vị, mở lối tiếp cận người bị nạn, bố trí phương tiện, dụng cụ, lực lượng cứu nạn, cứu hộ; xác định, ngăn chặn, loại bỏ các yếu tố đe dọa tính mạng, sức khỏe người bị nạn và lực lượng cứu nạn, cứu hộ; tư vấn biện pháp y tế ban đầu, sơ cứu; đưa người bị nạn khỏi vị trí nguy hiểm và các biện pháp khác đưa người bị nạn đến vị trí an toàn.

6. *Cứu hộ* là hoạt động cứu phương tiện, tài sản khỏi nguy hiểm do sự cố, tai nạn, bao gồm: Phát hiện, định vị, mở lối tiếp cận phương tiện, tài sản bị nạn, bố trí phương tiện, dụng cụ, lực lượng cứu nạn, cứu hộ; xác định, ngăn chặn, loại bỏ các yếu tố nguy hiểm đe dọa an toàn phương tiện, tài sản và sức khỏe, tính mạng lực lượng cứu nạn, cứu hộ; đưa phương tiện, tài sản khỏi vị trí nguy hiểm và các biện pháp khác đưa phương tiện, tài sản đến vị trí an toàn.

7. *Sự cố, tai nạn* là sự việc do thiên nhiên, con người, động vật gây ra, xâm phạm hoặc đe dọa tính mạng, sức khỏe con người, làm hủy hoại, hư hỏng hoặc đe dọa an toàn phương tiện, tài sản.

8. *Phòng ngừa sự cố, tai nạn* là các hoạt động nhằm loại trừ nguyên nhân, điều kiện gây ra sự cố, tai nạn, bao gồm: Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, kỹ năng phòng tránh, thoát nạn; thẩm định, thẩm duyệt, kiểm định về các điều kiện bảo đảm an toàn cho người, phương tiện, thiết bị, tài sản đối với nhà, công trình, phương tiện, thiết

bị; theo dõi, giám sát, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm về bảo đảm điều kiện an toàn, phòng, chống sự cố, tai nạn; xây dựng phương án, kế hoạch và tổ chức thực tập, diễn tập phương án cứu nạn, cứu hộ; tập huấn, huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ về cứu nạn, cứu hộ.

Chương II
TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN TRONG CÔNG TÁC PCCC VÀ CNCH

Điều 4. Trách nhiệm của Nhà trường.

1. Ban hành các quy định, nội quy và biện pháp về PCCC và CNCH; thành lập Ban chỉ đạo, Ban PCCC và CNCH.

2. Tổ chức thực hiện các quy định, nội quy, điều kiện an toàn, biện pháp về PCCC và CNCH và yêu cầu về bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức PCCC và CNCH; tổ chức tập huấn nghiệp vụ; quản lý và duy trì hoạt động của Ban PCCC và CNCH.

4. Định kỳ kiểm tra an toàn về PCCC; xử lý các hành vi vi phạm quy định, nội quy về PCCC; tổ chức khắc phục kịp thời các thiếu sót, vi phạm quy định an toàn về PCCC; CNCH.

5. Trang bị phương tiện PCCC và CNCH; chuẩn bị các điều kiện phục vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; xây dựng và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, CNCH; tổ chức chữa cháy và giải quyết khắc phục hậu quả cháy.

6. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động PCCC và CNCH.

7. Tổ chức thống kê, báo cáo theo định kỳ về tình hình PCCC; thông báo kịp thời cho cơ quan Cảnh sát PCCC trực tiếp quản lý những thay đổi lớn có liên quan đến bảo đảm an toàn về PCCC của Nhà trường.

8. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức và hộ gia đình xung quanh trong việc bảo đảm an toàn về PCCC; không gây nguy hiểm cháy, nổ đối với các cơ quan, tổ chức và hộ gia đình lân cận.

9. Tổ chức tham gia các hoạt động PCCC khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 5. Trách nhiệm của Trưởng các đơn vị thuộc Trường

1. Chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng và pháp luật về những hành vi vi phạm quy định an toàn về PCCC và các vụ cháy nổ tại khu vực làm việc được Nhà trường giao quản lý, sử dụng.

2. Thực hiện việc tuyên truyền phổ biến quy định, nội quy yêu cầu về PCCC và công tác CNCH của Nhà trường cho cán bộ thuộc quyền quản lý; thực hiện nhiệm vụ PCCC và CNCH theo chức trách, nhiệm vụ được giao.

3. Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các quy định an toàn về PCCC tại đơn vị mình quản lý. Chịu trách nhiệm quản lý và bảo quản các phương tiện PCCC được Nhà trường trang bị. Trực tiếp chỉ đạo công tác chữa cháy và CNCH khi xảy ra cháy nổ tại khu vực được giao quản lý và sử dụng.

4. Thành lập và trực tiếp duy trì hoạt động của Tổ phòng cháy và chữa cháy tại đơn vị mình để đảm bảo an toàn PCCC tại chỗ.

5. Phối hợp với Nhà trường thực hiện nghiêm túc các nội dung của hoạt động PCCC và CNCH. Định kỳ rà soát kiểm tra việc đảm bảo an toàn PCCC và có kiến nghị đề xuất kịp thời với Nhà trường các điều kiện đảm bảo an toàn PCCC.

Điều 6. Trách nhiệm của cán bộ, viên chức và người học trong Trường

1. Chấp hành quy định, nội quy yêu cầu về PCCC và công tác CNCH của Nhà trường; thực hiện nhiệm vụ PCCC và CNCH theo chức trách, nhiệm vụ được giao.

2. Tìm hiểu, học tập pháp luật, kiến thức về PCCC và CNCH trong phạm vi trách nhiệm của mình; bảo quản, sử dụng thành thạo các phương tiện PCCC thông dụng và các phương tiện PCCC khác được trang bị.

3. Bảo đảm an toàn về PCCC trong quá trình sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, các thiết bị, dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt và trong bảo quản, sử dụng chất cháy; kịp thời khắc phục các thiếu sót, vi phạm quy định an toàn về PCCC.

4. Tham gia các hoạt động PCCC và CNCH nơi làm việc; tham gia đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở; góp ý, kiến nghị với Nhà trường, đơn vị nơi làm việc về các biện pháp bảo đảm an toàn về PCCC.

5. Ngăn chặn nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy và những hành vi vi phạm quy định an toàn về PCCC.

6. Báo cháy và chữa cháy kịp thời khi phát hiện thấy cháy; chấp hành nghiêm lệnh huy động tham gia chữa cháy và hoạt động PCCC khác. Khi phát hiện thấy cháy phải bằng mọi cách báo cháy ngay cho người xung quanh biết và cho một hoặc các đơn vị sau đây:

- Ban chỉ đạo PCCC, Ban PCCC của Nhà trường.
- Đơn vị Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy nơi gần nhất (Phòng Cảnh sát PCCC Thành phố Hà Nội, Cứu hoả: 114).
- Ủy ban nhân dân Phường hoặc cơ quan Công an phường sở tại.

7. Khi xảy ra cháy phải tìm mọi biện pháp để cứu người, ngăn chặn cháy lan và dập cháy; người tham gia chữa cháy phải tuân theo lệnh của người chỉ huy chữa cháy.

8. Lực lượng bảo vệ, nhân viên y tế, phòng chức năng (quản lý điện, cấp nước, môi trường...) và các đơn vị khác có liên quan có nhiệm vụ chữa cháy và tham gia chữa cháy và CNCH theo quy định.

Chương III
HOẠT ĐỘNG PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY

Điều 7. Yêu cầu an toàn về PCCC đối với nơi làm việc của các đơn vị trong Trường

Phòng cháy, chữa cháy là nghĩa vụ của toàn thể cán bộ viên chức và người học kể cả khách đến quan hệ công tác. Mỗi đơn vị trong Trường được bố trí làm việc trong một khu vực nhất định, cần phải bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy sau đây:

1. Có quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về PCCC, thoát nạn phù hợp với đặc điểm và tính chất hoạt động của đơn vị.

2. Có quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ PCCC trong đơn vị.

3. Hệ thống điện, thiết bị sử dụng điện, hệ thống chống sét, nơi sử dụng lửa, phát sinh nhiệt phải bảo đảm an toàn về PCCC.

4. Có quy trình kỹ thuật an toàn về PCCC phù hợp với điều kiện hoạt động của đơn vị.

5. Có lực lượng PCCC được tổ chức huấn luyện nghiệp vụ PCCC và tổ chức thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ.

6. Có hệ thống chữa cháy hoặc phương tiện PCCC.

Điều 8. Một số quy định cụ thể về an toàn PCCC tại nơi làm việc

1. Không sử dụng lửa, hút thuốc trong phòng thí nghiệm, kho chứa và nơi cấm lửa.

2. Không mang chất gây nổ, gây cháy vào khu vực làm việc, nhà xe, kho lưu trữ, phòng thí nghiệm (trừ các hóa chất phục vụ cho thí nghiệm).

3. Không tự ý lắp đặt các thiết bị điện, thay đổi cấu trúc hệ thống điện một cách tùy tiện.

4. Không sử dụng các thiết bị điện có công suất lớn hoặc phát sinh nhiệt như: bàn là, bếp điện, bếp từ, máy sấy, ấm siêu tốc, lò vi sóng, lò nướng…

5. Không dùng dây đồng, giấy bạc và các kim loại khác thay dây chảy cầu chì;

6. Không dùng dây điện cắm trực tiếp vào ổ cắm.

7. Không để các chất dễ cháy gần cầu chì, bảng điện, đường dây dẫn điện và các nguồn phát nhiệt.

8. Không để xe máy trong phòng thí nghiệm, phòng làm việc.

9. Không để chướng ngại vật trên các lối đi, hành lang, cầu thang bộ, cầu thang thoát hiểm;

10. Không tự ý thay đổi vị trí lắp, đặt các phương tiện, dụng cụ PCCC.

11. Phải sắp xếp các đồ vật dễ cháy cách xa các nguồn nguy hiểm có thể gây cháy như tủ điện, bảng điện, ổ cắm điện, các thiết bị điện…; vật tư hàng hóa trong kho phải gọn gàng, sạch sẽ, xếp riêng từng loại có khoảng cách ngăn cháy, xa mái, xa tường để tiện việc kiểm tra hàng và cứu chữa khi cần thiết.

12. Phải lắp, đặt phương tiện dụng cụ chữa cháy nơi dễ thấy, dễ lấy.

13. Hạn chế sử dụng nhiều thiết bị điện cùng một lúc.

14. Phải tắt các thiết bị tiêu thụ điện, ngắt nguồn điện trước khi rời khỏi phòng làm việc;

15. Lãnh đạo đơn vị phải tăng cường kiểm tra, nhắc nhở cán bộ, nhân viên chấp hành đúng nội quy PCCC trong và ngoài giờ làm việc.

Điều 9. Kiểm tra an toàn về PCCC

1. Kiểm tra an toàn về PCCC được tiến hành theo chế độ kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất.

2. Trách nhiệm kiểm tra an toàn về PCCC được quy định như sau:

a) Các đơn vị có trách nhiệm tổ chức kiểm tra an toàn về PCCC trong phạm vi quản lý của mình;

b) Nhà trường cử các thành viên trong Ban chỉ đạo PCCC Trường tổ chức kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo chế độ kiểm tra định kỳ và đột xuất theo chức năng nhiệm vụ của mình;

c) Các đơn vị có trách nhiệm phối hợp với Cảnh sát PCCC và Ban chỉ đạo PCCC Trường kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy định kỳ hoặc đột xuất đối với các đơn vị trong Trường.

Điều 10. Trách nhiệm của người chỉ huy chữa cháy

1. Xảy ra cháy ở đơn vị nào thì Chỉ huy chữa cháy ban đầu là Trưởng đơn vị đó.

2. Khi Hiệu trưởng và Ban chỉ đạo PCCC và CNCH Nhà trường có mặt thì Chỉ huy chữa cháy cao nhất là Hiệu trưởng.

3. Nhiệm vụ của Chỉ huy chữa cháy.

a) Công tác nắm tình hình

- Nhận định tình hình đám cháy và quyết định gọi chi viện.

- Xác định phương pháp và biện pháp dập tắt đám cháy, biện pháp tháo dỡ thoát khói, tổ chức công tác cứu nạn, cứu hộ.

- Xác định hướng gió để quyết định hướng tấn công, triển khai lực lượng và phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, quyết định các biện pháp đảm bảo an toàn trước tác động nguy hiểm của lửa và khói độc.

- Nắm tình hình đám cháy liên tục từ khi xảy ra cho đến khi dập tắt hoàn toàn. Tổ chức công tác kiểm tra lại đồng thời cử người ở lại bảo vệ hiện trường sau khi đám cháy được dập tắt.

- Giao nhiệm vụ cho người bảo vệ hiện trường, tham gia khám nghiệm hiện trường và lập biên bản vụ cháy.

b) Công tác tổ chức chữa cháy

- Tổ chức thông tin báo cháy trong đơn vị, Nhà trường và các lực lượng chức năng (cảnh sát PCCC – 114, cảnh sát trật tự - 113, cứu thương – 115 và chính quyền địa phương);

- Tổ chức chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

- Tổ chức bảo vệ và làm trật tự.

c) Khi lực lượng cảnh sát PCCC đến, Chỉ huy chữa cháy là người có trách nhiệm cao nhất của lực lượng PCCC. Chỉ huy chữa cháy cơ sở kịp thời báo cáo cho Chỉ huy lực lượng cảnh sát PCCC về tình hình đám cháy. Mọi người phải nghiêm chỉnh chấp hành mệnh lệnh và lệnh điều động của người chỉ huy chữa cháy cao nhất.

Chương IV
TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG VÀ PHƯƠNG TIỆN PCCC và CNCH

Điều 11. Tổ chức, quản lý lực lượng PCCC và CNCH cơ sở

1. Hiệu trưởng ký Quyết định thành lập Ban chỉ đạo, Ban PCCC và CNCH theo nhiệm kỳ Hiệu trưởng, ban hành Quy chế hoạt động, phân bổ kinh phí, trang bị phương tiện và bảo đảm các điều kiện để duy trì hoạt động phòng cháy và chữa cháy. Ban chỉ đạo, Ban PCCC và CNCH có trách nhiệm chỉ đạo và triển khai thực hiện công tác PCCC và CNCH tại Trường và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về hiệu quả hoạt động.

2. Trưởng đơn vị trực thuộc Trường thành lập và duy trì hoạt động của Tổ phòng cháy và chữa cháy tại đơn vị mình để đảm bảo an toàn PCCC tại chỗ.

3. Các đơn vị chức năng liên hệ Cơ quan Cảnh sát PCCC để được hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy đối với các Ban PCCC và CNCH của Trường.

Điều 12. Các nội dung được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC và CNCH đối với thành viên Ban PCCC và CNCH của Trường và cán bộ tại đơn vị

1. Kiến thức pháp luật, kiến thức về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với từng đối tượng.

2. Phương pháp tuyên truyền, xây dựng phong trào quần chúng phòng cháy và chữa cháy;

3. Biện pháp phòng cháy.

4. Phương pháp lập và thực tập phương án chữa cháy; biện pháp, chiến thuật, kỹ thuật chữa cháy.

5. Phương pháp bảo quản, sử dụng các phương tiện phòng cháy và chữa cháy.

6. Phương pháp kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

Điều 13. Chế độ chính sách đối với người tham gia chữa cháy và thành viên Ban PCCC và CNCH

1. Người được điều động, huy động trực tiếp chữa cháy và phục vụ chữa cháy theo lệnh triệu tập, huy động của người có thẩm quyền thì được hưởng chế độ như sau:

a) Nếu thời gian chữa cháy dưới 02 giờ được bồi dưỡng một khoản tiền bằng 0,5 ngày lương cơ sở.

b) Nếu thời gian chữa cháy từ 02 giờ đến dưới 04 giờ được bồi dưỡng một khoản tiền bằng 0,75 ngày lương cơ sở.

c) Nếu thời gian chữa cháy từ 04 giờ trở lên hoặc chữa cháy nhiều ngày thì cứ 04 giờ được bồi dưỡng một khoản tiền bằng 01 ngày lương cơ sở. Nếu tham gia chữa cháy vào ban đêm từ 22 giờ đến 6 giờ sáng thì được tính gấp 2 lần theo cách tính trên.

d) Người trực tiếp chữa cháy, người tham gia chữa cháy mà bị hy sinh, bị thương, bị tổn hại sức khoẻ, bị tổn thất về tài sản thì được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

2. Trưởng ban, Phó ban Ban PCCC và CNCH Trường ngoài việc được hưởng nguyên lương và các khoản phụ cấp khác (nếu có) còn được hưởng hỗ trợ thường xuyên, cụ thể mức hỗ trợ như sau: Trưởng ban 0,5 lần mức lương cơ sở, Phó ban 0,3 lần mức lượng cơ sở.

3. Thành viên Ban PCCC và CNCH cơ sở trong thời gian tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy được nghỉ làm việc, hưởng nguyên lương và các khoản phụ cấp khác (nếu có) và mỗi ngày được hưởng một khoản tiền bồi dưỡng bằng 0,5 ngày lương.

Điều 14. Phương tiện PCCC và CNCH

1. Phương tiện PCCC và CNCH gồm phương tiện cơ giới, thiết bị, máy móc, dụng cụ, hoá chất, công cụ hỗ trợ chuyên dùng cho việc phòng cháy và chữa cháy, cứu người, cứu tài sản.

2. Phương tiện PCCC và CNCH .

Đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở được trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy và các phương tiện, thiết bị khác bảo đảm đủ về số lượng và chất lượng, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu PCCC ban đầu trước khi lực lượng Cảnh sát PCCC chuyên nghiệp đến dập tắt đám cháy.

NHÓM PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY và CNCH	LOẠI PHƯƠNG TIỆN
Phương tiện chữa cháy cơ giới	Các loại máy bơm chữa cháy
Phương tiện chữa cháy thông dụng	Các loại lăng vòi chữa cháy
	Các loại trụ nước, cột lấy nước chữa cháy;
	Các loại thang chữa cháy
	Các loại bình chữa cháy (kiểu xách tay, kiểu xe đẩy): bình bột, bình bọt, bình khí…
Chất chữa cháy	Nước, các loại bột, khí chữa cháy
Trang phục và thiết bị bảo hộ cá nhân	Trang phục chữa cháy: quần, áo, mũ, ủng, găng tay…

Phương tiện cứu nạn	Băng ca, xe đẩy, bông băng, thuốc men…

Điều 15. Quản lý và sử dụng phương tiện PCCC

1. Trưởng các đơn vị cử cán bộ quản lý và đề xuất Nhà trường việc trang bị, bảo dưỡng, sửa chữa các phương tiện phòng cháy và chữa cháy tại đơn vị theo đúng quy định để bảo đảm sẵn sàng chữa cháy.

2. Ban chỉ đạo PCCC Trường có nhiệm vụ nắm chắc số liệu phương tiện PCCC tại các đơn vị, phối hợp với đơn vị lên kế hoạch trang bị bổ sung và định kỳ kiểm tra bảo dưỡng đối với tất cả các phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho các đơn vị trong Trường.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Khen thưởng

Cán bộ viên chức có thành tích trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được khen thưởng theo quy định chung của Nhà nước.

Điều 17. Xử lý vi phạm

1. Cán bộ viên chức có hành vi vi phạm nội quy về phòng cháy, chữa cháy tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà có thể bị xử lý kỷ luật của Nhà trường hoặc xử lý theo Luật PCCC.

2. Người được phân công phụ trách đơn vị nếu thiếu trách nhiệm trong việc quản lý, kiểm tra việc thực hiện các hoạt động phòng cháy và chữa cháy mà để xảy ra cháy tại đơn vị mình phụ trách thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà có thể bị xử lý kỷ luật của Nhà trường hoặc hoặc xử lý theo Luật PCCC.

Điều 18. Điều khoản thi hành

Trưởng các đơn vị trực thuộc Trường chịu trách nhiệm thi hành Quy định này. Phòng Tổ chức Cán bộ, Phòng Hành chính – Tổng Hợp, Phòng Cơ sở vật chất, Ban chỉ đạo PCCC Trường trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện tốt Quy định đã được ban hành.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐH MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 248/KH-MĐC

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2021

KẾ HOẠCH
Công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong Trường Đại học Mỏ - Địa chất năm 2021

Căn cứ Chương trình số 08/CTr-CAHN-PA03 ngày 14/4/2021 của Công an thành phố Hà Nội về công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc khối cơ quan, doanh nghiệp, bệnh viện, nhà trường trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2021.

Để giữ vững an ninh trật tự trong Nhà trường, loại trừ các nhân tố gây mất ổn định, góp phần giữ vững ANCT&TTATXH ở Thủ đô, Trường ĐH Mỏ - Địa chất xây dựng kế hoạch Công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2021 trong Nhà trường với nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

- Tiếp tục tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc nhằm góp phần giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội trong Nhà trường, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, góp phần bảo vệ cuộc sống bình yên hạnh phúc của nhân dân, phục vụ công cuộc giáo dục - đào tạo của đất nước.

- Tiếp tục duy trì xây dựng lực lượng bảo vệ của Nhà trường đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh theo Thông tư 46/2014/TT-BCA ngày 16/10/2014 của Bộ công an và có kết quả công tác phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đạt loại tốt.

- Thường xuyên nghiên cứu các biện pháp phòng, chống tội phạm để triển khai, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động cho toàn thể cán bộ, công chức và sinh viên của Nhà trường nắm được phương thức, thủ đoạn hoạt động của các đối tượng xấu, những sơ hở mất cảnh giác trong bảo vệ tài sản và tham gia phát hiện, tố giác, truy bắt đối tượng.

2. Yêu cầu

- Thực hiện tốt và có hiệu quả công tác lãnh đạo của Đảng đối với công tác "Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới". Đồng thời, tiếp tục tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 09/CT-TW ngày 01/12/2011 của Ban bí thư Trung ương Đảng về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới"; Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 22/6/2015 của Bộ Chính trị (khóa XI) về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo ANTT trong tình hình

mới"; Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 25/10/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về "Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới" nhằm:

+ Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, huy động tốt sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong Nhà trường tích cực, tự giác tham gia xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc có hiệu quả và phát triển toàn diện.

+ Nâng cao tinh thần cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn hoạt động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, hoạt động của các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; phát huy quyền làm chủ; đề cao vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nâng cao ý thức trách nhiệm của đoàn viên và nhân dân trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của công dân trong công tác bảo vệ an ninh, trật tự.

- Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được chỉ đạo chặt chẽ, thống nhất, thường xuyên, gắn kết chặt chẽ với các phong trào thi đua yêu nước và các phong trào hành động cách mạng, các cuộc vận động do các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội phát động.

- Tập trung nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến và kịp thời khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong Nhà trường năm 2020.

II. NỘI DUNG CÔNG TÁC TRỌNG TÂM

- Hưởng ứng các hoạt động kỷ niệm 16 năm "Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc 19/8/2005 - 19/8/2021" của Thủ đô; kỷ niệm 91 năm ngày truyền thống công tác Dân vận của Đảng (15/10/1930 – 15/10/2021); Ngày hội "Đại đoàn kết toàn dân tộc ở khu dân cư"; cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; Ngày hội "Quốc phòng toàn dân".

- Tuyên truyền thực hiện Chỉ thị số 07/CT-BCA ngày 05/08/2014 của Bộ công an về đẩy mạnh phong trào bảo vệ ANTQ trong cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự trong tình hình mới. Qua đó, huy động các cán bộ, giáo viên, người lao động và sinh viên tham gia đấu tranh chống "Diễn biến hòa bình" (nhất là kích động biểu tình, gây rối, gây bạo loạn) của các thế lực thù địch; phát hiện và ngăn chặn mọi âm mưu, thủ đoạn hoạt động phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung của Nghị định số 06/2014/NĐ-CP ngày 21/01/2014 của Chính phủ về "Biện pháp vận động quần chúng bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội" trong toàn ngành nhằm huy động cả hệ thống chính trị chủ động, tích cực tham gia vào công tác vận động quần chúng bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trên địa bàn quận.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 16/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác dân vận trong cơ quan Nhà nước trong tình hình mới.

- Đổi mới hình thức và biện pháp tuyên truyền trực quan sinh động (nhất là xây dựng các hình ảnh, video clip, bảng thông tin tuyên truyền, pa nô, áp phích,

tranh cổ động, băng rôn …) phù hợp với đơn vị. Thường xuyên tuyên truyền đến toàn thể cán bộ, giáo viên, người lao động, sinh viên và các gia đình xung quanh Nhà trường nhằm phát huy sức mạnh của quần chúng, kiên quyết tấn công, trấn áp các loại tội phạm, giải quyết tình hình phức tạp trên địa bàn quận. Góp phần làm thất bại các thủ đoạn hoạt động "Diễn biến hòa bình", lợi dụng xu thế "toàn cầu hóa', "dân chủ hóa" của các thế lực thù địch.

- Chủ động phát hiện và giải quyết kịp thời, dứt điểm mâu thuẫn, khiếu nại tố cáo trong nội bộ cơ quan, không để kéo dài dây phức tạp về ANTT… Kịp thời phát hiện các hoạt động phát tán tài liệu xấu thông qua mạng nội bộ của đơn vị. Thường xuyên rà soát bổ sung danh mục, quy chế bảo vệ bí mật Nhà nước, bảo vệ chính trị nội bộ của đơn vị.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật và vận động cán bộ, giáo viên, người lao động, sinh viên nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, chủ trương đường lối của Đảng, giữ gìn trật tự kỷ cương, thực hiện nếp sống văn minh - mỹ quan đô thị, trật tự an toàn giao thông đường bộ, phòng cháy chữa cháy, tích cực tham gia công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nhằm đảm bảo an ninh trật tự của từng đơn vị. Đồng thời làm cho cán bộ, giáo viên, người lao động và sinh viên nâng cao ý thức cảnh giác, tự phòng ngừa và chấp hành tốt các quy định của Nhà nước, thực hiện có hiệu quả chủ trương xây dựng cơ quan, đơn vị văn minh, sạch đẹp, an toàn.

- Tăng cường công tác quản lý người nước ngoài, đoàn ra, đoàn vào, công tác bảo vệ các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc tế đến thăm và làm việc tại Trường.

- Tổ chức tuyên truyền vận động các cán bộ, giáo viên, người lao động và sinh viên tích cực tham gia các đợt tấn công, truy quét các loại tội phạm, nhất là vào các đợt cao điểm lễ, tết.

- Chủ động liên hệ với Công an Phường sở tại để nhận các thông báo về phương thức, thủ đoạn của các loại tội phạm và biện pháp phòng ngừa để tổ chức tuyên truyền, vận động.

- Căn cứ tình hình thực tiễn ở đơn vị để nghiên cứu xây dựng phát triển vững chắc các hình thức tự quản, tự phòng, tự bảo vệ phù hợp, đa dạng, hiệu quả.

- Tiếp tục duy trì và xây dựng Nhà trường đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh trật tự" để góp phần xây dựng thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân.

- Chỉ đạo lực lượng bảo vệ phối hợp chặt chẽ với lực lượng dân phòng, bảo vệ khu phố, công an khu vực bố trí tuần tra, kiểm soát, chốt trực trước và xung quanh khu vực cổng trường vào những giờ cao điểm, giờ tan học.

- Tăng cường phối hợp với Công an Phường kiểm tra việc thực hiện an toàn giao thông và quy định bắt buộc việc đội mũ bảo hiểm đối với sinh viên.

- Xây dựng các biện pháp nhằm thực hiện công tác phòng, chống bạo lực học đường; ngăn chặn kịp thời tình trạng sinh viên đánh nhau trong và ngoài

trường; phát huy vai trò của giáo viên kiêm nhiệm công tác tư vấn học đường trong các hoạt động giáo dục của đơn vị.

- Thực hiện ký kết liên tịch với Công an Quận về đảm bảo an ninh trật tự trường học tại đơn vị.

- Thường xuyên rà soát, đánh giá chất lượng hiệu quả hoạt động của lực lượng bảo vệ, bổ sung, kiện toàn đầy đủ về số lượng, chất lượng, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ, pháp luật, nâng cao bản lĩnh chính trị, tinh thần trách nhiệm với công việc; quan tâm đến các chế độ, chính sách, phụ cấp, trang thiết bị, công cụ, phương tiện công tác cho lực lượng bảo vệ.

- Kịp thời phát hiện, động viên, khuyến khích để những gương "người tốt, việc tốt", những điển hình tiên tiến được phát huy và nhân rộng; kịp thời lựa chọn và đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu có thành tích trong công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ Tổ quốc.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trên đây là Kế hoạch về công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2021 của Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Đề nghị lãnh đạo các đơn vị nghiên cứu và triển khai nghiêm túc theo đúng chức năng, nhiệm vụ

Nơi nhận:
- BGH (P/h chỉ đạo);
- PA03 (để b/c)
- Các đơn vị trong toàn Trường;
- Lưu: HCTH.

KT. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PGS. TS Triệu Hùng Trường

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 731 /MĐC-HCTH
V/v thực hiện cam kết đảm bảo an toàn trong công tác PCCC&CNCH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2020

Kính gửi: Công an quận Bắc Từ Liêm

Căn cứ Luật phòng cháy và chữa cháy ngày 29/6/2001; Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy; Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ Công an.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, Công an quận Bắc Từ Liêm đã tiến hành kiểm tra công tác PCCC&CNCH đối với Trường Đại học Mỏ - Địa chất; trên cơ sở nội dung thiếu sót tồn tại nêu trong Biên bản kiểm tra về công tác PCCC&CNCH đối với Trường Đại học Mỏ - Địa chất mà Công an quận Bắc Từ Liêm kiến nghị.

Ban Lãnh đạo Trường Đại học Mỏ - Địa chất cam kết thực hiện các nội dung như sau:

1. Đối với các hạng mục thuộc diện điều chỉnh của Nghị quyết 05/2017/NQ-HĐND: thực hiện theo đúng lộ trình và kế hoạch đã đề ra trước đó, trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị Công an quận Bắc Từ Liêm và các đơn vị ban ngành có liên quan hướng dẫn thực hiện.

2. Các nội dung tồn tại thiếu sót trong công tác PCCC&CNCH đối với các hạng mục không thuộc diện điều chỉnh của Nghị quyết 05/2017/NQ-HĐND: đơn vị thực hiện và hoàn thành trước ngày 31/12/2020.

Quá thời hạn trên, nếu chưa thực hiện Ban Lãnh đạo Nhà trường xin hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Rất mong Quý Cơ quan tiếp tục có sự quan tâm, giúp đỡ để Nhà trường thực hiện đúng theo quy định./.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ GD&ĐT *(để báo cáo);*
- Ban PCCC&CHCN *(để thực hiện);*
- Lưu: HCTH, Hồ sơ PCCC.

KT/HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Triệu Hùng Trường

CÔNG AN TP HÀ NỘI
CÔNG AN QUẬN BẮC TỪ LIÊM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 03
Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017

BIÊN BẢN KIỂM TRA
VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ
(Kiểm tra định kỳ)

Hồi 14 giờ 00 phút, ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại: Trường Đại học mỏ địa chất.

Địa chỉ: Số 18 Phố Viên, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

Chúng tôi gồm:

Đại diện Đội Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an quận Bắc Từ Liêm:

- Đ/c: Thiếu tá Ngô Việt Dũng Chức vụ: Phó Đội trưởng
- Đ/c: Đại úy Nguyễn Anh Túc Chức vụ: Cán bộ

Đã tiến hành kiểm tra công tác PCCC&CNCH đối với : Trường đại học mỏ địa chất tại địa chỉ nêu trên.

Đại diện là:

1. Ông: Triệu Hùng Trường Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
3. Ông: Trần Anh Dũng Chức vụ: Phó phòng hành chính tổng hợp

I. Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

1. Báo cáo của cơ sở về công tác PCCC:

- Ban lãnh đạo nhà trường đã tổ chức chỉ đạo thực hiện các nội dung yêu cầu liên quan đến công tác PCCC&CNCH. Trong đó yêu cầu bộ phận giúp việc và các đơn vị có liên quan tham mưa cho lãnh đạo nhà trường thực hiện nội dung tồn tại không đảm bảo về PCCC đối với công trình thuộc Nghị quyết 05/NQ-HĐND TP Hà Nội (đã có kế hoạch tổ chức khắc phục, báo cáo đơn vị cấp trên quản lý). Công trình thuộc NQ05/2017/NQ-HĐND gồm có:

+ Nhà A, nhà B1, Nhà B2, Nhà D, Khối nhà D1, D2, Khối nhà kí túc xá Lào, Hội trường 300.

+ Ngoài các công trình thuộc diện điều chỉnh của Nghị quyết 05 còn có các công trình đã được thẩm duyệt thiết kế về PCCC nhưng chưa được kiểm tra nghiệm thu về PCCC theo quy định: khối nhà C12 (cáo 13 tầng), Khu nhà E cao 4 tầng khối nhà phòng thí nghiệm địa chất .....

- Trang thiết bị phương tiện PCCC nhà trường hiện tại đã xuống cấp và hư hỏng cần nhiều thời gian để xử lý và khắc phục. Hiện tại đã thuê đơn vị tư vấn thiết kế, khảo sát và khắc phục. Trước mặt đơn vị tăng cường công tác thường trực và cử người tuần tra canh gác đối với các khu vực hệ thống phương tiện hư hỏng, tăng cường thêm bình chữa cháy tại chỗ nhằm xử lý kịp thời khi có sự cố xảy ra.

Về nội dung thực hiện các yêu cầu kiến nghị của cơ quan PCCC, Công an quận Bắc Từ Liêm được ghi nhận tại biên bản kiểm tra an toàn về PCCC ngày 21/8/2020 cơ sở tự nhận thấy chưa tổ chức khắc phục được. Cam kết trong thời gian tới sẽ tiến hành tổ chức thực hiện triệt để nhằm đảm bảo an toàn về PCCC (có văn bản thông báo kèm theo gửi Công an quận Bắc Từ Liêm).

2. Kiểm tra hồ sơ quản lý về công tác PCCC:

Thành phần hồ sơ tiếp tục ghi nhận nội dung kiểm tra hồ sơ tại biên bản kiểm tra về PCCC ngày 21.8.2020 của Công an quận Bắc Từ Liêm.

- Cơ sở bổ sung hồ sơ tuyên truyền huấn luyện nghiệp vụ về PCCC, phương án CNCH mẫu số 04 theo Nghị định số 832017/NĐ-CP.
- Bản thỏa thuận về thiết kế và thiết bị phòng cháy chữa cháy công trình nhà C – Khu A Trường đại học mỏ địa chất số 121 TK-CT/PC23 ngày 14/4/2003 do Phòng PC23 – Công an TP Hà Nội cấp.
- Giấy chứng nhận thẩm duyệt số 696/CNTD-PCCC ngày 27/10/2010 công trình: Ký túc xá sinh viên Lào do Phòng Cảnh sát PCCC – Công an TP Hà Nội cấp.
- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PC&CC số 457/TDPCCC-PHDCĐVPC ngày 29/9/2014 do Cảnh sát PC&CC TP Hà Nội cấp.
- Ban hành quyết định, nội quy về sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, sử dụng điện theo thẩm quyền.
- Đã thành lập ban chỉ huy PCCC&CNCH và đội PCCC cơ sở theo quy định và thẩm quyền.
- Phương án chữa cháy theo mẫu PC11 được cơ quan cảnh sát PCCC phê duyệt theo quy định.
- Hồ sơ lưu việc tổ chức tự thực tập phương án chữa cháy năm 2019.
- Định kỳ đã tự tổ chức kiểm tra an toàn PCCC trong cơ sở, sau mỗi lần kiểm tra an toàn PCCC đã có biên bản tự kiểm tra lưu trong hồ sơ theo quy định.

* Đánh giá, nhận xét:

- Không thực chiện nội dung yêu cầu, kiến nghị của cơ quan PCCC (Công an quận Bắc Từ Liêm) được ghi nhận tại biên bản kiểm tra ngày 21.8.2020. Không duy trì đo điện trở chống sét đối với công trình theo quy định. Chưa mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc theo quy định tại Nghị định số 23/2018/NĐ-CP. Nhà C12; Nhà C5; Khối nhà phòng thí nghiệm địa chất (Nhà E), khối nhà ký túc xá sinh viên người Lào chưa được nghiệm thu về phòng cháy trước khi đưa vào hoạt động. Sau khi xây dựng thêm hạng mục công trình nhà E cơ sở chưa xây dựng chỉnh lý phương án chữa cháy theo mẫu PC11 đảm bảo nội dung theo quy định. Hệ thống báo cháy tự động, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn Exit chỉ dẫn lối thoát nạn tại khu vực nhà sinh viên Việt Nam (nhà D1, nhà D2) nhưng chưa được thẩm duyệt thiết kế về PCCC và chưa được cơ quan Cảnh sát PCCC có thẩm quyền kiểm tra nghiệm thu về PCCC theo quy định.

- Các hạng mục công trình thuộc diện điều chỉnh của Nghị quyết 05/2017/NQ-HĐND TP Hà Nội. Thời điểm hiện tại theo báo cáo của cơ sở đơn vị đã có kế hoạch khắc phục và báo cáo đơn vị chủ quản cấp trên cấp kinh phí tổ chức khắc phục theo quy định. Tuy nhiên các tồn tại thiếu sót về PCCC chưa được khắc phục.

3. Kiểm tra thực tế:

3.1 Kiểm tra lối thoát nạn và giao thông phục vụ chữa cháy:

- Cửa thoát nạn tại các lớp học hoặc phòng làm việc nơi tập trung đông thời có mặt hơn 15 người (cửa thoát nạn không đảm bảo mở theo chiều thoát nạn), Cửa xếp tại hành lang khu vực ký túc xá không đảm bảo thoát nạn (theo báo cáo và kiểm tra thực tế).

- Giao thông bên trong cơ sở: Bên trong cơ sở đường nội bộ đảm bảo cho xe chữa cháy di chuyển tiếp cận các khối nhà.

- Giao thông bên ngoài cơ sở: Bên ngoài cơ sở tiếp giáp với đường Phố Viên đảm bảo cho xe chữa cháy tiếp cận khi có cháy xảy ra.

3.2 Kiểm tra mặt bằng, công năng sử dụng:

Về quy mô, diện tích, công năng sử dụng theo báo cáo và trình bày của cơ sở không có sự thay đổi so với lần kiểm tra an toàn về PCCC ngày 21/8/2020.

Gồm có 02 khu:

* Khu A - Trường Đại học Mỏ - Địa chất được xây dựng với tổng diện tích mặt bằng khoảng: 19.000m2.

+Nhà A: quy mô 5 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 450 m2, có 02 thang bộ loại 2, từ tầng 2 có lối thông sang các nhà B và nhà C. Được sử dụng là phòng làm việc và giảng đường.

+ Nhà B: (Có 02 dãy nhà B1 và nhà B2).Trong đó nhà B1 quy mô 5 tầng, nhà B2 quy mô 3 tầng, diện tích mặt bằng mỗi dãy khoảng 420m2. Nhà B1 có 02 thang bộ loại 2, nhà B2 có 01 thang bộ hở. Từ tầng 2 và 3 nhà B1có lối thông sang nhà A, hành lang bố trí về 1 phía. Được sử dụng là phòng làm việc và giảng đường.

+ Nhà F: quy mô 2 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 350 m2. Từ tầng 2 có lối thông sang nhà A, hành lang bố trí về 1 phía. Được sử dụng là phòng làm việc và giảng đường.

+ Nhà C5: quy mô 5 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 350 m2, có 02 thang bộ loại 2. Từ các tầng 2,3,4 và 5 có lối thông sang nhà C12, bố trí giữa nhà. Được sử dụng là phòng thí nghiệm, thư viện và thực hành máy tính.

+ Nhà C12: có quy mô 13 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 1600 m2, có 02 thang bộ thoát hiểm và 3 thang máy. Từ các tầng 2,3,4 và 5 có lối thông sang nhà C5, hành lang bố trí giữa nhà. Được sử dụng làm phòng thí nghiệm, phòng làm việc, tại tầng 2 bố trí 01 phòng đặt trung tâm mạng máy tính .

+ Nhà D: quy mô 5 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 720m^2, có 02 thang bộ loại 2, hành lang bố trí về một phía. Được sử dụng là phòng thí nghiệm và giảng đường.

+ Nhà E có quy mô 4 tầng có diện tích mặt bằng khoảng 380 m^2 có tính chất sử dụng làm phòng thí nghiệm nghiên cứu khoa học địa chất, có 01 thang bộ hở và 01 thang sắt thoát nạn ngoài nhà.

+ Nhà ăn:quy mô 2 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 300 m2, có 02 thang bộ loại 2, hành lang bố trí về một phía. Được sử dụng là phòng bếp và nhà ăn.

+ Trạm y tế: quy mô 2 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 120 m2, có 01 thang bộ loại 2, không có hành lang. Được sử dụng là nơi khám và chữa bệnh.

+ Ký túc xá Sinh viên Việt Nam Gồm 2 dãy nhà (Nhà D1 và D2) mỗi dãy nhà quy mô 5 tầng, diện tích mặt bằng mỗi dãy khoảng 420 m2. Được sử dụng làm nơi ở của sinh viên Việt Nam

+ Ký túc xá Sinh viên Lào: quy mô 7 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 420 m2, có 02 thang bộ loại 2, hàng lang bố trí về 1 phía. Được sử dụng làm nơi ở của sinh viên Lào

+ Nhà để xe máy: Có 04 khu vực nhà để xe máy: 02 dùng cho sinh viên (diện tích khoảng 120m^2); 02 dùng cho CBCNV (diện tích khoảng 200m^2).

+ Gara ô tô: Có diện tích khoảng 120m^2.

+ Trạm điện: Có diện tích khoảng 48m^2; xây bằng vật liệu không cháy (tường gạch bao quanh).

+ Hội trường 300: Có kiến trúc 1 tầng, diện tích khoảng 600m^2 gồm 300 ghế ngồi.

3.3 Kiểm tra hệ thống điện:

- Tại nhiều khu vực của các khối nhà trong trường: dây cáp điện, dây thông tin, dây viễn thông đi chằng chịt thành từng bó, chưa được cải tạo và chưa đi trong ống gen bảo vệ. Còn nhiều khu vực hộp điện không đảm bảo an toàn về điện theo quy định.

3.4 Kiểm tra phương tiện phòng cháy chữa cháy:

- Các khối nhà đã được trang bị các bình chữa cháy xách tay, bình chữa cháy xe đẩy; Nhà C12, nhà C5 đã lắp đặt hệ thống báo cháy tự động và hệ thống họng nước chữa cháy vách tường, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn Exit chỉ dẫn lối thoát nạn; Nhà D đã lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy vách tường; Nhà E đã lắp đặt hệ thống báo cháy, họng nước chữa cháy trong nhà, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố; Nhà Ký túc xá sinh viên Lào đã lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn Exit chỉ dẫn lối thoát nạn; Nhà kí túc xá sinh viên Việt Nam (nhà D1, D2) đã lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn Exit chỉ dẫn lối thoát nạn; Hội trường 300 đã lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, đã lắp đặt hệ thống đèn Exit và đèn chiếu sáng sự cố.

Tại thời điểm kiểm tra cho vận hành máy bơm chữa cháy tại khối nhà C12 thử áp lực nước trên tầng 13, tầm phun xa của lăng chữa cháy > 6,5m đảm bảo theo quy định.

* Đánh giá, nhận xét.

- Các khối nhà C12, nhà D1, nhà D2 tại thời điểm kiểm hệ thống báo cháy không hoạt động.

- Hệ thống báo cháy tự động khu nhà E không hoạt động.

- Khu nhà C12 tầng hệ thống báo cháy không hoạt động.

- Không thực hiện công tác kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng hệ thống, phương tiện PCCC theo quy định tại TCVN3890:2009.

Đối với các hạng mục công trình trong nhà trường thuộc Nghị Quyết 05/2017/NQ-HĐND gồm:

+ Nhà A, nhà B1, nhà B2 chưa lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, chưa lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn Exit chỉ dẫn lối thoát nạn.

+ Nhà D chưa lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn Exit chỉ dẫn lối thoát nạn, chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà không hoạt động được do máy bơm chữa cháy hỏng.

+ Khối nhà D1, D2 chưa lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà.

+ Khối nhà kí túc xá Lào hệ thống báo cháy tự động hỏng không hoạt động.

+ Hội trường 300 hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà không hoạt động, hệ thống máy bơm chữa cháy hỏng, chưa lắp đặt hệ thống hút khói.

3.5 Kiểm tra nguồn nước phục vụ công tác cháy chữa cháy:

- Bên trong cơ sở: có khoảng 05 bể nước có trữ lượng nước lớn Bể nước tại tầng 1 nhà C12; bể nước tại tầng 1 nhà E, bể nước tại tầng 1 nhà D, bể nước tại phía trước Hội trường 300, bể nước tại khu nhà sinh viên kí túc xá Lào vị tại khu vực đầu hồi hướng Nam của nhà. Xe chữa cháy và máy bơm chữa cháy có thể tiếp cận và hút được nước.

- Bên ngoài cơ sở có các trụ nước dọc đường Đức Thắng thuận tiện cho xe chữa cháy hút nước dễ dàng khi có sự cố xảy ra.

3.6 Công tác thường trực bảo vệ.

- Tổ công tác bảo vệ gồm có 14 được duy trì 24/24h gồm có 03 ca trực.

II. Nội dung nhận xét, kiến nghị.

Để đảm bảo an toàn PCCC cho cơ sở trong quá trình hoạt động, thực hiện nghiêm túc Luật phòng cháy và chữa cháy năm 2001. Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an và các văn bản quy phạm pháp luật PCCC hiện hành của các cơ quan nhà nước. Công an quận Bắc Từ Liêm yêu cầu Trường Đại học mỏ - Địa chất tổ chức thực hiện tốt các nội dung sau:

1. Đề nghị người đứng đầu cơ sở tổ chức thực hiện các nội dung yêu cầu kiến nghị được ghi nhận tại biên bản kiểm tra an toàn về PCCC ngày 21.8.2020 của Công an quận Bắc Từ Liêm và theo văn bản thông báo của cơ sở. **Yêu cầu đảm bảo thời gian và tiến độ các nội dung kiến nghị.**

Hoàn thiện các hạng mục công trình tại khối nhà: C12, C5; Nhà E, Nhà ký túc xá sinh viên Lào sau đó lập hồ sơ trình cơ quan Cảnh sát PCCC tiến hành kiểm tra nghiệm thu về PCCC theo Điều 17 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP. **Thời gian hoàn thành: theo nội dung văn bảo thông báo gửi Công an quận Bắc Từ Liêm.**

2. Thường xuyên kiện toàn hồ sơ quản lý công tác an toàn PCCC theo Điều 3 Thông tư số 66/2014/TT-BCA và kịp thời bổ sung hồ sơ khi có sự thay đổi (thành phần hồ sơ, lực lượng tham gia hoạt động công tác PCCC và các nội dung khác có liên quan ...). Định kỳ tự tổ chức kiểm tra công tác PCCC trong cơ sở, sau mỗi lần kiểm tra có biên bản lưu trong hồ sơ theo Điều 18 Nghị Định 79/2014/NĐ-CP. **Yêu cầu thực hiện định và và duy trì thường xuyên.**

3. Định kỳ thực hiện việc tổ chức tuyên truyền, tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ PCCC và nghiệp vụ CNCH cho CBGV trong nhà trường, liên hệ cơ quan có thẩm quyền tiến hành kiểm tra cấp đổi giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và cập giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn cứu hộ cho lực lượng PCCC cơ sở theo Điều 16 Thông tư số 66/2014/TT-BCA và Nghị định 83/2017/NĐ-CP. **Duy trì thực hiện định kỳ theo quy định.**

Tối thiểu 01 lần trong năm tổ chức thực tập phương án CC&CNCH tại cơ sở theo Điều 12 Thông tư số 66/2014/TT-BCA và Nghị định 83/2017/NĐ-CP. **Thời hạn hoàn thành: thực tập phương án chữa cháy xon trước ngày 31/12/2020 duy trì thực hiện định kỳ theo quy định.**

4. Thực hiện việc mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc theo Nghị định số 23/2018/NĐ-CP; Tiến hành đo điện trở nối đất chống sét đối với nhà và công trình theo quy định tại TCVN9385:2012. **Thời gian hoàn thành: theo nội dung văn bảo thông báo gửi Công an quận Bắc Từ Liêm.**

5. Đối với các hạng mục công trình thuộc Nghị quyết 05/2017/NQ-HĐND yêu cầu Lãnh đạo nhà trường lên dự trù kinh phí, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm định (lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn Exit chỉ dẫn lối thoát nạn, Hội trường 300 lắp đặt bổ sung hệ thống hút khói...) theo TCVN 3890/2009, sau đó tiến hành thi công các hạng mục PCCC theo đúng hồ sơ đã được thẩm định. Khi thi công xong hoàn thành các hồ sơ liên quan liên hệ cơ quan Cảnh sát PCCC có thẩm quyền tiến hành kiểm tra nghiệm thu về PCCC theo quy định. **Yêu cầu làm ngay và xong trước Quý IV/2020: theo nội dung văn bảo thông báo gửi Công an quận Bắc Từ Liêm.**

Tiến hành kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống trang thiết bị phương tiện PCCC đã được trang bị tại cơ sở theo TCVN: 3890/2009. **Thời gian hoàn thành: theo nội dung văn bảo thông báo gửi Công an quận Bắc Từ Liêm.**

7. Thường xuyên kiểm tra hệ thống dây dẫn điện, thiết bị tiêu thụ điện, thiết bị bảo vệ điện. Cải tạo hệ thống dây dẫn điện, dây cáp điện, dây thông tin, dây viễn thông... phải đi trong ống gen chống cháy, đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy và quy định an toàn về điện. Sắp xếp bố trí chất dễ cháy cách 0,5m so với hệ thống điện.

Thay thế cửa thoát nạn theo đúng tiêu chuẩn, các cửa xếp tại hành lang khu vực ký túc xá (có giải pháp đảm bảo cửa mở theo chiều thoát nạn), đảm bảo hành lang cầu thang thông thoáng thuận lợi cho việc thoát nạn khi có sự cố quy định tại QCVN 06:2020/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.

Đảm bảo giao thông bên trong và ngoài cơ sở phải luôn thông thoáng, thuận tiện cho xe chữa cháy di chuyển khi xảy ra sự cố. **Yêu cầu thực hiện ngay và duy trì thường xuyên.**

8. Tiếp tục duy trì công tác trường trực bảo vệ đảm bảo 24/24h, khi có sự cố cháy nổ xảy ra gọi ngay cho cơ quan PCCC theo số điện thoại **114** hoặc chính quyền địa phương sở tại để có biện pháp cứu chữa kịp thời. **Yêu cầu duy trì thường xuyên.**

Biên bản lập xong hồi 17 giờ 00 phút cùng ngày, gồm 07 trang được lập thành 02 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN TRƯỜNG **ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT**	**ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA**
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PGS.TS Triệu Hùng Trường	**Thiếu tá Ngô Việt Dũng**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 731 /MĐC-HCTH
V/v thực hiện cam kết đảm bảo an toàn trong công tác PCCC&CNCH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2020

Kính gửi: Công an quận Bắc Từ Liêm

Căn cứ Luật phòng cháy và chữa cháy ngày 29/6/2001; Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy; Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ Công an.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, Công an quận Bắc Từ Liêm đã tiến hành kiểm tra công tác PCCC&CNCH đối với Trường Đại học Mỏ - Địa chất; trên cơ sở nội dung thiếu sót tồn tại nêu trong Biên bản kiểm tra về công tác PCCC&CNCH đối với Trường Đại học Mỏ - Địa chất mà Công an quận Bắc Từ Liêm kiến nghị.

Ban Lãnh đạo Trường Đại học Mỏ - Địa chất cam kết thực hiện các nội dung như sau:

1. Đối với các hạng mục thuộc diện điều chỉnh của Nghị quyết 05/2017/NQ-HĐND: thực hiện theo đúng lộ trình và kế hoạch đã đề ra trước đó, trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị Công an quận Bắc Từ Liêm và các đơn vị ban ngành có liên quan hướng dẫn thực hiện.

2. Các nội dung tồn tại thiếu sót trong công tác PCCC&CNCH đối với các hạng mục không thuộc diện điều chỉnh của Nghị quyết 05/2017/NQ-HĐND: đơn vị thực hiện và hoàn thành trước ngày 31/12/2020.

Quá thời hạn trên, nếu chưa thực hiện Ban Lãnh đạo Nhà trường xin hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Rất mong Quý Cơ quan tiếp tục có sự quan tâm, giúp đỡ để Nhà trường thực hiện đúng theo quy định./.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Bộ GD&ĐT *(để báo cáo);*
- Ban PCCC&CHCN *(để thực hiện);*
- Lưu: HCTH, Hồ sơ PCCC.

KT/HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Triệu Hùng Trường

CÔNG AN TP HÀ NỘI
CÔNG AN QUẬN BẮC TỪ LIÊM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 03
Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017

BIÊN BẢN KIỂM TRA
VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ
(Kiểm tra định kỳ)

Hồi 14 giờ 00 phút, ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại: Trường Đại học mỏ địa chất.

Địa chỉ: Số 18 Phố Viên, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội

Chúng tôi gồm:

Đại diện Đội Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an quận Bắc Từ Liêm:

- Đ/c: Thiếu tá Ngô Việt Dũng Chức vụ: Phó Đội trưởng
- Đ/c: Đại úy Nguyễn Anh Túc Chức vụ: Cán bộ

Đã tiến hành kiểm tra công tác PCCC&CNCH đối với : Trường đại học mỏ địa chất tại địa chỉ nêu trên.

Đại diện là:

1. Ông: Triệu Hùng Trường Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
3. Ông: Trần Anh Dũng Chức vụ: Phó phòng hành chính tổng hợp

I. Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

1. Báo cáo của cơ sở về công tác PCCC:

- Ban lãnh đạo nhà trường đã tổ chức chỉ đạo thực hiện các nội dung yêu cầu liên quan đến công tác PCCC&CNCH. Trong đó yêu cầu bộ phận giúp việc và các đơn vị có liên quan tham mưa cho lãnh đạo nhà trường thực hiện nội dung tồn tại không đảm bảo về PCCC đối với công trình thuộc Nghị quyết 05/NQ-HĐND TP Hà Nội (đã có kế hoạch tổ chức khắc phục, báo cáo đơn vị cấp trên quản lý). Công trình thuộc NQ05/2017/NQ-HĐND gồm có:

+ Nhà A, nhà B1, Nhà B2, Nhà D, Khối nhà D1, D2, Khối nhà kí túc xá Lào, Hội trường 300.

+ Ngoài các công trình thuộc diện điều chỉnh của Nghị quyết 05 còn có các công trình đã được thẩm duyệt thiết kế về PCCC nhưng chưa được kiểm tra nghiệm thu về PCCC theo quy định: khối nhà C12 (cáo 13 tầng), Khu nhà E cao 4 tầng khối nhà phòng thí nghiệm địa chất .....

- Trang thiết bị phương tiện PCCC nhà trường hiện tại đã xuống cấp và hư hỏng cần nhiều thời gian để xử lý và khắc phục. Hiện tại đã thuê đơn vị tư vấn thiết kế, khảo sát và khắc phục. Trước mặt đơn vị tăng cường công tác thường trực và cử người tuần tra canh gác đối với các khu vực hệ thống phương tiện hư hỏng, tăng cường thêm bình chữa cháy tại chỗ nhằm xử lý kịp thời khi có sự cố xảy ra.

Về nội dung thực hiện các yêu cầu kiến nghị của cơ quan PCCC, Công an quận Bắc Từ Liêm được ghi nhận tại biên bản kiểm tra an toàn về PCCC ngày 21/8/2020 cơ sở tự nhận thấy chưa tổ chức khắc phục được. Cam kết trong thời gian tới sẽ tiến hành tổ chức thực hiện triệt để nhằm đảm bảo an toàn về PCCC (có văn bản thông báo kèm theo gửi Công an quận Bắc Từ Liêm).

2. Kiểm tra hồ sơ quản lý về công tác PCCC:

Thành phần hồ sơ tiếp tục ghi nhận nội dung kiểm tra hồ sơ tại biên bản kiểm tra về PCCC ngày 21.8.2020 của Công an quận Bắc Từ Liêm.

- Cơ sở bổ sung hồ sơ tuyên truyền huấn luyện nghiệp vụ về PCCC, phương án CNCH mẫu số 04 theo Nghị định số 832017/NĐ-CP.
- Bản thỏa thuận về thiết kế và thiết bị phòng cháy chữa cháy công trình nhà C – Khu A Trường đại học mỏ địa chất số 121 TK-CT/PC23 ngày 14/4/2003 do Phòng PC23 – Công an TP Hà Nội cấp.
- Giấy chứng nhận thẩm duyệt số 696/CNTD-PCCC ngày 27/10/2010 công trình: Ký túc xá sinh viên Lào do Phòng Cảnh sát PCCC – Công an TP Hà Nội cấp.
- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PC&CC số 457/TDPCCC-PHDCĐVPC ngày 29/9/2014 do Cảnh sát PC&CC TP Hà Nội cấp.
- Ban hành quyết định, nội quy về sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, sử dụng điện theo thẩm quyền.
- Đã thành lập ban chỉ huy PCCC&CNCH và đội PCCC cơ sở theo quy định và thẩm quyền.
- Phương án chữa cháy theo mẫu PC11 được cơ quan cảnh sát PCCC phê duyệt theo quy định.
- Hồ sơ lưu việc tổ chức tự thực tập phương án chữa cháy năm 2019.
- Định kỳ đã tự tổ chức kiểm tra an toàn PCCC trong cơ sở, sau mỗi lần kiểm tra an toàn PCCC đã có biên bản tự kiểm tra lưu trong hồ sơ theo quy định.

* Đánh giá, nhận xét:

- Không thực chiện nội dung yêu cầu, kiến nghị của cơ quan PCCC (Công an quận Bắc Từ Liêm) được ghi nhận tại biên bản kiểm tra ngày 21.8.2020. Không duy trì đo điện trở chống sét đối với công trình theo quy định. Chưa mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc theo quy định tại Nghị định số 23/2018/NĐ-CP. Nhà C12; Nhà C5; Khối nhà phòng thí nghiệm địa chất (Nhà E), khối nhà ký túc xá sinh viên người Lào chưa được nghiệm thu về phòng cháy trước khi đưa vào hoạt động. Sau khi xây dựng thêm hạng mục công trình nhà E cơ sở chưa xây dựng chỉnh lý phương án chữa cháy theo mẫu PC11 đảm bảo nội dung theo quy định. Hệ thống báo cháy tự động, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn Exit chỉ dẫn lối thoát nạn tại khu vực nhà sinh viên Việt Nam (nhà D1, nhà D2) nhưng chưa được thẩm duyệt thiết kế về PCCC và chưa được cơ quan Cảnh sát PCCC có thẩm quyền kiểm tra nghiệm thu về PCCC theo quy định.

- Các hạng mục công trình thuộc diện điều chỉnh của Nghị quyết 05/2017/NQ-HĐND TP Hà Nội. Thời điểm hiện tại theo báo cáo của cơ sở đơn vị đã có kế hoạch khắc phục và báo cáo đơn vị chủ quản cấp trên cấp kinh phí tổ chức khắc phục theo quy định. Tuy nhiên các tồn tại thiếu sót về PCCC chưa được khắc phục.

3. Kiểm tra thực tế:

3.1 Kiểm tra lối thoát nạn và giao thông phục vụ chữa cháy:

- Cửa thoát nạn tại các lớp học hoặc phòng làm việc nơi tập trung đông thời có mặt hơn 15 người (cửa thoát nạn không đảm bảo mở theo chiều thoát nạn), Cửa xếp tại hành lang khu vực ký túc xá không đảm bảo thoát nạn (theo báo cáo và kiểm tra thực tế).

- Giao thông bên trong cơ sở: Bên trong cơ sở đường nội bộ đảm bảo cho xe chữa cháy di chuyển tiếp cận các khối nhà.

- Giao thông bên ngoài cơ sở: Bên ngoài cơ sở tiếp giáp với đường Phố Viên đảm bảo cho xe chữa cháy tiếp cận khi có cháy xảy ra.

3.2 Kiểm tra mặt bằng, công năng sử dụng:

Về quy mô, diện tích, công năng sử dụng theo báo cáo và trình bày của cơ sở không có sự thay đổi so với lần kiểm tra an toàn về PCCC ngày 21/8/2020.

Gồm có 02 khu:

* Khu A - Trường Đại học Mỏ - Địa chất được xây dựng với tổng diện tích mặt bằng khoảng: 19.000m2.

+Nhà A: quy mô 5 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 450 m2, có 02 thang bộ loại 2, từ tầng 2 có lối thông sang các nhà B và nhà C. Được sử dụng là phòng làm việc và giảng đường.

+ Nhà B: (Có 02 dãy nhà B1 và nhà B2).Trong đó nhà B1 quy mô 5 tầng, nhà B2 quy mô 3 tầng, diện tích mặt bằng mỗi dãy khoảng 420m2. Nhà B1 có 02 thang bộ loại 2, nhà B2 có 01 thang bộ hở. Từ tầng 2 và 3 nhà B1có lối thông sang nhà A, hành lang bố trí về 1 phía. Được sử dụng là phòng làm việc và giảng đường.

+ Nhà F: quy mô 2 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 350 m2. Từ tầng 2 có lối thông sang nhà A, hành lang bố trí về 1 phía. Được sử dụng là phòng làm việc và giảng đường.

+ Nhà C5: quy mô 5 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 350 m2, có 02 thang bộ loại 2. Từ các tầng 2,3,4 và 5 có lối thông sang nhà C12, bố trí giữa nhà. Được sử dụng là phòng thí nghiệm, thư viện và thực hành máy tính.

+ Nhà C12: có quy mô 13 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 1600 m2, có 02 thang bộ thoát hiểm và 3 thang máy. Từ các tầng 2,3,4 và 5 có lối thông sang nhà C5, hành lang bố trí giữa nhà. Được sử dụng làm phòng thí nghiệm, phòng làm việc, tại tầng 2 bố trí 01 phòng đặt trung tâm mạng máy tính .

+ Nhà D: quy mô 5 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 720m^2, có 02 thang bộ loại 2, hành lang bố trí về một phía. Được sử dụng là phòng thí nghiệm và giảng đường.

+ Nhà E có quy mô 4 tầng có diện tích mặt bằng khoảng 380 m^2 có tính chất sử dụng làm phòng thí nghiệm nghiên cứu khoa học địa chất, có 01 thang bộ hở và 01 thang sắt thoát nạn ngoài nhà.

+ Nhà ăn:quy mô 2 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 300 m2, có 02 thang bộ loại 2, hành lang bố trí về một phía. Được sử dụng là phòng bếp và nhà ăn.

+ Trạm y tế: quy mô 2 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 120 m2, có 01 thang bộ loại 2, không có hành lang. Được sử dụng là nơi khám và chữa bệnh.

+ Ký túc xá Sinh viên Việt Nam Gồm 2 dãy nhà (Nhà D1 và D2) mỗi dãy nhà quy mô 5 tầng, diện tích mặt bằng mỗi dãy khoảng 420 m2. Được sử dụng làm nơi ở của sinh viên Việt Nam

+ Ký túc xá Sinh viên Lào: quy mô 7 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 420 m2, có 02 thang bộ loại 2, hàng lang bố trí về 1 phía. Được sử dụng làm nơi ở của sinh viên Lào

+ Nhà để xe máy: Có 04 khu vực nhà để xe máy: 02 dùng cho sinh viên (diện tích khoảng 120m^2); 02 dùng cho CBCNV (diện tích khoảng 200m^2).

+ Gara ô tô: Có diện tích khoảng 120m^2.

+ Trạm điện: Có diện tích khoảng 48m^2; xây bằng vật liệu không cháy (tường gạch bao quanh).

+ Hội trường 300: Có kiến trúc 1 tầng, diện tích khoảng 600m^2 gồm 300 ghế ngồi.

3.3 Kiểm tra hệ thống điện:

- Tại nhiều khu vực của các khối nhà trong trường: dây cáp điện, dây thông tin, dây viễn thông đi chằng chịt thành từng bó, chưa được cải tạo và chưa đi trong ống gen bảo vệ. Còn nhiều khu vực hộp điện không đảm bảo an toàn về điện theo quy định.

3.4 Kiểm tra phương tiện phòng cháy chữa cháy:

- Các khối nhà đã được trang bị các bình chữa cháy xách tay, bình chữa cháy xe đẩy; Nhà C12, nhà C5 đã lắp đặt hệ thống báo cháy tự động và hệ thống họng nước chữa cháy vách tường, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn Exit chỉ dẫn lối thoát nạn; Nhà D đã lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy vách tường; Nhà E đã lắp đặt hệ thống báo cháy, họng nước chữa cháy trong nhà, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố; Nhà Ký túc xá sinh viên Lào đã lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn Exit chỉ dẫn lối thoát nạn; Nhà kí túc xá sinh viên Việt Nam (nhà D1, D2) đã lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn Exit chỉ dẫn lối thoát nạn; Hội trường 300 đã lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, đã lắp đặt hệ thống đèn Exit và đèn chiếu sáng sự cố.

Tại thời điểm kiểm tra cho vận hành máy bơm chữa cháy tại khối nhà C12 thử áp lực nước trên tầng 13, tầm phun xa của lăng chữa cháy > 6,5m đảm bảo theo quy định.

* Đánh giá, nhận xét.

- Các khối nhà C12, nhà D1, nhà D2 tại thời điểm kiểm hệ thống báo cháy không hoạt động.

- Hệ thống báo cháy tự động khu nhà E không hoạt động.

- Khu nhà C12 tầng hệ thống báo cháy không hoạt động.

- Không thực hiện công tác kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng hệ thống, phương tiện PCCC theo quy định tại TCVN3890:2009.

Đối với các hạng mục công trình trong nhà trường thuộc Nghị Quyết 05/2017/NQ-HĐND gồm:

+ Nhà A, nhà B1, nhà B2 chưa lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, chưa lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn Exit chỉ dẫn lối thoát nạn.

+ Nhà D chưa lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn Exit chỉ dẫn lối thoát nạn, chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà không hoạt động được do máy bơm chữa cháy hỏng.

+ Khối nhà D1, D2 chưa lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà.

+ Khối nhà kí túc xá Lào hệ thống báo cháy tự động hỏng không hoạt động.

+ Hội trường 300 hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà không hoạt động, hệ thống máy bơm chữa cháy hỏng, chưa lắp đặt hệ thống hút khói.

3.5 Kiểm tra nguồn nước phục vụ công tác cháy chữa cháy:

- Bên trong cơ sở: có khoảng 05 bể nước có trữ lượng nước lớn Bể nước tại tầng 1 nhà C12; bể nước tại tầng 1 nhà E, bể nước tại tầng 1 nhà D, bể nước tại phía trước Hội trường 300, bể nước tại khu nhà sinh viên kí túc xá Lào vị tại khu vực đầu hồi hướng Nam của nhà. Xe chữa cháy và máy bơm chữa cháy có thể tiếp cận và hút được nước.

- Bên ngoài cơ sở có các trụ nước dọc đường Đức Thắng thuận tiện cho xe chữa cháy hút nước dễ dàng khi có sự cố xảy ra.

3.6 Công tác thường trực bảo vệ.

- Tổ công tác bảo vệ gồm có 14 được duy trì 24/24h gồm có 03 ca trực.

II. Nội dung nhận xét, kiến nghị.

Để đảm bảo an toàn PCCC cho cơ sở trong quá trình hoạt động, thực hiện nghiêm túc Luật phòng cháy và chữa cháy năm 2001. Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an và các văn bản quy phạm pháp luật PCCC hiện hành của các cơ quan nhà nước. Công an quận Bắc Từ Liêm yêu cầu Trường Đại học mỏ - Địa chất tổ chức thực hiện tốt các nội dung sau:

1. Đề nghị người đứng đầu cơ sở tổ chức thực hiện các nội dung yêu cầu kiến nghị được ghi nhận tại biên bản kiểm tra an toàn về PCCC ngày 21.8.2020 của Công an quận Bắc Từ Liêm và theo văn bản thông báo của cơ sở. **Yêu cầu đảm bảo thời gian và tiến độ các nội dung kiến nghị.**

Hoàn thiện các hạng mục công trình tại khối nhà: C12, C5; Nhà E, Nhà ký túc xá sinh viên Lào sau đó lập hồ sơ trình cơ quan Cảnh sát PCCC tiến hành kiểm tra nghiệm thu về PCCC theo Điều 17 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP. **Thời gian hoàn thành: theo nội dung văn bảo thông báo gửi Công an quận Bắc Từ Liêm.**

2. Thường xuyên kiện toàn hồ sơ quản lý công tác an toàn PCCC theo Điều 3 Thông tư số 66/2014/TT-BCA và kịp thời bổ sung hồ sơ khi có sự thay đổi (thành phần hồ sơ, lực lượng tham gia hoạt động công tác PCCC và các nội dung khác có liên quan ...). Định kỳ tự tổ chức kiểm tra công tác PCCC trong cơ sở, sau mỗi lần kiểm tra có biên bản lưu trong hồ sơ theo Điều 18 Nghị Định 79/2014/NĐ-CP. **Yêu cầu thực hiện định và và duy trì thường xuyên.**

3. Định kỳ thực hiện việc tổ chức tuyên truyền, tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ PCCC và nghiệp vụ CNCH cho CBGV trong nhà trường, liên hệ cơ quan có thẩm quyền tiến hành kiểm tra cấp đổi giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC và cập giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn cứu hộ cho lực lượng PCCC cơ sở theo Điều 16 Thông tư số 66/2014/TT-BCA và Nghị định 83/2017/NĐ-CP. **Duy trì thực hiện định kỳ theo quy định.**

Tối thiểu 01 lần trong năm tổ chức thực tập phương án CC&CNCH tại cơ sở theo Điều 12 Thông tư số 66/2014/TT-BCA và Nghị định 83/2017/NĐ-CP. **Thời hạn hoàn thành: thực tập phương án chữa cháy xon trước ngày 31/12/2020 duy trì thực hiện định kỳ theo quy định.**

4. Thực hiện việc mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc theo Nghị định số 23/2018/NĐ-CP; Tiến hành đo điện trở nối đất chống sét đối với nhà và công trình theo quy định tại TCVN9385:2012. **Thời gian hoàn thành: theo nội dung văn bảo thông báo gửi Công an quận Bắc Từ Liêm.**

5. Đối với các hạng mục công trình thuộc Nghị quyết 05/2017/NQ-HĐND yêu cầu Lãnh đạo nhà trường lên dự trù kinh phí, lập hồ sơ thiết kế bản vẽ trình cơ quan Cảnh sát PCCC thẩm định (lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn Exit chỉ dẫn lối thoát nạn, Hội trường 300 lắp đặt bổ sung hệ thống hút khói...) theo TCVN 3890/2009, sau đó tiến hành thi công các hạng mục PCCC theo đúng hồ sơ đã được thẩm định. Khi thi công xong hoàn thành các hồ sơ liên quan liên hệ cơ quan Cảnh sát PCCC có thẩm quyền tiến hành kiểm tra nghiệm thu về PCCC theo quy định. **Yêu cầu làm ngay và xong trước Quý IV/2020: theo nội dung văn bảo thông báo gửi Công an quận Bắc Từ Liêm.**

Tiến hành kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống trang thiết bị phương tiện PCCC đã được trang bị tại cơ sở theo TCVN: 3890/2009. **Thời gian hoàn thành: theo nội dung văn bảo thông báo gửi Công an quận Bắc Từ Liêm.**

7. Thường xuyên kiểm tra hệ thống dây dẫn điện, thiết bị tiêu thụ điện, thiết bị bảo vệ điện. Cải tạo hệ thống dây dẫn điện, dây cáp điện, dây thông tin, dây viễn thông... phải đi trong ống gen chống cháy, đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy và quy định an toàn về điện. Sắp xếp bố trí chất dễ cháy cách 0,5m so với hệ thống điện.

Thay thế cửa thoát nạn theo đúng tiêu chuẩn, các cửa xếp tại hành lang khu vực ký túc xá (có giải pháp đảm bảo cửa mở theo chiều thoát nạn), đảm bảo hành lang cầu thang thông thoáng thuận lợi cho việc thoát nạn khi có sự cố quy định tại QCVN 06:2020/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.

Đảm bảo giao thông bên trong và ngoài cơ sở phải luôn thông thoáng, thuận tiện cho xe chữa cháy di chuyển khi xảy ra sự cố. **Yêu cầu thực hiện ngay và duy trì thường xuyên.**

8. Tiếp tục duy trì công tác trường trực bảo vệ đảm bảo 24/24h, khi có sự cố cháy nổ xảy ra gọi ngay cho cơ quan PCCC theo số điện thoại **114** hoặc chính quyền địa phương sở tại để có biện pháp cứu chữa kịp thời. **Yêu cầu duy trì thường xuyên.**

Biên bản lập xong hồi 17 giờ 00 phút cùng ngày, gồm 07 trang được lập thành 02 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN TRƯỜNG **ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT**	**ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA**
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PGS.TS Triệu Hùng Trường	**Thiếu tá Ngô Việt Dũng**

CÔNG AN TP HÀ NỘI
CÔNG AN QUẬN BẮC TỪ LIÊM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số PC10

BIÊN BẢN KIỂM TRA
VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ
(Kiểm tra định kỳ)

Hồi 14 giờ 00 phút, ngày 22 tháng 4 năm 2021, tại: Trường Đại học Mỏ - Địa chất (gọi tắt là cơ sở).

Địa chỉ: Số 18 Phố Viên, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội.

Chúng tôi gồm:

Đại diện Đội Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an quận Bắc Từ Liêm:

- Đ/c: Thiếu tá Ngô Việt Dũng Chức vụ: Phó Đội trưởng
- Đ/c: Đại úy Nguyễn Anh Túc Chức vụ: Cán bộ

Đã tiến hành kiểm tra công tác PCCC&CNCH đối với : Trường đại học Mỏ - Địa chất tại địa chỉ nêu trên.

Đại diện là:

1. Ông: Triệu Hùng Trường Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
2. Ông: Trần Anh Dũng Chức vụ: Phó phòng hành chính tổng hợp

I. Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

1. Báo cáo của cơ sở về công tác PCCC:

- Nhà trường cử 01 đồng chí lãnh đạo đơn vị tham gia lớp huấn luyện nghiệp vụ về PCCC do Công an quận Bắc Từ Liêm tổ chức và được cấp GCN huấn luyện nghiệp vụ về PCCC ngày 22/01/2021 do Phòng PC07 Công an TP Hà Nội cấp.

Tổ chức kiểm tra bảo dưỡng hệ thống báo cháy tự động, hệ thống họng cấp nước chữa cháy bên trong nhà, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố biển chỉ dẫn thoát nạn (có hợp đồng kèm theo). Tiến hành đo điện trở tiếp địa chống sét đối với hạng mục nhà và công trình có kết quả đo kèm theo.

Các hạng mục công trình thuộc Nghị quyết 05/NQ-HĐND TP Hà Nội (đã có kế hoạch tổ chức khắc phục, báo cáo đơn vị cấp trên quản lý) tuy nhiên chưa tổ chức thực hiện được các nội dung theo kế hoạch đề ra.

- Các hạng mục công trình (tòa nhà) thuộc diện điều chỉnh theo Nghị quyết 05/2017/NQ-HĐND gồm có Nhà A, nhà B1, Nhà B2, Nhà D, Khối nhà D1, D2, Khối nhà kí túc xá Lào, Hội trường 300.

- Các hạng mục công trình (tòa nhà) đã được thẩm duyệt thiết kế về PCCC nhưng chưa được kiểm tra nghiệm thu, xác nhận đảm bảo điều kiện an toàn về PCCC (giấy chứng nhận đủ đủ điều kiện về PCCC) gồm có Khu nhà C (ký hiệu C5, C12), khu nhà ký túc xá sinh viên Lào và Khu nhà E thuộc Khu A.

- Do nhu cầu thực tế về việc để xe cho học viên nhà đơn, hiện tại đơn vị đang tổ chức thi công khu nhà để xe máy (xe moto) có diện tích khoảng 700m^2, cao 2 tầng với

kết cấu khung thép chịu lực, sàn bê tông. Công trình nhà để xe được thi công xây dựng phía sau khu nhà C12 (cao 12 tầng) hướng Bắc.

Về nội dung thực hiện các yêu cầu kiến nghị của cơ quan PCCC, Công an quận Bắc Từ Liêm được ghi nhận tại biên bản kiểm tra an toàn về PCCC ngày 24/11/2020 cơ sở tự nhận thấy chưa tổ chức khắc phục được đầy đủ các nội dung yêu cầu kiến nghị của Công an quận Bắc Từ Liêm.

2. Kiểm tra hồ sơ quản lý về công tác PCCC:

Tại thời điểm kiểm tra cơ sở xuất trình được các tài liệu hồ sơ bao gồm.

- Bản thỏa thuận về thiết kế và thiết bị phòng cháy chữa cháy công trình nhà C – Khu A Trường đại học mỏ địa chất số 121 TK-CT/PC23 ngày 14/4/2003 do Phòng PC23 – Công an TP Hà Nội cấp (ký hiệu là nhà C5, C12).

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt số 696/CNTD-PCCC ngày 27/10/2010 công trình: Ký túc xá sinh viên Lào do Phòng Cảnh sát PCCC – Công an TP Hà Nội cấp.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PC&CC số 457/TDPCCC-PHDCĐVPC ngày 29/9/2014 do Cảnh sát PC&CC TP Hà Nội cấp (đối với Khu nhà Phòng thí nghiệm nghiên cứu khoa học địa chất) ký hiệu Nhà E.

- Ban hành quyết định, nội quy, quy định về PCCC theo thẩm quyền; nội quy về về sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt, nội quy phòng làm việc, nội quy nhà kho....

- Ban hành quy chế về phòng cháy và chữa cháy. Kiện toàn Ban chỉ huy PCCC và lụt bão; Đã thành lập ban chỉ huy PCCC&CNCH và đội PCCC cơ sở theo quy định và thẩm quyền.

- Quyết định số 2217/QĐ-CSPC&CCHN-P6 ngày 03/8/2017 về việc cấp Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về PCCC của Cảnh sát PC&CN thành phố Hà Nội cấp.

- Kết quả đo điện trở tiếp địa chống sét số 68/CS-KĐHN và số 69/CS-KĐHN do Công ty cổ phần kiểm định chống sét và dịch vụ PCCC Hà Nội tiến hành đo (thời hạn đo lại đến tháng 3/2022).

- Hợp đồng kinh tế só 01/2021/HĐKT về việc bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế trang thiết bị của hệ thống báo cháy tự động và hệ thống PCCC nhà C12 và C5 ngày 18/3/2021.

- Phương án chữa cháy theo mẫu PC11 và phương án CNCH mẫu số 04 do cơ sở xây dựng và phê duyệt theo quy định.

- Hồ sơ lưu việc tổ chức tự thực tập phương án chữa cháy năm 2019 và năm 2020 kèm theo.

- Định kỳ đã tự tổ chức kiểm tra an toàn PCCC trong cơ sở, sau mỗi lần kiểm tra an toàn PCCC đã có biên bản tự kiểm tra lưu trong hồ sơ theo quy định.

*** Đánh giá, nhận xét:**

- Thực hiện không đầy đủ nội dung yêu cầu, kiến nghị của cơ quan PCCC (Công an quận Bắc Từ Liêm) được ghi nhận tại biên bản kiểm tra ngày 24/11/2020.

Chưa thực hiện việc mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc theo quy định tại Nghị định số 23/2018/NĐ-CP. Nhà C – Khu A Trường Đại học mỏ - Địa chất (12 tầng) được ký hiệu nhà C5, C12 hiện nay; Khối nhà Phòng thí nghiệm nghiên cứu khoa học địa chất (ký hiệu là Nhà E) cao 4 tầng, Khu nhà Ký túc xá sinh viên Lào chưa được nghiệm thu về phòng cháy trước khi đưa vào hoạt động tồn tại từ trước kia.

- Các hạng mục công trình thuộc diện điều chỉnh của Nghị quyết 05/2017/NQ-HĐND TP Hà Nội. Thời điểm hiện tại theo báo cáo của cơ sở chưa tổ chức khắc phục được theo kế hoạch đề ra do chưa có nguồn kinh phí để thực hiện. Hệ thống báo cháy tự động, hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn Exit chỉ dẫn lối thoát nạn tại khu vực nhà sinh viên Việt Nam (nhà D1, nhà D2) nhưng chưa được thẩm duyệt thiết kế về PCCC và chưa được cơ quan Cảnh sát PCCC có thẩm quyền kiểm tra nghiệm thu về PCCC theo quy định (thực hiện theo NQ05).

- Giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về PCCC đã được cấp hết thời hạn sử dụng 87/88 người (trong đó có 01 người được tập huấn cấp GCN huấn luyện nghiệp vụ về PCCC ngày 22/01/2021) số người còn lại không tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

3. Kiểm tra thực tế:

3.1 Kiểm tra lối thoát nạn và giao thông phục vụ chữa cháy:

- Cửa thoát nạn tại các lớp học hoặc phòng làm việc nơi tập trung đồng thời có mặt hơn 15 người (cửa thoát nạn không đảm bảo mở theo chiều thoát nạn), Cửa xếp tại hành lang khu vực ký túc xá (khu nhà D1, D2) không đảm bảo thoát nạn theo quy định.

- Giao thông bên trong cơ sở: Tại thời điểm kiểm tra ghi nhận đơn vị đang thi công khu nhà để xe cho CB, CNV và sinh viên nhà trường được thi công phía sau khu nhà C (cao 12 tầng) hướng bắc không đảm bảo cho xe chữa cháy, xe thang tiếp cận khi có sự cố xảy ra (diện tích khoảng 700m^2).

- Giao thông bên ngoài cơ sở: Bên ngoài cơ sở tiếp giáp với đường Phố Viên đảm bảo cho xe chữa cháy tiếp cận khi có cháy xảy ra.

3.2 Kiểm tra mặt bằng, công năng sử dụng, ngăn cháy lan:

Về quy mô, diện tích, công năng sử dụng theo báo cáo và trình bày của cơ sở đơn vị có sự thay đổi Khu nhà để xe cho CB, CNV và sinh viên nhà trường có diện tích khoảng 700m^2/san (cao 2 tầng); ngoài ra các hạng mục công trình khác không có sự thay đổi về quy mô diện tích so với thiết kế ban đầu.

*** Gồm có 02 khu A và khu B (trong đó Khu B thuộc địa giới hành chính Phường Cổ Nhuế 2).**

Khu A - Trường Đại học Mỏ - Địa chất được xây dựng với tổng diện tích mặt bằng khoảng: 19.000m^2.

+Nhà A: quy mô 5 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 450 m^2, có 02 thang bộ loại 2, từ tầng 2 có lối thông sang các nhà B và nhà C. Được sử dụng là phòng làm việc và giảng đường.

+ Nhà B: (Có 02 dãy nhà B1 và nhà B2).Trong đó nhà B1 quy mô 5 tầng, nhà B2 quy mô 3 tầng, diện tích mặt bằng mỗi dãy khoảng 420m2. Nhà B1 có 02 thang bộ loại 2, nhà B2 có 01 thang bộ hở. Từ tầng 2 và 3 nhà B1có lối thông sang nhà A, hành lang bố trí về 1 phía. Được sử dụng là phòng làm việc và giảng đường.

+ Nhà F: quy mô 2 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 350m^2. Từ tầng 2 có lối thông sang nhà A, hành lang bố trí về 1 phía. Được sử dụng là phòng làm việc và giảng đường.

+ Nhà C5: quy mô 5 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 350m^2, có 02 thang bộ loại 2. Từ các tầng 2,3,4 và 5 có lối thông sang nhà C12, bố trí giữa nhà. Được sử dụng là phòng thí nghiệm, thư viện và thực hành máy tính. Nhà C12: có quy mô 13 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 1600m^2, có 02 thang bộ thoát hiểm và 3 thang máy. Từ các tầng 2,3,4 và 5 có lối thông sang nhà C5, hành lang bố trí giữa nhà (Khu nhà C theo văn bản thỏa thuận về thiết kế và thiết bị PCCC). Được sử dụng làm phòng thí nghiệm, phòng làm việc, tại tầng 2 bố trí 01 phòng đặt trung tâm mạng máy tính .

+ Nhà D: quy mô 5 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 720m^2, có 02 thang bộ loại 2, hành lang bố trí về một phía. Được sử dụng làm phòng thí nghiệm và giảng đường.

+ Nhà E có quy mô 4 tầng có diện tích mặt bằng khoảng 380m^2 có tính chất sử dụng làm phòng thí nghiệm nghiên cứu khoa học địa chất, có 01 thang bộ hở và 01 thang sắt thoát nạn ngoài nhà.

+ Nhà ăn: quy mô 2 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 300m^2, có 02 thang bộ loại 2, hành lang bố trí về một phía. Được sử dụng làm phòng bếp và nhà ăn.

+ Trạm y tế: quy mô 2 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 120m^2, có 01 thang bộ loại 2, không có hành lang. Được sử dụng là nơi khám và chữa bệnh nội bộ.

+ Ký túc xá Sinh viên Việt Nam gồm 2 dãy nhà (Nhà D1 và D2) mỗi dãy nhà quy mô 5 tầng, diện tích mặt bằng mỗi dãy khoảng 420m^2. Được sử dụng làm nơi ở của sinh viên Việt Nam

+ Ký túc xá Sinh viên Lào: quy mô 7 tầng, diện tích mặt bằng khoảng 420m^2, có 02 thang bộ loại 2, hàng lang bố trí về 1 phía. Được sử dụng làm nơi ở của sinh viên Lào.

+ Gara ô tô: Có diện tích khoảng 120m^2.

+ Trạm điện: Có diện tích khoảng 48m^2; xây bằng vật liệu không cháy (tường gạch bao quanh).

+ Hội trường 300: Có kiến trúc 1 tầng, diện tích khoảng 600m^2 gồm 300 ghế ngồi phục vụ hoạt động của đơn vị.

*** Ngăn cháy lan:** các hạng mục công trình được xây dựng chủ yếu với kết cấu khu bê tông chịu lực, tường xây bằng gạch, sàn ngăn chia các tầng bằng bê tông cốt thép có bậc chịu lửa Loại 1, 2 theo QCVN06:2020/BXD.

3.3 Kiểm tra hệ thống điện:

- Tại nhiều khu vực của các khối nhà trong trường: dây cáp điện, dây thông tin, dây viễn thông đi chằng chịt thành từng bó, chưa được cải tạo và chưa đi trong ống gen bảo vệ. Còn nhiều khu vực hộp điện không đảm bảo an toàn về điện theo quy định.

3.4 Kiểm tra phương tiện phòng cháy chữa cháy:

- Kiểm tra hệ thống báo báo cháy tự động Khu nhà C tại tầng 2 (tại thời điểm kiểm tra hệ thống hoạt động theo chức năng thiết kế được duyệt).

- Kiểm tra học nước chữa cháy bên trong nhà tại tầng 12 Nhà C (tại thời điểm kiểm tra máy bơm chữa cháy hoạt động được nhưng không đảm bảo áp lực nước ra tới đầu năng).

* Đánh giá, nhận xét.

- Các khối nhà D1, nhà D2 tại thời điểm kiểm hệ thống báo cháy không hoạt động đang tổ chức khắc phục.

Đối với các hạng mục công trình trong nhà trường thuộc Nghị Quyết 05/2017/NQ-HĐND gồm:

+ Nhà A, nhà B1, nhà B2 chưa lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, chưa lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn Exit chỉ dẫn lối thoát nạn.

+ Nhà D chưa lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn Exit chỉ dẫn lối thoát nạn, chưa lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà không hoạt động được do máy bơm chữa cháy hỏng.

+ Khối nhà D1, D2 chưa lắp đặt hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà.

+ Khối nhà kí túc xá Lào hệ thống báo cháy tự động hỏng không hoạt động.

+ Hội trường 300 hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà không hoạt động, hệ thống máy bơm chữa cháy hỏng, chưa lắp đặt hệ thống hút khói.

3.5 Kiểm tra nguồn nước phục vụ công tác cháy chữa cháy:

- Bên trong cơ sở: có khoảng 05 bể chứa nước có trữ lượng nước lớn Bể nước tại tầng 1 nhà C12; bể nước tại tầng 1 nhà E, bể nước tại tầng 1 nhà D, bể nước tại phía trước Hội trường 300, bể nước tại khu nhà sinh viên kí túc xá Lào vị tại khu vực đầu hồi hướng Nam của nhà. Xe chữa cháy và máy bơm chữa cháy có thể tiếp cận và hút được nước.

- Bên ngoài cơ sở có các trụ nước dọc đường Đức Thắng thuận tiện cho xe chữa cháy hút nước dễ dàng khi có sự cố xảy ra.

3.6 Công tác thường trực bảo vệ.

- Tổ công tác bảo vệ gồm có 14 được duy trì 24/24h gồm có 03 ca trực.

II. Nội dung nhận xét, kiến nghị.

*** Nhận xét, đánh giá:** Tại thời điểm kiểm tra các hạng mục công trình gồm Nhà C – Khu A (ký hiệu C5, C12), Khu nhà Ký túc xá sinh viên Lào, Khu nhà Phòng thí nghiệm nghiên cứu khoa học địa chất (ký hiệu Nhà E) chưa được nghiệm thu về

phòng cháy và chữa cháy (giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn về PCCC) vi phạm các quy định an toàn về phòng cháy chữa cháy.

Đối với các hạng mục công trình trong nhà trường thuộc Nghị Quyết 05/2017/NQ-HĐND không đảm bảo điều kiện an toàn về PCCC chưa được khắc phục theo nội dung kế hoạch đã đề ra.

*** Nội dung kiến nghị thực hiện.** Để đảm bảo an toàn PCCC cho cơ sở trong quá trình hoạt động, thực hiện nghiêm túc Luật phòng cháy và chữa cháy năm 2001. Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an và các văn bản quy phạm pháp luật PCCC hiện hành của các cơ quan nhà nước. Công an quận Bắc Từ Liêm yêu cầu Trường Đại học mỏ - Địa chất tổ chức thực hiện nghiêm túc các nội dung sau:

1. Đề nghị Trường Đại học Mỏ - Địa chất tổ chức thực hiện nghiêm túc và đúng thời hạn các nội dung yêu cầu, kiến nghị được ghi nhận tại biên bản kiểm tra an toàn về PCCC ngày 24.11.2020 của Công an quận Bắc Từ Liêm.

Đối với các hạng mục công trình đã được thẩm duyệt thiết kế về PCCC, bản thỏa thuận về thiết kế và thiết bị phòng cháy chữa cháy đang trong quá trình hoạt động và chưa được tổ chức kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy (chưa được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về PCCC) vi phạm đặc biệt nghiêm trọng các quy định về phòng cháy và chữa cháy yêu cầu cơ sở tạm dừng hoạt động theo quy định tại Điều 17, Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020. Các hạng mục công trình nêu trên chỉ được đi vào hoạt động khi được cơ quan PCCC tổ chức kiểm tra nghiệm thu đảm bảo các điều kiện an toàn về PCCC theo quy định. **Yêu cầu cơ sở tổ chức thực hiện và khắc phục ngay sau khi đoàn kiểm tra yêu cầu.**

2. Đối với các hạng mục công trình thuộc Nghị quyết 05/2017/NQ-HĐND yêu cầu Lãnh đạo nhà trường tổ chức khắc phục các tồn tại thiếu sót theo nội dung kế hoạch đã đề ra. Các hạng mục công trình phải được tiến hành thẩm duyệt thiết kế và tổ chức kiểm tra nghiệm thu đảm bảo an toàn về PCCC theo quy định. **Yêu cầu tổ chức thực hiện theo nội dung kế hoạch của Nghị quyết 05 đã đề ra.**

3. Tiếp tục kiểm tra, rà soát, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị phương tiện hệ thống PCCC đã được trang bị tại cơ sở theo TCVN: 3890/2009. Các trang thiết bị hệ thống phương tiện PCCC luôn đảm bảo hoạt động tốt trong mọi điều kiện. **Thời hạn hoàn thành yêu cầu tổ chức khắc phục ngay và đảm bảo trong quá trình hoạt động.**

4. Thường xuyên kiểm tra hệ thống dây dẫn điện, thiết bị tiêu thụ điện, thiết bị bảo vệ điện. Cải tạo hệ thống dây dẫn điện, dây cáp điện, dây thông tin, dây viễn thông... phải đi trong ống gen bảo vệ, đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy và quy định an toàn về điện. Sắp xếp bố trí chất dễ cháy cách 0,5m so với hệ thống điện. **Thời hạn hoàn thành yều cầu tổ chức khắc phục ngay và đảm bảo trong quá trình hoạt động.**

5. Thay thế cửa thoát nạn theo đúng tiêu chuẩn và quy chuẩn, các cửa xếp tại hành lang khu vực ký túc xá, cửa các phòng học (đảm bảo cửa mở theo chiều thoát nạn), đảm bảo hành lang cầu thang thông thoáng thuận lợi cho việc thoát nạn khi có sự cố quy định tại QCVN 06:2020/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình. **Thời hạn hoàn thành yêu cầu tổ chức khắc phục ngay và đảm bảo trong quá trình hoạt động.**

Đối với hạng mục khu nhà để xe đang trong quá trình thi công xây dựng gây cản trở đến khả năng tiếp cận của xe chữa cháy và xe thang đề nghị cơ sở có giải pháp thay thế đảm bảo cho xe chữa cháy và xe thang tiếp cận đối với công trình. Giao thông phải đảm bảo cho xe chữa cháy và xe thang tiếp cận và tổ chức các hoạt động chữa cháy, cứu nạn cứu hộ khi có sự cố xảy ra theo QCVN06:2020/BXD. **Yêu cầu tổ chức thực hiện ngay và duy trì thường xuyên trong quá trình hoạt động.**

6. Liên hệ cơ quan, đơn vị tổ chức có thẩm quyền tiến hành tổ chức tập huấn nghiệp vụ về PCCC và CNCH đảm bảo lực lượng PCCC cơ sở được cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về PCCC&CNCH theo quy định tại Điều 33, Nghị định số 136/2020/NĐ-CP và Điều 11, Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017. **Thời hạn hoàn thành: yêu cầu tổ chức thực hiện ngay sau khi đoàn kiểm tra yêu cầu xong trước ngày 30/5/2021 và hàng năm duy trì tổ chức bồi dưỡng theo quy định.**

7. Duy trì thực hiện việc đo điện trở tiếp địa chống sét theo quy định tại TCVN8395:2012. **Thời hạn hoàn thành: tiếp tục duy trì tổ chức thực hiện định kỳ hàng năm theo quy định.**

Thực hiện việc mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc đối với cơ sở theo quy định tại Nghị định số 23/2018/NĐ-CP. **Thời hạn hoàn thành yêu cầu thực hiện và xong trước ngày 30/5/2021 và duy trì định kỳ hàng năm theo quy định.**

8. Tiếp tục duy trì công tác trường trực bảo vệ đảm bảo 24/24h, khi có sự cố cháy nổ xảy ra gọi ngay cho cơ quan PCCC theo số điện thoại **114** hoặc chính quyền địa phương sở tại để có biện pháp cứu chữa kịp thời. **Yêu cầu duy trì thường xuyên.**

Biên bản lập xong hồi 16 giờ 30 phút cùng ngày, gồm 07 trang được lập thành 02 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN TRƯỜNG **ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT**	**ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA**
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PGS.TS Triệu Hùng Trường	**Thiếu tá Ngô Việt Dũng**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐH MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 248/KH-MĐC

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2021

KẾ HOẠCH
Công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong Trường Đại học Mỏ - Địa chất năm 2021

Căn cứ Chương trình số 08/CTr-CAHN-PA03 ngày 14/4/2021 của Công an thành phố Hà Nội về công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc khối cơ quan, doanh nghiệp, bệnh viện, nhà trường trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2021.

Để giữ vững an ninh trật tự trong Nhà trường, loại trừ các nhân tố gây mất ổn định, góp phần giữ vững ANCT&TTATXH ở Thủ đô, Trường ĐH Mỏ - Địa chất xây dựng kế hoạch Công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2021 trong Nhà trường với nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

- Tiếp tục tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc nhằm góp phần giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội trong Nhà trường, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, góp phần bảo vệ cuộc sống bình yên hạnh phúc của nhân dân, phục vụ công cuộc giáo dục - đào tạo của đất nước.

- Tiếp tục duy trì xây dựng lực lượng bảo vệ của Nhà trường đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh theo Thông tư 46/2014/TT-BCA ngày 16/10/2014 của Bộ công an và có kết quả công tác phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc đạt loại tốt.

- Thường xuyên nghiên cứu các biện pháp phòng, chống tội phạm để triển khai, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động cho toàn thể cán bộ, công chức và sinh viên của Nhà trường nắm được phương thức, thủ đoạn hoạt động của các đối tượng xấu, những sơ hở mất cảnh giác trong bảo vệ tài sản và tham gia phát hiện, tố giác, truy bắt đối tượng.

2. Yêu cầu

- Thực hiện tốt và có hiệu quả công tác lãnh đạo của Đảng đối với công tác "Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới". Đồng thời, tiếp tục tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 09/CT-TW ngày 01/12/2011 của Ban bí thư Trung ương Đảng về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới"; Chỉ thị số 46-CT/TW ngày 22/6/2015 của Bộ Chính trị (khóa XI) về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo ANTT trong tình hình

mới"; Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 25/10/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về "Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới" nhằm:

+ Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, huy động tốt sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong Nhà trường tích cực, tự giác tham gia xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc có hiệu quả và phát triển toàn diện.

+ Nâng cao tinh thần cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn hoạt động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, hoạt động của các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; phát huy quyền làm chủ; đề cao vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nâng cao ý thức trách nhiệm của đoàn viên và nhân dân trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của công dân trong công tác bảo vệ an ninh, trật tự.

- Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được chỉ đạo chặt chẽ, thống nhất, thường xuyên, gắn kết chặt chẽ với các phong trào thi đua yêu nước và các phong trào hành động cách mạng, các cuộc vận động do các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội phát động.

- Tập trung nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến và kịp thời khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong Nhà trường năm 2020.

II. NỘI DUNG CÔNG TÁC TRỌNG TÂM

- Hưởng ứng các hoạt động kỷ niệm 16 năm "Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc 19/8/2005 - 19/8/2021" của Thủ đô; kỷ niệm 91 năm ngày truyền thống công tác Dân vận của Đảng (15/10/1930 – 15/10/2021); Ngày hội "Đại đoàn kết toàn dân tộc ở khu dân cư"; cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; Ngày hội "Quốc phòng toàn dân".

- Tuyên truyền thực hiện Chỉ thị số 07/CT-BCA ngày 05/08/2014 của Bộ công an về đẩy mạnh phong trào bảo vệ ANTQ trong cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự trong tình hình mới. Qua đó, huy động các cán bộ, giáo viên, người lao động và sinh viên tham gia đấu tranh chống "Diễn biến hòa bình" (nhất là kích động biểu tình, gây rối, gây bạo loạn) của các thế lực thù địch; phát hiện và ngăn chặn mọi âm mưu, thủ đoạn hoạt động phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung của Nghị định số 06/2014/NĐ-CP ngày 21/01/2014 của Chính phủ về "Biện pháp vận động quần chúng bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội" trong toàn ngành nhằm huy động cả hệ thống chính trị chủ động, tích cực tham gia vào công tác vận động quần chúng bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trên địa bàn quận.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 16/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác dân vận trong cơ quan Nhà nước trong tình hình mới.

- Đổi mới hình thức và biện pháp tuyên truyền trực quan sinh động (nhất là xây dựng các hình ảnh, video clip, bảng thông tin tuyên truyền, pa nô, áp phích,

tranh cổ động, băng rôn …) phù hợp với đơn vị. Thường xuyên tuyên truyền đến toàn thể cán bộ, giáo viên, người lao động, sinh viên và các gia đình xung quanh Nhà trường nhằm phát huy sức mạnh của quần chúng, kiên quyết tấn công, trấn áp các loại tội phạm, giải quyết tình hình phức tạp trên địa bàn quận. Góp phần làm thất bại các thủ đoạn hoạt động "Diễn biến hòa bình", lợi dụng xu thế "toàn cầu hóa', "dân chủ hóa" của các thế lực thù địch.

- Chủ động phát hiện và giải quyết kịp thời, dứt điểm mâu thuẫn, khiếu nại tố cáo trong nội bộ cơ quan, không để kéo dài dây phức tạp về ANTT… Kịp thời phát hiện các hoạt động phát tán tài liệu xấu thông qua mạng nội bộ của đơn vị. Thường xuyên rà soát bổ sung danh mục, quy chế bảo vệ bí mật Nhà nước, bảo vệ chính trị nội bộ của đơn vị.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật và vận động cán bộ, giáo viên, người lao động, sinh viên nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, chủ trương đường lối của Đảng, giữ gìn trật tự kỷ cương, thực hiện nếp sống văn minh - mỹ quan đô thị, trật tự an toàn giao thông đường bộ, phòng cháy chữa cháy, tích cực tham gia công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nhằm đảm bảo an ninh trật tự của từng đơn vị. Đồng thời làm cho cán bộ, giáo viên, người lao động và sinh viên nâng cao ý thức cảnh giác, tự phòng ngừa và chấp hành tốt các quy định của Nhà nước, thực hiện có hiệu quả chủ trương xây dựng cơ quan, đơn vị văn minh, sạch đẹp, an toàn.

- Tăng cường công tác quản lý người nước ngoài, đoàn ra, đoàn vào, công tác bảo vệ các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc tế đến thăm và làm việc tại Trường.

- Tổ chức tuyên truyền vận động các cán bộ, giáo viên, người lao động và sinh viên tích cực tham gia các đợt tấn công, truy quét các loại tội phạm, nhất là vào các đợt cao điểm lễ, tết.

- Chủ động liên hệ với Công an Phường sở tại để nhận các thông báo về phương thức, thủ đoạn của các loại tội phạm và biện pháp phòng ngừa để tổ chức tuyên truyền, vận động.

- Căn cứ tình hình thực tiễn ở đơn vị để nghiên cứu xây dựng phát triển vững chắc các hình thức tự quản, tự phòng, tự bảo vệ phù hợp, đa dạng, hiệu quả.

- Tiếp tục duy trì và xây dựng Nhà trường đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh trật tự" để góp phần xây dựng thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân.

- Chỉ đạo lực lượng bảo vệ phối hợp chặt chẽ với lực lượng dân phòng, bảo vệ khu phố, công an khu vực bố trí tuần tra, kiểm soát, chốt trực trước và xung quanh khu vực cổng trường vào những giờ cao điểm, giờ tan học.

- Tăng cường phối hợp với Công an Phường kiểm tra việc thực hiện an toàn giao thông và quy định bắt buộc việc đội mũ bảo hiểm đối với sinh viên.

- Xây dựng các biện pháp nhằm thực hiện công tác phòng, chống bạo lực học đường; ngăn chặn kịp thời tình trạng sinh viên đánh nhau trong và ngoài

trường; phát huy vai trò của giáo viên kiêm nhiệm công tác tư vấn học đường trong các hoạt động giáo dục của đơn vị.

- Thực hiện ký kết liên tịch với Công an Quận về đảm bảo an ninh trật tự trường học tại đơn vị.

- Thường xuyên rà soát, đánh giá chất lượng hiệu quả hoạt động của lực lượng bảo vệ, bổ sung, kiện toàn đầy đủ về số lượng, chất lượng, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ, pháp luật, nâng cao bản lĩnh chính trị, tinh thần trách nhiệm với công việc; quan tâm đến các chế độ, chính sách, phụ cấp, trang thiết bị, công cụ, phương tiện công tác cho lực lượng bảo vệ.

- Kịp thời phát hiện, động viên, khuyến khích để những gương "người tốt, việc tốt", những điển hình tiên tiến được phát huy và nhân rộng; kịp thời lựa chọn và đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu có thành tích trong công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ Tổ quốc.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trên đây là Kế hoạch về công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc năm 2021 của Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Đề nghị lãnh đạo các đơn vị nghiên cứu và triển khai nghiêm túc theo đúng chức năng, nhiệm vụ

Nơi nhận:
- BGH (P/h chỉ đạo);
- PA03 (để b/c)
- Các đơn vị trong toàn Trường;
- Lưu: HCTH.

KT. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PGS. TS Triệu Hùng Trường

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT
Số: 589 /KH-MĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnhphúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2022

KẾ HOẠCH
HUẤN NGHIỆP VỤ VỀ PCCC&CNCH NĂM 2022

Thực hiện Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật PCCC và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy có hiệu lực từ ngày 16/9/2014 và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy có hiệu lực từ ngày 04/10/2017;

Căn cứ Thông tư số 66/TT-BCA ngày 16/12/2014 có hiệu lực từ ngày 06/02/2016 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 và Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 5 tháng 3 năm 2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017

Ban giám hiệu Trường Đại học mỏ - địa chất xây dựng kế hoạch huấn luyện nghiệp vụ về PCCC&CNCH cho lực lượng PCCC&CNCH cơ sở tại cơ sở năm 2022 như sau:

1. Mục đích - Yêu cầu:

- Nâng cao ý thức chấp hành của Cán bộ, nhân viên, học viên trong việc thực hiện các quy định của Pháp luật về PCCC, nâng cao hiểu biết về an toàn PCCC, phòng ngừa không để xảy ra cháy nổ và xử lý tốt các tình huống khi có sự cố cháy nổ xảy ra.
- Yêu cầu các học viên chấp hành tốt thời gian, nội quy của khóa học.

2. Đối tượng tham dự:

- Ban chỉ huy PCCC&CNCH cơ sở.
- Lực lượng PCCC&CNCH cơ sở.

3. Nội dung:

TT	NỘI DUNG	THỜI GIAN	BÁO CÁO VIÊN
1	Thông báo tình hình cháy nổ và những bài học kinh nghiệm	1 giờ	Đội CS PCCC&CNCH – CAQ BắcTừLiêm
2	Phân tích các nguyên nhân gây cháy	1 giờ	Đội CS PCCC&CNCH – CAQ BắcTừLiêm
3	Một số kiến thức cơ bản về cháy nổ	1 giờ	Đội CS PCCC&CNCH – CAQ BắcTừLiêm
4	Tính chất nguy hiểm cháy nổ của một số loại chất cháy thường gặpở cơ sở	1 giờ	Đội CS PCCC&CNCH – CAQ BắcTừLiêm
5	Các biện pháp phòng cháy nổ cơ bản	1 giờ	Đội CS PCCC&CNCH – CAQ BắcTừLiêm

6	Các chất chữa cháy thông thường	1 giờ	Đội CS PCCC&CNCH – CAQ BắcTừLiêm
7	Các biện pháp chữa cháy cơ bản	1giờ	Đội CS PCCC&CNCH – CAQ BắcTừLiêm
8	Quy trình cứu chữa một vụ cháy	1 giờ	Đội CS PCCC&CNCH – CAQ BắcTừLiêm
9	Nguyên lý hoạt động của hệ thống báo cháy tự động.	1 giờ	Đội CS PCCC&CNCH – CAQ BắcTừLiêm
10	Giới thiệu lăng vòi chữa cháy, hệ thống chữa cháy vách tường	1 giờ	Đội CS PCCC&CNCH – CAQ BắcTừLiêm
11	Cách rải vòi, cuội vòi, nối vòi, bảo quản vòi chữa cháy và nguyên lý, cấu tạo, tính năng hoạt động của bình chữa cháy xách tay.	1 giờ	Đội CS PCCC&CNCH – CAQ BắcTừLiêm
12	Thực hành các phương tiện hiện có của cơ sở	2 giờ	Đội CS PCCC&CNCH – CAQ BắcTừLiêm
13	Giới thiệu các nguyên tắc hoạt động cứu nạn, cứu hộ	1 giờ	Đội CS PCCC&CNCH – CAQ BắcTừLiêm
14	Giới thiệu phạm vi hoạt động cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy	1 giờ	Đội CS PCCC&CNCH – CAQ BắcTừLiêm
15	Một số kiến thức cơ bản về CNCH	1 giờ	Đội CS PCCC&CNCH – CAQ BắcTừLiêm
16	Một số biện pháp phòng ngừa sự cố, tai nạn	1 giờ	Đội CS PCCC&CNCH – CAQ BắcTừLiêm
17	Giới thiệu, hướng dẫn một số trang thiết bị phục vụ công tác CNCH	1 giờ	Đội CS PCCC&CNCH – CAQ BắcTừLiêm
18	Phương pháp, biện pháp, kỹ thuật, chiến thuật cứu nạn, cứu hộ đối với các tình huống	1 giờ	Đội CS PCCC&CNCH – CAQ BắcTừLiêm
19	Một số phương pháp sơ cấp cứu ban đầu cho người bị nạn	1 giờ	Đội CS PCCC&CNCH – CAQ BắcTừLiêm
20	Một số động tác sử dụng dây cứu người trong đám cháy	1 giờ	Đội CS PCCC&CNCH – CAQ BắcTừLiêm
21	Thực hành các phương tiện phục vụ công tác CNCH hiện có của cơ sở	2 giờ	Đội CS PCCC&CNCH – CAQ BắcTừLiêm

4. Thời gian huấn luyện nghiệp vụ:

Từ ngày 22 tháng 10 năm 2022 đến ngày 23 tháng 10 năm 2022.

5. Thời gian kiểm tra đánh giá kết quả:

- Ngày tháng năm 2022.
- Địa Điểm: Trường Đại học Mỏ - Địa chất; Địa chỉ: Số 18, phố Viên, Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

6. Phương tiện để thực hành:

- 40 bình bột chữa cháy; 40 bình khí chữa cháy
- 60 lít xăng; 01 khay xăng; 01 bình gas, dụng cụ phục vụ thực hành.
- 02 xe cứu hỏa
- 02 lăng, 02 cuộn vòi để tập luyện.
- Dụng cụ, phương tiện cứu hộ ban đầu phục vụ công tác CNCH

Trên đây là chương trình huấn luyện nghiệp vụ CNCH cho lực lượng PCCC&CNCH năm 2022 của cơ sở kính đề nghị Công an quận Bắc Từ Liêm, Công an Thành phố Hà Nội tổ chức kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ CNCH cho học viên đạt kết quả theo quy định.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: HCTH, Hồ sơ PCCC.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PGS. TS Triệu Hùng Trường

CÔNG AN TP HÀ NỘI
CÔNG AN QUẬN BẮC TỪ LIÊM

Số: 54 /QĐ-CABTL-PCCC&CNCH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Từ Liêm, ngày 26 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

TRƯỞNG CÔNG AN QUẬN BẮC TỪ LIÊM

Căn cứ Luật phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Luật đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Thông tư số 149/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi thành một số điều của Nghị định 136/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định 83/2017/NĐ-CP;

Căn cứ đề xuất của Đội Cảnh sát PCCC&CNCH,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho 105 học viên (có danh sách kèm theo) thuộc Trường Đại học mỏ địa chất, địa chỉ:Số 18, Phố Viên, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội đã được huấn luyện nghiệp vụ PCCC: từ ngày 22/10/2022 đến ngày 23/10/2022.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Người đứng đầu cơ quan và các cá nhân có tên ghi tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân tại Điều 1;
- Lưu: VT, Đội PCCC&CNCH.

KT. TRƯỞNG CÔNG AN QUẬN
PHÓ TRƯỞNG CÔNG AN QUẬN

CÔNG AN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG AN QUẬN BẮC TỪ LIÊM

Thượng tá Đỗ Anh Quyến

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN
HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ PCCC, CNCH
(Kèm theo QĐ số: 54 /QĐ-CABTL-PCCC&CNCH ngày 26 tháng 12 năm 2022)

TT	Họ và tên	Giới tính	Năm Sinh	CMND/CCCD	Ngày cấp	Nơi làm việc	Nội dung huấn luyện
1	Triệu Hùng Trường	Nam	1976	012161922	10/08/2011	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
2	Trần Anh Dũng	Nam	1978	013505684	17/2/0/2012	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
3	Phạm Đức Thiên	Nam	1975	031075019171	10/07/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
4	Hoàng Anh Dũng	Nam	1975	012393241	13/10/2020	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
5	Vũ Duy Tấn	Nam	1976	011826914	28/03/2012	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
6	Nguyễn Thanh Tuấn	Nam	1986	012630615	13/11/2009	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
7	Phạm Thị Thu Thủy	Nữ	1980	019180000027	12/11/2013	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
8	Bùi Mạnh Tùng	Nam	1981	145024859	03/06/2018	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
9	Nguyễn Gia Khuê	Nam	1975	019075000228	27/12/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
10	Nguyễn Hồng Trường	Nam	1974	141761263	26/10/2013	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
11	Lê Đức Vinh	Nam	1972	012720468	05/08/2014	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
12	Bùi Hoàng Bắc	Nam	1977	019077002531	03/06/2022	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
13	Nguyễn Thạc Khánh	Nam	1972	001072007762	22/11/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
14	Phạm Văn Tuấn	Nam	1975	031075000007	14/04/2022	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
15	Phạm Tuấn Cường	Nam	1980	030080020286	22/12/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
16	Phạm Quốc Đảm	Nam	1968	113409879	03/02/2007	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
17	Phạm Văn Luận	Nam	1976	012161868	03/06/2010	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
18	Lê Quang Duyến	Nam	1980	171699333	09/05/2007	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
19	Ngô Xuân Thành	Nam	1976	040076000045	15/04/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
20	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam	1979	001079026658	19/08/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
21	Ngô Thanh Tuấn	Nam	1980	052080000378	21/04/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC

22	Bùi Ngọc Quý	Nam	1980	001080038573	10/07/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
23	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	1977	162174949	24/02/2008	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
24	Nguyễn Quốc Phi	Nam	1979	013256984	28/01/2010	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
25	Phạm Đức Thọ	Nam	1983	111795786	03/07/2008	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
26	Đào Anh Tuấn	Nam	1976	011738663	06/12/2011	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
27	Nguyễn Duy Huy	Nam	1979	034079029742	10/05/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
28	Hoàng Văn Sinh	Nam	1974	012161729	05/09/2018	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
29	Nguyễn Thế Tĩnh	Nam	1978	030078007918	27/04/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
30	Tạ Văn Minh	Nam	1981	121431513	07/03/2020	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
31	Ninh Ngọc Cương	Nam	1983	012531279	07/06/2012	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
32	Nguyễn Đình Cường	Nam	1986	012813714	18/08/2018	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
33	Nguyễn Thế	Nam	1983	012406001	25/05/2012	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
34	Trần Thiện Căn	Nam	1976	026076005970	25/04/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
35	Phạm Trường Sơn	Nam	1974	012076279	24/10/2017	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
36	Lê Hoài Nam	Nam	1973	111336792	04/06/2012	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
37	Trần Văn Huyên	Nam	1973	013124359	15/05/2010	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
38	Phạm Văn Khương	Nam	1974	034074000064	14/05/2014	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
39	Chu Thế Mạnh	Nam	1986	012531608	16/07/2012	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
40	Lê Đức Minh	Nam	1971	011728449	11/07/2012	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
41	Hàn Văn Tưởng	Nam	1986	013271686	12/03/2010	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
42	Nguyễn Đức Năng	Nam	1964	011826634	14/07/2009	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
43	Bùi Huy Văn	Nam	1970	013112974	12/05/2011	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
44	Hà Ngọc Trường	Nam	1973	012927510	20/10/2009	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
45	Lưu Hữu Phước	Nam	1976	111226769	14/05/2011	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
46	Nguyễn Quang Hải	Nam	1972	011546902	16/11/2007	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
47	Lý Hồng Khanh	Nam	1971	090602476	24/03/2008	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC

48	Dương Thành Quảng	Nam	1975	012843855	12/11/2008	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
49	Nguyễn Đức Toàn	Nam	1977	011914813	05/04/2016	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
50	Phạm Đức Nghiệp	Nam	1984	012335529	30/05/2008	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
51	Lại Kim Cương	Nam	1984	001084021030	29/04/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
52	Đào Duy Nam	Nam	1990	012680809	06/04/2008	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
53	Phạm Ngọc Hà	Nam	1982	1082000950	16/08/2013	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
54	Hà Ngọc Kiên	Nam	1970	027070002254	06/07/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
55	Ngô Thái Vinh	Nam	1978	019078017687	14/12/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
56	Trịnh Thế Lực	Nam	1988	163051393	15/03/2007	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
57	Trịnh Trọng An	Nam	1986	038086009748	05/03/2018	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
58	Lại Thiên Nguyên	Nam	1976	011738671	01/12/2007	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
59	Đỗ Khắc Điệp	Nam	1979	011966564	06/09/2010	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
60	Phan Thanh Chương	Nam	1972	011673430	20/12/2010	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
61	Nguyễn Xuân Thuận	Nam	1973	151036181	01/05/2011	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
62	Đinh Hữu Khánh	Nam	1970	013075601	17/04/2008	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
63	Phạm Thị Phương Chi	Nữ	1980	019180000384	23/04/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
64	Cao Thu Hoài	Nữ	1981	042181000530	01/04/2022	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
65	Nguyễn Thanh Huyền	Nữ	1973	001173000098	28/12/2012	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
66	Mai Ngọc Liên	Nữ	1980	013467770	27/08/2011	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
67	Nguyễn Thị Thu Thụy	Nữ	1979	090768241	12/12/2015	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
68	Đặng Ngọc Cương	Nam	1986	036086000068	14/11/2013	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
69	Nguyễn Hữu Độ	Nam	1986	111720829	12/08/2009	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
70	Phạm Công Tú	Nam	1972	151064491	22/07/2009	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
71	Nguyễn Hoàng	Nam	1988	022088000042	25/04/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
72	Nguyễn Hồng Cường	Nam	1985	022088000043	27/05/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
73	Nguyễn Nam Hòa	Nam	1983	186186541	04/04/2009	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC

74	Trần Văn Được	Nam	1983	145056740	12/03/2008	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
75	Trần Ngọc Tuân	Nam	1990	145056857	18/03/2008	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
76	Vũ Hồng Dương	Nam	1989	012779324	18/03/2010	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
77	Nguyễn Duy Mười	Nam	1984	145056987	20/03/2008	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
78	Nhữ Việt Hà	Nam	1978	164039386	12/03/2016	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
79	Trần Vũ Long	Nam	1983	001083000	01/08/2013	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
80	Phùng Hữu Hải	Nam	1981	013431286	20/05/2011	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
81	Hà Thành Như	Nam	1979	013479528	29/08/2016	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
82	Đỗ Việt Anh	Nam	1979	012040446	17/05/2007	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
83	Nguyễn Viết Hùng	Nam	1982	038082005358	22/11/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
84	Đào Hiếu	Nam	1982	038082005359	22/11/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
85	Nguyễn Trường Giang	Nam	1978	011895106	14/06/2010	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
86	Nguyễn Tiến Sỹ	Nam	1989	123368673	13/06/2007	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
87	Thái Hải Âu	Nam	1980	012075652	24/06/2009	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
88	Nguyễn Danh Đức	Nam	1988	030088013210	19/02/2022	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
89	Phạm Ngọc Quang	Nam	1988	012503696	03/04/2008	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
90	Phạm Văn Chung	Nam	1980	013521509	29/07/2013	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
91	Phí Mạnh Phong	Nam	1978	111366856	22/12/2015	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
92	Ngô Văn Hưởng	Nam	1981	035081016510	18/08/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
93	Nguyễn Tuấn Vương	Nam	1981	145049163	30/06/2009	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
94	Đỗ Cao Cường	Nam	1981	012201131	19/03/2009	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
95	Nguyễn Văn Dũng	Nam	1978	013449897	11/08/2011	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
96	Nguyễn Quang Minh	Nam	1974	130330807	07/12/2013	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
97	Bùi Anh Thắng	Nam	1989	151722010	19/03/2007	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
98	Đặng Văn Kiên	Nam	1980	151765302	20/05/2007	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
99	Phạm Ngọc Tuấn	Nam	1987	162962821	03/01/2008	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC

100	Nguyễn Tiến Hưng	Nam	1980	001080027219	13/01/2022	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
101	Lê Đình Chiều	Nam	1986	033086002938	22/11/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
102	Phạm Kiên Trung	Nam	1988	145258929	11/09/2009	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
103	Nguyễn Thế Bình	Nam	1984	240801680	03/04/2008	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
104	Đặng Văn Nam	Nam	1985	012460355	19/06/2008	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC
105	Nguyễn Hoàng Long	Nam	1984	012518027	15/07/2008	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC

CÔNG AN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG AN QUẬN BẮC TỪ LIÊM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Từ Liêm, ngày 26 tháng 12 năm 2022

KẾT QUẢ HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ PCCC

Tên cơ sở: Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Địa chỉ: Số 18, Phố Viên, phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội.

Tổng số học viên: 105 học viên.

Đơn vị tổ chức huấn luyện: Công an quận Bắc Từ Liêm.

Thời gian tổ chức huấn luyện: Từ ngày 22/10/2022 đến ngày 23/10/2022

Địa điểm huấn luyện: Trường Đại học Mỏ - Địa chất; Số 18, Phố Viên, phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội.

Thời gian tổ chức kiểm tra: 23/12/2022.

TT	Họ và tên	Giới tính	Năm Sinh	CMND/CCCD	Ngày cấp	Nơi làm việc	Nội dung huấn luyện	Kết quả huấn luyện
1	Triệu Hùng Trường	Nam	1976	012161922	10/08/2011	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
2	Trần Anh Dũng	Nam	1978	013505684	17/2/0/2012	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
3	Phạm Đức Thiên	Nam	1975	031075019171	10/07/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
4	Hoàng Anh Dũng	Nam	1975	012393241	13/10/2020	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
5	Vũ Duy Tấn	Nam	1976	011826914	28/03/2012	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
6	Nguyễn Thanh Tuấn	Nam	1986	012630615	13/11/2009	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
7	Phạm Thị Thu Thủy	Nữ	1980	019180000027	12/11/2013	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
8	Bùi Mạnh Tùng	Nam	1981	145024859	03/06/2018	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
9	Nguyễn Gia Khuê	Nam	1975	019075000228	27/12/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
10	Nguyễn Hồng Trường	Nam	1974	141761263	26/10/2013	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
11	Lê Đức Vinh	Nam	1972	012720468	05/08/2014	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt

12	Bùi Hoàng Bắc	Nam	1977	019077002531	03/06/2022	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
13	Nguyễn Thạc Khánh	Nam	1972	001072007762	22/11/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
14	Phạm Văn Tuấn	Nam	1975	031075000007	14/04/2022	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
15	Phạm Tuấn Cường	Nam	1980	030080020286	22/12/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
16	Phạm Quốc Đảm	Nam	1968	113409879	03/02/2007	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
17	Phạm Văn Luận	Nam	1976	012161868	03/06/2010	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
18	Lê Quang Duyến	Nam	1980	171699333	09/05/2007	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
19	Ngô Xuân Thành	Nam	1976	040076000045	15/04/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
20	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam	1979	001079026658	19/08/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
21	Ngô Thanh Tuấn	Nam	1980	052080000378	21/04/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
22	Bùi Ngọc Quý	Nam	1980	001080038573	10/07/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
23	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	1977	162174949	24/02/2008	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
24	Nguyễn Quốc Phi	Nam	1979	013256984	28/01/2010	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
25	Phạm Đức Thọ	Nam	1983	111795786	03/07/2008	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
26	Đào Anh Tuấn	Nam	1976	011738663	06/12/2011	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
27	Nguyễn Duy Huy	Nam	1979	034079029742	10/05/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
28	Hoàng Văn Sinh	Nam	1974	012161729	05/09/2018	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
29	Nguyễn Thế Tĩnh	Nam	1978	030078007918	27/04/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
30	Tạ Văn Minh	Nam	1981	121431513	07/03/2020	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
31	Ninh Ngọc Cương	Nam	1983	012531279	07/06/2012	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
32	Nguyễn Đình Cường	Nam	1986	012813714	18/08/2018	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
33	Nguyễn Thế	Nam	1983	012406001	25/05/2012	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
34	Trần Thiện Căn	Nam	1976	026076005970	25/04/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
35	Phạm Trường Sơn	Nam	1974	012076279	24/10/2017	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
36	Lê Hoài Nam	Nam	1973	111336792	04/06/2012	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
37	Trần Văn Huyên	Nam	1973	013124359	15/05/2010	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt

38	Phạm Văn Khương	Nam	1974	034074000064	14/05/2014	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
39	Chu Thế Mạnh	Nam	1986	012531608	16/07/2012	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
40	Lê Đức Minh	Nam	1971	011728449	11/07/2012	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
41	Hàn Văn Tưởng	Nam	1986	013271686	12/03/2010	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
42	Nguyễn Đức Năng	Nam	1964	011826634	14/07/2009	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
43	Bùi Huy Văn	Nam	1970	013112974	12/05/2011	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
44	Hà Ngọc Trường	Nam	1973	012927510	20/10/2009	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
45	Lưu Hữu Phước	Nam	1976	111226769	14/05/2011	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
46	Nguyễn Quang Hải	Nam	1972	011546902	16/11/2007	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
47	Lý Hồng Khanh	Nam	1971	090602476	24/03/2008	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
48	Dương Thành Quảng	Nam	1975	012843855	12/11/2008	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
49	Nguyễn Đức Toàn	Nam	1977	011914813	05/04/2016	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
50	Phạm Đức Nghiệp	Nam	1984	012335529	30/05/2008	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
51	Lại Kim Cương	Nam	1984	001084021030	29/04/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
52	Đào Duy Nam	Nam	1990	012680809	06/04/2008	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
53	Phạm Ngọc Hà	Nam	1982	1082000950	16/08/2013	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
54	Hà Ngọc Kiên	Nam	1970	027070002254	06/07/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
55	Ngô Thái Vinh	Nam	1978	019078017687	14/12/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
56	Trịnh Thế Lực	Nam	1988	163051393	15/03/2007	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
57	Trịnh Trọng An	Nam	1986	038086009748	05/03/2018	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
58	Lại Thiên Nguyên	Nam	1976	011738671	01/12/2007	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
59	Đỗ Khắc Điệp	Nam	1979	011966564	06/09/2010	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
60	Phan Thanh Chương	Nam	1972	011673430	20/12/2010	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
61	Nguyễn Xuân Thuận	Nam	1973	151036181	01/05/2011	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
62	Đinh Hữu Khánh	Nam	1970	013075601	17/04/2008	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
63	Phạm Thị Phương Chi	Nữ	1980	019180000384	23/04/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
64	Cao Thu Hoài	Nữ	1981	042181000530	01/04/2022	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
65	Nguyễn Thanh Huyền	Nữ	1973	001173000098	28/12/2012	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt

66	Mai Ngọc Liên	Nữ	1980	013467770	27/08/2011	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
67	Nguyễn Thị Thu Thụy	Nữ	1979	090768241	12/12/2015	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
68	Đặng Ngọc Cương	Nam	1986	036086000068	14/11/2013	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
69	Nguyễn Hữu Độ	Nam	1986	111720829	12/08/2009	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
70	Phạm Công Tú	Nam	1972	151064491	22/07/2009	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
71	Nguyễn Hoàng	Nam	1988	022088000042	25/04/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
72	Nguyễn Hồng Cường	Nam	1985	022088000043	27/05/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
73	Nguyễn Nam Hòa	Nam	1983	186186541	04/04/2009	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
74	Trần Văn Được	Nam	1983	145056740	12/03/2008	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
75	Trần Ngọc Tuân	Nam	1990	145056857	18/03/2008	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
76	Vũ Hồng Dương	Nam	1989	012779324	18/03/2010	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
77	Nguyễn Duy Mười	Nam	1984	145056987	20/03/2008	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
78	Nhữ Việt Hà	Nam	1978	164039386	12/03/2016	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
79	Trần Vũ Long	Nam	1983	001083000	01/08/2013	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
80	Phùng Hữu Hải	Nam	1981	013431286	20/05/2011	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
81	Hà Thành Như	Nam	1979	013479528	29/08/2016	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
82	Đỗ Việt Anh	Nam	1979	012040446	17/05/2007	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
83	Nguyễn Viết Hùng	Nam	1982	038082005358	22/11/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
84	Đào Hiếu	Nam	1982	038082005359	22/11/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
85	Nguyễn Trường Giang	Nam	1978	011895106	14/06/2010	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
86	Nguyễn Tiến Sỹ	Nam	1989	123368673	13/06/2007	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
87	Thái Hải Âu	Nam	1980	012075652	24/06/2009	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
88	Nguyễn Danh Đức	Nam	1988	030088013210	19/02/2022	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
89	Phạm Ngọc Quang	Nam	1988	012503696	03/04/2008	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
90	Phạm Văn Chung	Nam	1980	013521509	29/07/2013	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
91	Phí Mạnh Phong	Nam	1978	111366856	22/12/2015	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
92	Ngô Văn Hưởng	Nam	1981	035081016510	18/08/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
93	Nguyễn Tuấn Vương	Nam	1981	145049163	30/06/2009	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt

94	Đỗ Cao Cường	Nam	1981	012201131	19/03/2009	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
95	Nguyễn Văn Dũng	Nam	1978	013449897	11/08/2011	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
96	Nguyễn Quang Minh	Nam	1974	130330807	07/12/2013	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
97	Bùi Anh Thắng	Nam	1989	151722010	19/03/2007	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
98	Đặng Văn Kiên	Nam	1980	151765302	20/05/2007	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
99	Phạm Ngọc Tuấn	Nam	1987	162962821	03/01/2008	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
100	Nguyễn Tiến Hưng	Nam	1980	001080027219	13/01/2022	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
101	Lê Đình Chiều	Nam	1986	033086002938	22/11/2021	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
102	Phạm Kiên Trung	Nam	1988	145258929	11/09/2009	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
103	Nguyễn Thế Bình	Nam	1984	240801680	03/04/2008	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
104	Đặng Văn Nam	Nam	1985	012460355	19/06/2008	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt
105	Nguyễn Hoàng Long	Nam	1984	012518027	15/07/2008	Đại học Mỏ - Địa chất	PCCC	Đạt

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Triệu Hùng Trường

CÁN BỘ KIỂM TRA

Đại úy Nguyễn Anh Túc

KT. TRƯỞNG CÔNG AN QUẬN
PHÓ TRƯỞNG CÔNG AN QUẬN

CÔNG AN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thượng tá Đỗ Anh Quyến

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 225 /TB-MĐC

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy và an ninh trật tự trong dịp nghỉ Lễ Giỗ tổ Hùng Vương, 30.4, 01.5 năm 2023

Kính gửi: Các đơn vị trong Trường

Để đảm bảo an toàn PCCC và ANTT trong dịp nghỉ Lễ Giỗ tổ Hùng Vương 10.3 ÂL, ngày Chiến thắng 30.4 và ngày Quốc tế lao động 01.5, Nhà trường yêu cầu các đơn vị nâng cao cảnh giác bảo vệ tài sản và thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy (PCCC) theo Quyết định số 1090/QĐ-MĐC, ngày 02/04/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất, đặc biệt chú ý các nội dung sau:

1. Nhiệm vụ chung của các đơn vị trong Trường

1.1. Trưởng các đơn vị có trách nhiệm tuyên truyền cho cán bộ, viên chức trong đơn vị nghiêm chỉnh chấp hành các nội quy, quy định về PCCC; kiểm tra và tổ chức thực hiện các yêu cầu về công tác PCCC ở đơn vị mình quản lý;

1.2. Trước khi nghỉ Lễ phải kiểm tra và tắt toàn bộ thiết bị điện của đơn vị mình;

1.3. Không được nấu nướng, thắp hương, thắp nến, hóa vàng mã trong khu vực làm việc; không để các chất dễ cháy gần các ổ điện và các thiết bị tiêu thụ điện;

1.4. Kiểm tra các phương tiện chữa cháy đã được trang bị, khi bị hư hỏng hoặc hết hạn sử dụng phải báo cáo Nhà trường để kịp thời thay thế;

1.5. Các bình chữa cháy xách tay phải để đúng nơi quy định (để nơi dễ thấy, dễ lấy), tuyệt đối không được làm mất tác dụng hoặc mang đi sử dụng vào việc khác;

1.6. Không để các vật dụng hư hỏng, không sử dụng ở hành lang và cầu thang thoát hiểm nhà C12 tầng.

1.7. Kiểm tra và khóa cửa phòng làm việc cẩn thận trước khi nghỉ Lễ.

2. Nhiệm vụ cụ thể

2.1. Phòng Hành chính – Tổng hợp

- Phối hợp với Đội PCCC cơ sở tăng cường tuần tra, kiểm tra công tác PCCC của Khu nhà C12 tầng, giảng đường, phòng thí nghiệm khu A;
- Chủ động xử lý trong thẩm quyền cho phép và báo cáo Ban Chỉ huy PCCC&CNCH Trường.
- Tổ bảo vệ tăng cường tuần tra, canh gác bảo vệ tài sản của Nhà trường. Không cho người không có nhiệm vụ vào khu vực khuôn viên Trường trong thời gian nghỉ Lễ.

2.2. Phòng Cơ sở vật chất

- Phối hợp thường xuyên với Tổ bảo vệ, Đội PCCC cơ sở kiểm tra các phương tiện, hệ thống PCCC;
- Bảo trì, bảo dưỡng hệ thống báo cháy tự động của các tòa nhà và phải bảo đảm hệ thống hoạt động tốt 24/24;

- Kịp thời mua bổ sung các thiết bị, phương tiện PCCC đã hư hỏng hoặc hết hạn sử dụng (tiêu lệnh, bình bột, bình khí chữa cháy, nội quy, biển cấm lửa, lăng vòi chữa cháy,…) khi có yêu cầu;

- Các máy bơm chữa cháy vách tường nhà C12 tầng phải có đường điện riêng, thường xuyên được bảo dưỡng và cho vận hành thử; kiểm tra các đầu van, vòi nhằm đảm bảo hệ thống bơm nước chữa cháy vách tường của các tòa nhà hoạt động tốt trong mọi tình huống;

- Đảm bảo hệ thống đèn báo lối thoát hiểm luôn hoạt động, lắp đặt đèn chiếu sáng trong cầu thang thoát hiểm nhà C12 tầng để khi có sự cố xảy ra đèn trong cầu thang luôn sáng;

2.3. Trung tâm Thông tin-Thư viện

- Kiểm tra kỹ càng công tác PCCC trước khi nghỉ Lễ;

- Sắp xếp các giá sách hợp lý có lối vào ra, không để sách ngay dưới các thiết bị sử dụng điện (điều hòa, quạt thông gió…);

- Không đun nấu, ăn uống, thắp hương trong kho sách; các bình bột chữa cháy được trang bị phải bố trí đều trong khu vực kho và phải thường xuyên được bảo quản tốt;

- Phòng máy chủ phải lắp đặt ngay hệ thống chữa cháy tự động.

2.4. Trung tâm dịch vụ

- Tổ chức kiểm tra công tác PCCC ở tất cả các phòng ở trong tất cả các khu KTX khi sinh viên nghỉ Lễ;

- Đảm bảo trực và tuần tra 24/24 để phát hiện sớm nguy cơ cháy nổ trong khu vực KTX;

- Kiểm tra các phương tiện chữa cháy đã được trang bị, khi bị hư hỏng hoặc hết hạn sử dụng phải báo cáo Nhà trường để kịp thời thay thế;

- Bố trí các bình chữa cháy ở những nơi dễ thấy, dễ lấy và thường xuyên được lau chùi bảo dưỡng;

- Bảo quản tốt hệ thống báo cháy tự động của các tòa nhà đã được trang bị;

- Làm việc với Nhà ăn khu A để đảm bảo công tác PCCC theo Quy định.

Nhà trường yêu cầu các đơn vị thực hiện nghiêm túc công tác PCCC và đảm bảo ANTT, nhằm bảo đảm an toàn tuyệt đối về PCCC và tài sản của Nhà trường trong thời gian nghỉ Lễ. Trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm trước Nhà trường và pháp luật về những hành vi vi phạm quy định an toàn về PCCC và các vụ cháy nổ tại khu vực làm việc của đơn vị./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PGS. TS Triệu Hùng Trường

Nơi nhận:
- Ban Giám hiệu (để phối hợp chỉ đạo);
- Như kính gửi (để thực hiện);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu HCTH.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 512 /KH-MĐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2023

KẾ HOẠCH TỔ CHỨC TẬP HUẤN, DIỄN TẬP PHƯƠNG ÁN PCCC VÀ CNCH NĂM 2023

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Trang bị cho lực lượng PCCC&CNCH, CBVC và sinh viên tại cơ sở những kiến thức cơ bản về PCCC và CNCH, chủ động phòng ngừa, nắm bắt cách sử dụng các phương tiện PCCC tại chỗ một cách thành thạo, quy trình tổ chức cứu chữa và tổ chức thoát nạn khi có cháy xảy ra, nhằm hạn chế thấp nhất thiệt hại do cháy gây ra.

- Qua diễn tập giúp cho lực lượng PCCC cơ sở thực hành một cách thuần thục phương án PCCC tại cơ sở, nâng cao khả năng sử dụng thành thạo những trang thiết bị tại chỗ, phối kết hợp được với lực lượng PCCC trong khu vực.

2. Yêu cầu:

- Lực lượng PCCC&CNCH cơ sở phải chấp hành nghiêm túc các quy định về PCCC và CNCH, thực hiện cứu chữa và thoát nạn theo nội dung kế hoạch đề ra.

- Đội viên đội PCCC cơ sở, CBVC và sinh viên được huy động tham gia buổi diễn tập phải chấp hành nghiêm túc, đúng quy định, thời gian....

II. THỜI GIAN, ĐỐI TƯỢNG THAM GIA

1. Thời gian: Từ 8h00 -17h00, ngày 23 - 24/9/2023.

2. Đối tượng tham gia:

- Đại diện Lãnh đạo Trường Đại học Mỏ - Địa chất;
- Ban chỉ huy, Đội PCCC cơ sở và CBVC;
- Đội thanh niên xung kích;
- Mỗi phòng KTX của Nhà trường cử một sinh viên đại diện tham gia.

III. TRIỂN KHAI DIỄN TẬP PHƯƠNG ÁN

1. Giả định tình huống cháy:

- Tình huống cháy giả định: tình huống cháy phức tạp nhất tại phương án chữa cháy theo mẫu PC11, phương án CNCH mẫu số 04 (phương án chữa cháy và CNCH của cơ sở).

- Nguyên nhân phát sinh cháy: do sự cố điện gây cháy.

- Thời điểm xảy ra cháy: cơ sở đang hoạt động.

2. Triển khai công tác cứu chữa:

- Ngừng ngay các hoạt động tại cơ sở;

- Tổ chức di chuyển tài sản; tiến hành di chuyển máy móc, thiết bị, hàng hóa… bị cháy ra xa đến khu vực an toàn;

- Tiến hành cắt điện nơi xảy ra cháy và các khu vực lân cận để phòng cháy lan;

- Cử người gọi điện báo cháy cho lực lượng cảnh sát PCCC số **114**;

- Gọi điện báo cho lãnh đạo đơn vị biết để chỉ đạo (trường hợp không có mặt); báo cho lực lượng công an phường, công an quận biết để phối hợp;

- Triển khai thoát nạn;

- Tổ chức cứu người và sơ cấp cứu người bị nạn (trường hợp có người bị thương trong quá trình tổ chức các hoạt động cứu chữa);

- Tổ chức chữa cháy: Sử dụng các trang thiết bị, phương tiện PCCC&CNCH hiện có tại cơ sở để tổ chức cứu chữa và dập tắt đám cháy.

IV. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ

1. Phòng Hành chính – Tổng hợp

- Lên Kế hoạch và liên hệ công an thành phố Hà Nội, công an quận Bắc Từ Liêm để phối hợp tổ chức tốt buổi diễn tập;

- Lập dự toán và thanh quyết toán kinh phí thực hiện buổi diễn tập;

- Tự tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm buổi diễn tập.

2. Phòng Cơ sở vật chất

- Chuẩn bị HT300 phục vụ buổi tập huấn;

- Đảm bảo hệ thống máy bơm nước nhà C12 tầng hoạt động tốt để phục vụ buổi diễn tập PCCC.

3. Phòng Kế hoạch – Tài chính

Bố trí kinh phí theo dự toán được phê duyệt để tổ chức thực hiện buổi diễn tập và hướng dẫn thanh toán theo quy định.

4. Phòng Quan hệ công chúng và doanh nghiệp

Truyền thông đưa tin trước và sau buổi diễn tập.

5. Các đơn vị trong toàn trường

Thông báo, đôn đốc cán bộ, sinh viên của đơn vị có trong thành phần tham dự buổi diễn tập đầy đủ, đúng giờ.

Trên đây là kế hoạch tổ chức tập huấn, diễn tập phương án chữa cháy và CNCH năm 2023 của Trường Đại học Mỏ - Địa chất, yêu cầu lực lượng PCCC&CNCH cơ sở, các đơn vị và cá nhân liên quan tổ chức, thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này./.

Nơi nhận:
- ĐU, HĐT (để bc);
- BGH (để Ph/h chỉ đạo);
- Như trên (để thực hiện);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu HCTH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PGS. TS Triệu Hùng Trường

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 512 /KH-MĐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2023

KẾ HOẠCH TỔ CHỨC TẬP HUẤN, DIỄN TẬP PHƯƠNG ÁN PCCC VÀ CNCH NĂM 2023

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Trang bị cho lực lượng PCCC&CNCH, CBVC và sinh viên tại cơ sở những kiến thức cơ bản về PCCC và CNCH, chủ động phòng ngừa, nắm bắt cách sử dụng các phương tiện PCCC tại chỗ một cách thành thạo, quy trình tổ chức cứu chữa và tổ chức thoát nạn khi có cháy xảy ra, nhằm hạn chế thấp nhất thiệt hại do cháy gây ra.

- Qua diễn tập giúp cho lực lượng PCCC cơ sở thực hành một cách thuần thục phương án PCCC tại cơ sở, nâng cao khả năng sử dụng thành thạo những trang thiết bị tại chỗ, phối kết hợp được với lực lượng PCCC trong khu vực.

2. Yêu cầu:

- Lực lượng PCCC&CNCH cơ sở phải chấp hành nghiêm túc các quy định về PCCC và CNCH, thực hiện cứu chữa và thoát nạn theo nội dung kế hoạch đề ra.

- Đội viên đội PCCC cơ sở, CBVC và sinh viên được huy động tham gia buổi diễn tập phải chấp hành nghiêm túc, đúng quy định, thời gian....

II. THỜI GIAN, ĐỐI TƯỢNG THAM GIA

1. Thời gian: Từ 8h00 -17h00, ngày 23 - 24/9/2023.

2. Đối tượng tham gia:

- Đại diện Lãnh đạo Trường Đại học Mỏ - Địa chất;
- Ban chỉ huy, Đội PCCC cơ sở và CBVC;
- Đội thanh niên xung kích;
- Mỗi phòng KTX của Nhà trường cử một sinh viên đại diện tham gia.

III. TRIỂN KHAI DIỄN TẬP PHƯƠNG ÁN

1. Giả định tình huống cháy:

- Tình huống cháy giả định: tình huống cháy phức tạp nhất tại phương án chữa cháy theo mẫu PC11, phương án CNCH mẫu số 04 (phương án chữa cháy và CNCH của cơ sở).

- Nguyên nhân phát sinh cháy: do sự cố điện gây cháy.

- Thời điểm xảy ra cháy: cơ sở đang hoạt động.

2. Triển khai công tác cứu chữa:

- Ngừng ngay các hoạt động tại cơ sở;

- Tổ chức di chuyển tài sản; tiến hành di chuyển máy móc, thiết bị, hàng hóa… bị cháy ra xa đến khu vực an toàn;

- Tiến hành cắt điện nơi xảy ra cháy và các khu vực lân cận để phòng cháy lan;

- Cử người gọi điện báo cháy cho lực lượng cảnh sát PCCC số **114**;

- Gọi điện báo cho lãnh đạo đơn vị biết để chỉ đạo (trường hợp không có mặt); báo cho lực lượng công an phường, công an quận biết để phối hợp;

- Triển khai thoát nạn;

- Tổ chức cứu người và sơ cấp cứu người bị nạn (trường hợp có người bị thương trong quá trình tổ chức các hoạt động cứu chữa);

- Tổ chức chữa cháy: Sử dụng các trang thiết bị, phương tiện PCCC&CNCH hiện có tại cơ sở để tổ chức cứu chữa và dập tắt đám cháy.

IV. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ

1. Phòng Hành chính – Tổng hợp

- Lên Kế hoạch và liên hệ công an thành phố Hà Nội, công an quận Bắc Từ Liêm để phối hợp tổ chức tốt buổi diễn tập;

- Lập dự toán và thanh quyết toán kinh phí thực hiện buổi diễn tập;

- Tự tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm buổi diễn tập.

2. Phòng Cơ sở vật chất

- Chuẩn bị HT300 phục vụ buổi tập huấn;

- Đảm bảo hệ thống máy bơm nước nhà C12 tầng hoạt động tốt để phục vụ buổi diễn tập PCCC.

3. Phòng Kế hoạch – Tài chính

Bố trí kinh phí theo dự toán được phê duyệt để tổ chức thực hiện buổi diễn tập và hướng dẫn thanh toán theo quy định.

4. Phòng Quan hệ công chúng và doanh nghiệp

Truyền thông đưa tin trước và sau buổi diễn tập.

5. Các đơn vị trong toàn trường

Thông báo, đôn đốc cán bộ, sinh viên của đơn vị có trong thành phần tham dự buổi diễn tập đầy đủ, đúng giờ.

Trên đây là kế hoạch tổ chức tập huấn, diễn tập phương án chữa cháy và CNCH năm 2023 của Trường Đại học Mỏ - Địa chất, yêu cầu lực lượng PCCC&CNCH cơ sở, các đơn vị và cá nhân liên quan tổ chức, thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này./.

Nơi nhận:
- ĐU, HĐT (để bc);
- BGH (để Ph/h chỉ đạo);
- Như trên (để thực hiện);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu HCTH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PGS. TS Triệu Hùng Trường

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 1209 /QĐ-MĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Ban Chỉ đạo phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Lệnh số 52/L-BCH ngày 10/9/2024 của Ban chỉ huy PCTT và TKCN thành phố Hà Nội lệnh Báo động lũ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, gồm các thành viên có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ chỉ đạo việc phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên Ban Chỉ đạo do Trưởng ban Chỉ đạo phân công.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các viên chức có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Phó Hiệu trưởng (để p/hợp chỉ đạo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: HCTH, TCCB (01).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH BAN CHỈ ĐẠO PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN

(Kèm theo Quyết định số 1209/QĐ-MĐC ngày 10 tháng 9 năm 2024)

1. PGS.TS Triệu Hùng Trường, Phó Hiệu trưởng	- Trưởng ban;
2. ThS Trần Anh Dũng, Phó Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp	- Phó Trưởng ban;
3. DS Nguyễn Thanh Huyền, Phụ trách Trạm Y tế	- UV thường trực;
4. TS Lê Xuân Thành, Trưởng phòng CTCT - Sinh viên	- UV thường trực;
5. TS Phạm Đức Thiên, Trưởng phòng Cơ sở vật chất	- UV thường trực;
6. ThS Nguyễn Thanh Tuấn, Bí Thư Đoàn thanh niên Trường	- UV thường trực;
7. TS Lê Đức Vinh, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ	- UV thường trực;
8. PGS.TS Đỗ Ngọc Anh, Trưởng phòng Khoa học - Công nghệ	- Ủy viên;
9. PGS.TS Bùi Hoàng Bắc, Giám đốc Trung tâm PTTNCNC	- Ủy viên;
10. TS Hoàng Anh Dũng, Chánh Văn phòng Đảng - Đoàn thể	- Ủy viên;
11. PGS.TS Nguyễn Việt Hà, Chủ tịch Công đoàn Trường	- Ủy viên;
12 .PGS.TS Lê Văn Hưng, Giám đốc Trung tâm Thông tin - Thư viện	- Ủy viên;
13. TS Diêm Công Hoàng, Giám đốc Trung tâm NN - Tin học HUMG	- Ủy viên;
14. PGS.TS Nguyễn Ngọc Khánh, Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ	- Ủy viên;
15. PGS.TS Lương Quang Khang, Trưởng phòng Đào tạo Sau Đại học	- Ủy viên;
16. PGS.TS Nguyễn Đức Khoát, Trưởng phòng Đào tạo Đại học	- Ủy viên;
17. ThS Nguyễn Gia Khuê, Phó GĐ phụ trách Ban Quản lý các dự án	- Ủy viên;
18. PGS.TS Nguyễn Thị Hoài Nga, Trưởng phòng HTQT	- Ủy viên;
19. PGS.TS Bùi Trường Sơn, Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp	- Ủy viên;
20. TS Công Ngọc Thắng, Phó Chánh VP phụ trách VP CTTT	- Ủy viên;
21. ThS Phạm Thị Thu Thủy, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính	- Ủy viên;
22. TS Phạm Văn Tuấn, Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục	- Ủy viên;
23. PGS.TS Nguyễn Viết Nghĩa, Phó TP phụ trách phòng Xuất bản	- Ủy viên;
24-35. Trưởng các khoa	- Ủy viên.

Danh sách này có 35 người./.

CÔNG AN TP HÀ NỘI
CÔNG AN QUẬN BẮC TỪ LIÊM

Số: 17 /CNHL-CABTL-PCCC&CNCH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Từ Liêm, ngày 28 tháng 11 năm 2024

Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ PCCC

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy/Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ kết quả tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả và xét đề nghị của Đội Cảnh sát PCCC&CNCH.

TRƯỞNG CÔNG AN QUẬN BẮC TỪ LIÊM
CHỨNG NHẬN:

100 cá nhân đã được huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy tại Trường Đại học mỏ Địa chất tổ chức *(có danh sách kèm theo).*

Thời gian tập huấn từ ngày 25/11/2024 đến ngày 26/11/2024.

Nơi nhận:
- Đ/c Trưởng Công an quận;
- Trường Đại học Mỏ- Địa chất;
- Lưu: VT,PCCC&CNCH.

KT. TRƯỞNG CÔNG AN QUẬN
PHÓ TRƯỞNG CÔNG AN QUẬN

CÔNG AN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG AN QUẬN BẮC TỪ LIÊM

Thượng tá Đỗ Anh Quyến

DANH SÁCH

Cá nhân được cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy

(Kèm theo Chứng nhận số: /CNHL-CABTL-PCCC&CNCH

Ngày tháng 11 năm 2024)

TT	Họ và tên	Năm Sinh	CMND/CCCD/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi làm việc/ thường Trú
1.	Triệu Hùng Trường	1976	026076006498	3/6/2022	ĐH Mỏ - Địa chất
2.	Trần Anh Dũng	1978	036078011311	10/5/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
3.	Phạm Đức Thiên	1975	031075019171	10/7/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
4.	Hoàng Anh Dũng	1975	030075000357	14/8/2022	ĐH Mỏ - Địa chất
5.	Nguyễn Thanh Tuấn	1986	001086026451	10/7/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
6.	Phạm Thị Thu Thủy	1980	019180000027	19/4/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
7.	Bùi Mạnh Tùng	1981	033081018985	11/11/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
8.	Nguyễn Gia Khuê	1975	019075000228	27/12/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
9.	Nguyễn Hồng Trường	1974	030074000044	10/07/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
10.	Lê Đức Vinh	1972	042072000323	4/12/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
11.	Bùi Hoàng Bắc	1977	019077002531	03/06/2022	ĐH Mỏ - Địa chất
12.	Nguyễn Thạc Khánh	1972	001072007762	21/11/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
13.	Phạm Văn Tuấn	1975	031075000007	14/04/2022	ĐH Mỏ - Địa chất
14.	Phạm Tuấn Cường	1980	030080020286	22/12/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
15.	Phạm Quốc Đảm	1968	033068013864	10/7/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
16.	Phạm Văn Luận	1976	036076007638	10/7/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
17.	Lê Quang Duyến	1980	038080014848	01/05/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
18.	Nguyễn Thị Nụ	1977	024177000606	17/08/2022	ĐH Mỏ - Địa chất

19.	Nguyễn Mạnh Hùng	1979	001079026658	19/8/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
20.	Ngô Thanh Tuấn	1980	052080000378	24/7/2024	ĐH Mỏ - Địa chất
21.	Dương Thành Trung	1978	037078006384	21/06/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
22.	Nguyễn Thị Thu Hương	1977	040177008131	10/5/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
23.	Nguyễn Quốc Phi	1979	025079004265	23/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
24.	Phạm Đức Thọ	1983	001083051318	24/07/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
25.	Nguyễn Duy Huy	1979	034079029742	10/05/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
26.	Hoàng Văn Sinh	1974	001074010321	25/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
27.	Nguyễn Thế Tĩnh	1978	030078007918	27/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
28.	Tạ Văn Minh	1981	024081028614	14/12/2022	ĐH Mỏ - Địa chất
29.	Ninh Ngọc Cương	1983	001083004376	04/04/2023	ĐH Mỏ - Địa chất
30.	Nguyễn Đình Cường	1986	001086021525	08/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
31.	Nguyễn Thế	1983	001083003632	05/06/2023	ĐH Mỏ - Địa chất
32.	Trần Thiện Căn	1976	026076005970	25/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
33.	Phạm Trường Sơn	1974	011074040858	27/5/2023	ĐH Mỏ - Địa chất
34.	Lê Hoài Nam	1973	001073036977	09-07-2021	ĐH Mỏ - Địa chất
35.	Trần Văn Huyên	1973	033073001490	25/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
36.	Phạm Văn Khương	1974	034074000064	02/05/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
37.	Chu Thế Mạnh	1986	001086007589	7/11/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
38.	Lê Đức Minh	1971	001071011242	22/11/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
39.	Nguyễn Đức Năng	1964	001064008968	29/4/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
40.	Bùi Huy Văn	1970	036070022142	22/11/2021	ĐH Mỏ - Địa

					chất
41.	Hà Ngọc Trường	1973	025073018992	10/7/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
42.	Lưu Hữu Phước	1976	001076032777	15/4/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
43.	Nguyễn Quang Hải	1972	036072007554	25/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
44.	Lý Hồng Khanh	1971	019071001584	01/05/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
45.	Dương Thành Quảng	1975	033075007301	23/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
46.	Nguyễn Đức Toàn	1977	001077001582	25/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
47.	Phạm Đức Nghiệp	1984	001084009568	25/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
48.	Lại Kim Cương	1984	001084021030	26/09/2024	ĐH Mỏ - Địa chất
49.	Đào Duy Nam	1990	001090021380	04/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
50.	Phạm Ngọc Hà	1982	019082002995	27/05/2023	ĐH Mỏ - Địa chất
51.	Hà Ngọc Kiên	1970	027070002254	15/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
52.	Ngô Thái Vinh	1978	019078017687	14/12/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
53.	Trịnh Thế Lực	1988	036088008314	03/05/2023	ĐH Mỏ - Địa chất
54.	Trịnh Trọng An	1986	038086009748	05/03/2018	ĐH Mỏ - Địa chất
55.	Lại Thiên Nguyên	1976	019076000128	04/05/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
56.	Đỗ Khắc Điệp	1979	001079034548	29/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
57.	Phan Thanh Chương	1972	019072000933	08/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
58.	Nguyễn Xuân Thuận	1973	034073011629	20/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
59.	Đinh Hữu Khánh	1970	040070000192	21/01/2023	ĐH Mỏ - Địa chất
60.	Phạm Thị Phương Chi	1980	019180000384	23/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
61.	Cao Thu Hoài	1981	042181000530	01/04/2022	ĐH Mỏ - Địa chất

62.	Nguyễn Thanh Huyền	1973	001173000098	25/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
63.	Mai Ngọc Liên	1980	036180004898	04/03/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
64.	Nguyễn Thị Thu Thụy	1979	019179000230	27/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
65.	Đặng Ngọc Cương	1986	036086000068	10/5/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
66.	Phạm Công Tú	1972	034072002898	27/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
67.	Nguyễn Hoàng	1988	022088000042	25/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
68.	Nguyễn Hồng Cường	1985	022088000043	27/05/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
69.	Nguyễn Nam Hòa	1983	040083022631	28/06/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
70.	Trần Văn Được	1983	033083003736	7/12/2023	ĐH Mỏ - Địa chất
71.	Trần Ngọc Tuân	1990	001090052200	10/5/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
72.	Vũ Hồng Dương	1989	001089007135	24/02/1989	ĐH Mỏ - Địa chất
73.	Nguyễn Duy Mười	1984	026084008495	16/07/2024	ĐH Mỏ - Địa chất
74.	Nhữ Việt Hà	1978	035078000432	03/03/1978	ĐH Mỏ - Địa chất
75.	Trần Vũ Long	1983	001083000876	21/08/1983	ĐH Mỏ - Địa chất
76.	Phùng Hữu Hải	1981	034081009864	10/05/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
77.	Hà Thành Như	1979	035079002007	19/4/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
78.	Đỗ Việt Anh	1979	019079000113	27/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
79.	Nguyễn Viết Hùng	1982	038082005358	22/11/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
80.	Đào Hiếu	1982	038082005359	22/11/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
81.	Nguyễn Trường Giang	1978	001078030274	22/4/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
82.	Nguyễn Tiến Sỹ	1989	027089008463	31/12/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
83.	Thái Hải Âu	1980	019080000296	16/11/2021	ĐH Mỏ - Địa

					chất
84.	Nguyễn Danh Đức	1988	030088013210	19/02/2022	ĐH Mỏ - Địa chất
85.	Phạm Ngọc Quang	1988	001088012535	30/5/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
86.	Phạm Văn Chung	1980	038080017025	29/4/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
87.	Phí Mạnh Phong	1978	001078044484	06/09/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
88.	Ngô Văn Hưởng	1981	035081016510	19/8/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
89.	Nguyễn Tuấn Vương	1981	033081006414	22/8/2023	ĐH Mỏ - Địa chất
90.	Đỗ Cao Cường	1981	036081000319	25/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
91.	Nguyễn Văn Dũng	1978	038078001730	08/12/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
92.	Nguyễn Quang Minh	1974	001074004996	24/05/2023	ĐH Mỏ - Địa chất
93.	Đặng Văn Kiên	1980	035080001275	25/03/1980	ĐH Mỏ - Địa chất
94.	Phạm Ngọc Tuấn	1987	036087004537	24/06/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
95.	Nguyễn Tiến Hưng	1980	001080027219	14/042021	ĐH Mỏ - Địa chất
96.	Lê Đình Chiều	1986	033086002938	22/11/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
97.	Phạm Kiên Trung	1988	033088004442	15/08/2022	ĐH Mỏ - Địa chất
98.	Nguyễn Thế Bình	1984	040084030028	11/04/1984	ĐH Mỏ - Địa chất
99.	Đặng Văn Nam	1985	001085043849	10/05/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
100.	Nguyễn Hoàng Long	1984	001084037504	13/05/2023	ĐH Mỏ - Địa chất

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 1681 /QĐ-MĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kiện toàn Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cơ sở của Trường Đại học Mỏ - Địa chất

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29/06/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22/11/2013;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1090/QĐ-MĐC ngày 02/11/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định về hoạt động phòng cháy, chữa cháy và công tác cứu nạn, cứu hộ tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 1696/QĐ-MĐC ngày 08/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thành lập Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cơ sở của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cơ sở của Trường Đại học Mỏ - Địa chất gồm các thành viên có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về Phòng cháy chữa cháy, Cứu nạn Cứu hộ và thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Ban chỉ đạo Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ. Được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 1696/QĐ-MĐC ngày 08/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc

thành lập Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cơ sơ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các cán bộ có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để thực hiện)
- Các PHT (để p/hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, TCCB (09).

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH ĐỘI PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY
VÀ CỨU NẠN CỨU HỘ CƠ SỞ TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
(Kèm theo QĐ số: 1681/QĐ-MĐC ngày 01 tháng 11 năm 2024)

1. Ông Trần Anh Dũng, P. Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp	Đội trưởng;
2. Ông Hoàng Văn Sinh, Phòng Hành chính - Tổng hợp	Đội phó;
3. Ông Nguyễn Thế Tĩnh, Phòng Cơ sở vật chất	Đội phó;
4. Ông Tạ Văn Minh, Phòng Cơ sở vật chất	UV thường trực;
5. Ông Ninh Ngọc Cương, Phòng Cơ sở vật chất	UV thường trực;
6. Ông Nguyễn Đình Cường, Phòng Cơ sở vật chất	UV thường trực;
7. Ông Nguyễn Thế, Phòng Cơ sở vật chất	UV thường trực;
8. Ông Trần Thiện Căn, Phòng Cơ sở vật chất	UV thường trực;
9. Ông Phạm Trường Sơn, Phòng Hành chính - Tổng hợp	UV thường trực;
10. Ông Lê Hoài Nam, Phòng Hành chính - Tổng hợp	UV thường trực;
11. Ông Trần Văn Huyên, Phòng Hành chính - Tổng hợp	UV thường trực;
12. Ông Phạm Văn Khương, Phòng Hành chính - Tổng hợp	UV thường trực;
13. Ông Chu Thế Mạnh, Phòng Hành chính - Tổng hợp	UV thường trực;
14. Ông Lê Đức Minh, Phòng Hành chính - Tổng hợp	UV thường trực;
15. Ông Nguyễn Đức Năng, Phòng Hành chính - Tổng hợp	Ủy viên;
16. Ông Bùi Huy Văn, Phòng Hành chính - Tổng hợp	Ủy viên;
17. Ông Hà Ngọc Trường, Phòng Hành chính - Tổng hợp	Ủy viên;
18. Ông Lưu Hữu Phước, Phòng Hành chính - Tổng hợp	Ủy viên;
19. Ông Nguyễn Quang Hải, Phòng Hành chính - Tổng hợp	Ủy viên;
20. Ông Lý Hồng Khanh, Phòng Hành chính - Tổng hợp	Ủy viên;
21. Ông Dương Thành Quảng, Phòng Hành chính - Tổng hợp	Ủy viên;
22. Ông Nguyễn Đức Toàn, Phòng Hành chính - Tổng hợp	Ủy viên;
23. Ông Phạm Đức Nghiệp, Phòng Khoa học - Công nghệ	Ủy viên;

24. Ông Lại Kim Cương, Phòng Đào tạo Đại học	Ủy viên;
25. Ông Đào Duy Nam, Phòng Đào tạo Đại học	Ủy viên;
26. Ông Phạm Ngọc Hà, Phòng Đào tạo Sau đại học	Ủy viên;
27. Ông Hà Ngọc Kiên, Phòng Đào tạo Sau đại học	Ủy viên;
28. Ông Ngô Thái Vinh, Phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục	Ủy viên;
29. Ông Trịnh Thế Lực, Trung tâm PT, TN và CN cao	Ủy viên;
30. Ông Trịnh Trọng An, phòng Xuất bản	Ủy viên;
31. Ông Lại Thiên Nguyên, Ban quản lý các dự án	Ủy viên;
32. Ông Đỗ Khắc Điệp, Trung tâm dịch vụ	Ủy viên;
33. Ông Phan Thanh Chương, Trung tâm dịch vụ	Ủy viên;
34. Ông Nguyễn Xuân Thuận, Trung tâm dịch vụ	Ủy viên;
35. Ông Đinh Hữu Khánh, Trung tâm dịch vụ	Ủy viên;
36. Bà Phạm Thị Phương Chi, Phó Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính	Ủy viên;
37. Bà Cao Thị Thu Hoài, Phòng Kế hoạch Tài chính	Ủy viên;
38. Bà Nguyễn Thanh Huyền, Phụ trách Trạm Y tế	Ủy viên;
39. Bà Mai Ngọc Liên, Trạm Y tế	Ủy viên;
40. Bà Nguyễn Thị Thu Thụy, Trạm Y tế	Ủy viên;
41. Ông Đặng Ngọc Cương, TT Thông tin - Thư viện	Ủy viên;
42. Ông Phạm Công Tú, Khoa GDQP	Ủy viên;
43. Ông Nguyễn Hoàng, Khoa Mỏ	Ủy viên;
44. Ông Nguyễn Hồng Cường, Khoa Mỏ	Ủy viên;
45. Ông Nguyễn Nam Hòa, Khoa Mỏ	Ủy viên;
46. Ông Trần Văn Được, Khoa Mỏ	Ủy viên;
47. Ông Trần Ngọc Tuân, Khoa Dầu khí và Năng lượng	Ủy viên;
48. Ông Vũ Hồng Dương, Khoa Dầu khí và Năng lượng	Ủy viên;
49. Ông Nguyễn Duy Mười, Khoa Dầu khí và Nặn lượng	Ủy viên;

50. Ông Nhữ Việt Hà, Khoa KH và KT Địa chất Ủy viên;

51. Ông Trần Vũ Long, Khoa KH và KT Địa chất Ủy viên;

52. Ông Phùng Hữu Hải, Khoa KH và KT Địa chất Ủy viên;

53. Ông Hà Thành Như, Khoa KH và KT Địa chất Ủy viên;

54. Ông Đỗ Việt Anh, Khoa Khoa học cơ bản Ủy viên;

55. Ông Nguyễn Viết Hùng, Khoa Khoa học cơ bản Ủy viên;

56. Ông Đào Hiếu, Khoa Cơ - Điện Ủy viên;

57. Ông Nguyễn Trường Giang, Khoa Cơ - Điện Ủy viên;

58. Ông Nguyễn Tiến Sỹ, Khoa Cơ - Điện Ủy viên;

59. Ông Nguyễn Danh Đức, Khoa Trắc địa - BĐ&QLĐĐ Ủy viên;

60. Ông Phạm Ngọc Quang, Khoa Trắc địa - BĐ&QLĐĐ Ủy viên;

61. Ông Phạm Văn Chung, Khoa Trắc địa - BĐ&QLĐĐ Ủy viên;

62. Ông Phí Mạnh Phong, Khoa Lý luận chính trị Ủy viên;

63. Ông Ngô Văn Hưởng, Khoa Lý luận chính trị Ủy viên;

64. Ông Nguyễn Tuấn Vương, Khoa Lý luận chính trị Ủy viên;

65. Ông Đỗ Cao Cường, Khoa Môi trường Ủy viên;

66. Ông Nguyễn Văn Dũng, Khoa Môi trường Ủy viên;

67. Ông Nguyễn Quang Minh, Khoa Môi trường Ủy viên;

68. Ông Đặng Văn Kiên, Khoa Xây dựng Ủy viên;

69. Ông Phạm Ngọc Tuấn, Khoa KT - QTKD Ủy viên;

70. Ông Lê Đình Chiều, Khoa KT - QTKD Ủy viên;

71. Ông Phạm Kiên Trung, Khoa KT - QTKD Ủy viên;

72. Ông Nguyễn Thế Bình, Khoa Công nghệ thông tin Ủy viên;

73. Ông Đặng Văn Nam, Khoa Công nghệ thông tin Ủy viên;

74. Ông Nguyễn Hoàng Long, Khoa Công nghệ thông tin Ủy viên.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 1682 /QĐ-MĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kiện toàn Ban chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cơ sở của Trường Đại học Mỏ - Địa chất

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29/06/2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22/11/2013;

Căn cứ Quyết định số 1090/QĐ-MĐC ngày 02/11/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định về hoạt động phòng cháy, chữa cháy và công tác cứu nạn, cứu hộ tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 1695/QĐ-MĐC ngày 08/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc kiện toàn Ban chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cơ sở của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn Ban chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cơ sở của Trường Đại học Mỏ - Địa chất gồm các thành viên có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Ban phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về Phòng cháy chữa cháy, Cứu nạn Cứu hộ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 1695/QĐ-MĐC ngày 08/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thành lập Ban chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cơ sở của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức - Cán bộ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các cán bộ có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để thực hiện)
- Các PHT (để p/hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, TCCB (09).

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH BAN CHỈ ĐẠO PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN CỨU HỘ TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

(Kèm theo QĐ số: 1682/QĐ-MĐC ngày 01 tháng 11 năm 2024)

1. Ông Triệu Hùng Trường, Phó Hiệu trưởng	Trưởng ban;
2. Ông Trần Anh Dũng, P. Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp	Phó Trưởng ban;
3. Ông Phạm Đức Thiên, Trưởng phòng Cơ sở Vật Chất	Phó Trưởng ban;
4. Ông Hoàng Anh Dũng, Chánh VP Đảng - Đoàn thể	Ủy viên;
5. Ông Nguyễn Thanh Tuấn, Bí thư Đoàn thanh niên Trường	Ủy viên;
6. Bà Phạm Thị Thu Thủy, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính	Ủy viên;
7. Ông Bùi Mạnh Tùng, P. Trưởng phòng Công tác chính trị - sinh viên	Ủy viên;
8. Ông Nguyễn Gia Khuê, Phó Trưởng phụ trách Ban QLCDA	Ủy viên;
9. Ông Nguyễn Hồng Trường, PGĐ TT Thông tin - Thư viện	Ủy viên;
10. Ông Lê Đức Vinh, Giám đốc Trung tâm dịch vụ	Ủy viên;
11. Ông Bùi Hoàng Bắc, Giám đốc TT Phân tích thí nghiệm và CN cao	Ủy viên;
12. Ông Nguyễn Thạc Khánh, Phó Trưởng phòng Khoa học - Công nghệ	Ủy viên;
13. Ông Phạm Văn Tuấn, Trưởng phòng ĐBCLGD	Ủy viên;
14. Ông Phạm Tuấn Cường, Phó Trưởng phòng Đào tạo Đại học	Ủy viên;
15. Ông Phạm Quốc Đảm, Trưởng Khoa GDQP	Ủy viên;
16. Ông Phạm Văn Luận, Phó Trưởng khoa Mỏ	Ủy viên;
17. Ông Lê Quang Duyến, Trưởng khoa Dầu khí và Năng lượng	Ủy viên;
18. Bà Nguyễn Thị Nụ, Phó Trưởng bộ môn Địa chất công trình	Ủy viên;
19. Ông Nguyễn Mạnh Hùng, Phó Trưởng khoa Khoa học cơ bản	Ủy viên;
20. Ông Ngô Thanh Tuấn, Phó Trưởng khoa Cơ - Điện	Ủy viên;
21. Ông Dương Thành Trung, Phó Trưởng khoa Trắc địa - BĐ&QLĐĐ	Ủy viên;
22. Bà Nguyễn Thị Thu Hương, Phó Trưởng khoa Lý luận chính trị	Ủy viên;
23. Ông Nguyễn Quốc Phi, Phó Trưởng khoa Môi trường	Ủy viên;
24. Ông Phạm Đức Thọ, Phó Trưởng khoa Xây dựng	Ủy viên;
25. Ông Nguyễn Tiến Hưng, Phó Trưởng bộ môn K ế toán doanh nghiệp	Ủy viên;
26. Ông Nguyễn Duy Huy, Phó Trưởng khoa Công nghệ thông tin	Ủy viên.

001

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 36 /TB-MĐC

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024

Kính gửi: Các đơn vị trong Trường

Để đảm bảo an toàn PCCC trong dịp đón Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024, Nhà trường yêu cầu các đơn vị nâng cao cảnh giác, thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy (PCCC) theo Quyết định số 1090/QĐ-MĐC, ngày 02/04/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất, đặc biệt chú ý các nội dung sau:

1. Nhiệm vụ chung của các đơn vị trong Trường

1.1. Trưởng các đơn vị có trách nhiệm tuyên truyền cho cán bộ, viên chức trong đơn vị nghiêm chỉnh chấp hành các nội quy, quy định về PCCC; kiểm tra và tổ chức thực hiện các yêu cầu về công tác PCCC ở đơn vị mình quản lý;

1.2. Trước khi niêm phong phòng làm việc về nghỉ Tết phải kiểm tra và tắt toàn bộ thiết bị điện của đơn vị mình;

1.3. Không được nấu nướng, thắp hương, thắp nến, hóa vàng mã trong khu vực làm việc; không để các chất dễ cháy gần các ổ điện và các thiết bị tiêu thụ điện;

1.4. Kiểm tra các phương tiện chữa cháy đã được trang bị, khi bị hư hỏng hoặc hết hạn sử dụng phải báo cáo Nhà trường để kịp thời thay thế;

1.5. Các bình chữa cháy xách tay phải để đúng nơi quy định (để nơi dễ thấy, dễ lấy), tuyệt đối không được làm mất tác dụng hoặc mang đi sử dụng vào việc khác;

1.6. Không để các vật dụng hư hỏng, không sử dụng ở hành lang và cầu thang thoát hiểm nhà C12 tầng.

2. Nhiệm vụ cụ thể

2.1. Phòng Hành chính – Tổng hợp

- Phối hợp với Đội PCCC cơ sở tăng cường tuần tra, kiểm tra công tác PCCC của Khu nhà C12 tầng, giảng đường, phòng thí nghiệm khu A;
- Chủ động xử lý trong thẩm quyền cho phép và báo cáo Ban Chỉ huy PCCC&CNCH Trường.

2.2. Phòng Cơ sở vật chất

- Phối hợp thường xuyên với Tổ bảo vệ, Đội PCCC cơ sở kiểm tra các phương tiện, hệ thống PCCC;
- Bảo trì, bảo dưỡng hệ thống báo cháy tự động của các tòa nhà và phải bảo đảm hệ thống hoạt động tốt 24/24;
- Kịp thời mua bổ sung các thiết bị, phương tiện PCCC đã hư hỏng hoặc hết hạn sử dụng (tiêu lệnh, bình bột, bình khí chữa cháy, nội quy, biển cấm lửa, lăng vòi chữa cháy,…) khi có yêu cầu;

- Các máy bơm chữa cháy vách tường nhà C12 tầng phải có đường điện riêng, thường xuyên được bảo dưỡng và cho vận hành thử; kiểm tra các đầu van, vòi nhằm đảm bảo hệ thống bơm nước chữa cháy vách tường của các tòa nhà hoạt động tốt trong mọi tình huống;

- Đảm bảo hệ thống đèn báo lối thoát hiểm luôn hoạt động, lắp đặt đèn chiếu sáng trong cầu thang thoát hiểm nhà C12 tầng để khi có sự cố xảy ra đèn trong cầu thang luôn sáng;

2.3. Trung tâm Thông tin-Thư viện

- Kiểm tra kỹ càng công tác PCCC trước khi về nghỉ Tết;

- Sắp xếp các giá sách hợp lý có lối vào ra, không để sách ngay dưới các thiết bị sử dụng điện (điều hòa, quạt thông gió…);

- Không đun nấu, ăn uống, thắp hương trong kho sách; các bình bột chữa cháy được trang bị phải bố trí đều trong khu vực kho và phải thường xuyên được bảo quản tốt;

- Phòng máy chủ phải lắp đặt ngay hệ thống chữa cháy tự động.

2.4. Trung tâm dịch vụ

- Tổ chức kiểm tra công tác PCCC ở tất cả các phòng ở trong tất cả các khu KTX khi sinh viên về nghỉ Tết;

- Đảm bảo trực và tuần tra 24/24 để phát hiện sớm nguy cơ cháy nổ trong khu vực KTX;

- Kiểm tra các phương tiện chữa cháy đã được trang bị, khi bị hư hỏng hoặc hết hạn sử dụng phải báo cáo Nhà trường để kịp thời thay thế;

- Bố trí các bình chữa cháy ở những nơi dễ thấy, dễ lấy và thường xuyên được lau chùi, bảo dưỡng;

- Bảo quản tốt hệ thống báo cháy tự động của các tòa nhà đã được trang bị;

- Làm việc với Nhà ăn khu A để đảm bảo công tác PCCC theo Quy định.

Nhà trường yêu cầu các đơn vị thực hiện nghiêm túc công tác PCCC, nhằm bảo đảm an toàn tuyệt đối về PCCC trong thời gian nghỉ Tết. Trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng và pháp luật về những hành vi vi phạm quy định an toàn về PCCC và các vụ cháy nổ tại khu vực làm việc tại đơn vị.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

TRƯỞNG BAN PCCC & CNCH
PGS. TS Triệu Hùng Trường

Nơi nhận:
- Ban Giám hiệu (để phối hợp chỉ đạo);
- Như kính gửi (để thực hiện);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu HCTH.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 598 /KH-MĐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2024

KẾ HOẠCH TỔ CHỨC TẬP HUẤN, DIỄN TẬP PHƯƠNG ÁN PCCC VÀ CNCH NĂM 2024

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Trang bị cho lực lượng PCCC&CNCH, CBVC và sinh viên tại cơ sở những kiến thức cơ bản về PCCC và CNCH, chủ động phòng ngừa, nắm bắt cách sử dụng các phương tiện PCCC tại chỗ một cách thành thạo, quy trình tổ chức cứu chữa và tổ chức thoát nạn khi có cháy xảy ra, nhằm hạn chế thấp nhất thiệt hại do cháy gây ra.

- Qua diễn tập giúp cho lực lượng PCCC cơ sở thực hành một cách thuần thục phương án PCCC tại cơ sở, nâng cao khả năng sử dụng thành thạo những trang thiết bị tại chỗ, phối kết hợp được với lực lượng PCCC trong khu vực.

- Kiểm tra cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về PCCC&CNCH cho lực lượng PCCC&CNCH.

2. Yêu cầu:

- Lực lượng PCCC&CNCH cơ sở phải chấp hành nghiêm túc các quy định về PCCC và CNCH, thực hiện cứu chữa và thoát nạn theo nội dung kế hoạch đề ra.

- Đội viên đội PCCC cơ sở, CBVC và sinh viên được huy động tham gia buổi diễn tập phải chấp hành nghiêm túc, đúng quy định, thời gian....

II. THỜI GIAN, ĐỐI TƯỢNG THAM GIA

1. Thời gian: Từ 8h00 -17h00, ngày 02 - 03/11/2024.

2. Đối tượng tham gia:

- Đại diện Lãnh đạo Trường Đại học Mỏ - Địa chất;
- Ban chỉ huy, Đội PCCC &CNCH cơ sở và CBVC;
- Đội thanh niên xung kích;
- Mỗi phòng KTX của Nhà trường cử một sinh viên đại diện tham gia.

III. TRIỂN KHAI DIỄN TẬP PHƯƠNG ÁN

1. Giả định tình huống cháy:

- Tình huống cháy giả định: tình huống cháy phức tạp nhất tại phương án chữa cháy theo mẫu PC11, phương án CNCH mẫu số 04 (phương án chữa cháy và CNCH của cơ sở).

- Nguyên nhân phát sinh cháy: do sự cố điện gây cháy.

- Thời điểm xảy ra cháy: cơ sở đang hoạt động.

2. Triển khai công tác cứu chữa:

- Ngừng ngay các hoạt động tại cơ sở;

- Tổ chức di chuyển tài sản; tiến hành di chuyển máy móc, thiết bị, hàng hóa… bị cháy ra xa đến khu vực an toàn;

- Tiến hành cắt điện nơi xảy ra cháy và các khu vực lân cận đề phòng cháy lan;

- Cử người gọi điện báo cháy cho lực lượng cảnh sát PCCC số **114**;

- Gọi điện báo cho lãnh đạo đơn vị biết để chỉ đạo (trường hợp không có mặt); báo cho lực lượng công an phường, công an quận biết để phối hợp;

- Triển khai thoát nạn;

- Tổ chức cứu người và sơ cấp cứu người bị nạn (trường hợp có người bị thương trong quá trình tổ chức các hoạt động cứu chữa);

- Tổ chức chữa cháy: Sử dụng các trang thiết bị, phương tiện PCCC&CNCH hiện có tại cơ sở để tổ chức cứu chữa và dập tắt đám cháy.

IV. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ

1. Phòng Hành chính – Tổng hợp

- Lên Kế hoạch và liên hệ công an thành phố Hà Nội, công an quận Bắc Từ Liêm để phối hợp tổ chức tốt buổi diễn tập;

- Lập dự toán và thanh quyết toán kinh phí thực hiện buổi diễn tập;

- Tự tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm buổi diễn tập.

2. Phòng Cơ sở vật chất

- Chuẩn bị HT300 phục vụ buổi tập huấn;

- Đảm bảo hệ thống máy bơm nước nhà C12 tầng hoạt động tốt để phục vụ buổi diễn tập PCCC.

3. Phòng Kế hoạch – Tài chính

Bố trí kinh phí theo dự toán được phê duyệt để tổ chức thực hiện buổi diễn tập và hướng dẫn thanh toán theo quy định.

4. Phòng Quan hệ công chúng và doanh nghiệp

Truyền thông đưa tin trước và sau buổi diễn tập.

5. Các đơn vị trong toàn trường

Thông báo, đôn đốc cán bộ, sinh viên của đơn vị có trong thành phần tham dự buổi diễn tập đầy đủ, đúng giờ.

Trên đây là kế hoạch tổ chức tập huấn, diễn tập phương án chữa cháy và CNCH năm 2024 của Trường Đại học Mỏ - Địa chất, yêu cầu lực lượng PCCC&CNCH cơ sở, các đơn vị và cá nhân liên quan tổ chức, thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này./.

Nơi nhận:
- Công an quận Bắc Từ Liêm;
- Các đơn vị (để t/hiện)
- Lưu: HCTH, Hồ sơ PCCC.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

TRƯỞNG BAN PCCC&CNCH
PGS. TS Triệu Hùng Trường

BỘ GIÁO DUC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 599 /MĐC-HCTH
Về việc tập huấn nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy và thực tập phương án chữa cháy

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Các đơn vị trong Trường

Thực hiện Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29/06/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22/11/2013; Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/07/2014 của Chính phủ; Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ Công an;

Nhà trường tổ chức tập huấn nghiệp vụ PCCC và thực tập phương án chữa cháy; kiểm tra và cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về PCCC&CNCH cụ thể như sau:

Thời gian: Từ 08h00 ngày 03/11/2024 – 03/11/2024

Địa điểm: HT 300 và Sảnh nhà C12 tầng

Thành phần: Ban chỉ đạo PCCC, Đội PCCC&CNCH cơ sở

Nhà trường yêu cầu các đơn vị tạo điều kiện và nhắc nhở các cán bộ, viên chức trong Ban Chỉ đạo PCCC và Đội PCCC & CNCH cơ sở tham gia đầy đủ và đúng giờ để buổi tập huấn đạt hiệu quả.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Hiệu trưởng (để báo cáo)
- HUMG EOFFICE;
- Lưu HCTH

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

TRƯỞNG BAN PCCC&CNCH
PGS. TS Triệu Hùng Trường

CÔNG AN TP HÀ NỘI
CÔNG AN QUẬN BẮC TỪ LIÊM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17 /QĐ-CABTL-PCCC&CNCH

Bắc Từ Liêm, ngày 28 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ Phòng cháy, chữa cháy

TRƯỞNG CÔNG AN QUẬN BẮC TỪ LIÊM

Căn cứ Luật phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Luật đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ quy định công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi thành một số điều của Nghị định 136/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10/05/2024 của Chính phủ quy định sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 136/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/3/2018 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định 83/2017/NĐ-CP;

Căn cứ đề xuất của Đội Cảnh sát PCCC&CNCH,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy cho 100 học viên (có danh sách kèm theo) thuộc Trường Đại học Mỏ Địa chất; Địa chỉ: số 18 Phố Viên, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội đã được huấn luyện nghiệp vụ PCCC: từ ngày 25/11/2024 đến ngày 26/11/2024.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Người đứng đầu cơ quan và các cá nhân có tên ghi tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân tại Điều 1;
- Đ/c Trưởng Công an quận; *(Để báo cáo)*
- Lưu: VT,PCCC&CNCH.

KT. TRƯỞNG CÔNG AN QUẬN
PHÓ TRƯỞNG CÔNG AN QUẬN

CÔNG AN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG AN QUẬN BẮC TỪ LIÊM

Thượng tá Đỗ Anh Quyến

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN
HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ PCCC
(Kèm theo quyết định số: /QĐ-CABTL-PCCC&CNCH ngày tháng 11 năm 2024)

TT	Họ và tên	Năm Sinh	CMND/CCCD/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi làm việc/ thường Trú
1.	Triệu Hùng Trường	1976	026076006498	3/6/2022	ĐH Mỏ - Địa chất
2.	Trần Anh Dũng	1978	036078011311	10/5/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
3.	Phạm Đức Thiên	1975	031075019171	10/7/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
4.	Hoàng Anh Dũng	1975	030075000357	14/8/2022	ĐH Mỏ - Địa chất
5.	Nguyễn Thanh Tuấn	1986	001086026451	10/7/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
6.	Phạm Thị Thu Thủy	1980	019180000027	19/4/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
7.	Bùi Mạnh Tùng	1981	033081018985	11/11/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
8.	Nguyễn Gia Khuê	1975	019075000228	27/12/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
9.	Nguyễn Hồng Trường	1974	030074000044	10/07/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
10.	Lê Đức Vinh	1972	042072000323	4/12/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
11.	Bùi Hoàng Bắc	1977	019077002531	03/06/2022	ĐH Mỏ - Địa chất
12.	Nguyễn Thạc Khánh	1972	001072007762	21/11/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
13.	Phạm Văn Tuấn	1975	031075000007	14/04/2022	ĐH Mỏ - Địa chất
14.	Phạm Tuấn Cường	1980	030080020286	22/12/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
15.	Phạm Quốc Đảm	1968	033068013864	10/7/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
16.	Phạm Văn Luận	1976	036076007638	10/7/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
17.	Lê Quang Duyến	1980	038080014848	01/05/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
18.	Nguyễn Thị Nụ	1977	024177000606	17/08/2022	ĐH Mỏ - Địa

					chất
19.	Nguyễn Mạnh Hùng	1979	001079026658	19/8/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
20.	Ngô Thanh Tuấn	1980	052080000378	24/7/2024	ĐH Mỏ - Địa chất
21.	Dương Thành Trung	1978	037078006384	21/06/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
22.	Nguyễn Thị Thu Hương	1977	040177008131	10/5/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
23.	Nguyễn Quốc Phi	1979	025079004265	23/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
24.	Phạm Đức Thọ	1983	001083051318	24/07/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
25.	Nguyễn Duy Huy	1979	034079029742	10/05/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
26.	Hoàng Văn Sinh	1974	001074010321	25/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
27.	Nguyễn Thế Tĩnh	1978	030078007918	27/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
28.	Tạ Văn Minh	1981	024081028614	14/12/2022	ĐH Mỏ - Địa chất
29.	Ninh Ngọc Cương	1983	001083004376	04/04/2023	ĐH Mỏ - Địa chất
30.	Nguyễn Đình Cường	1986	001086021525	08/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
31.	Nguyễn Thế	1983	001083003632	05/06/2023	ĐH Mỏ - Địa chất
32.	Trần Thiện Căn	1976	026076005970	25/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
33.	Phạm Trường Sơn	1974	011074040858	27/5/2023	ĐH Mỏ - Địa chất
34.	Lê Hoài Nam	1973	001073036977	09-07-2021	ĐH Mỏ - Địa chất
35.	Trần Văn Huyên	1973	033073001490	25/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
36.	Phạm Văn Khương	1974	034074000064	02/05/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
37.	Chu Thế Mạnh	1986	001086007589	7/11/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
38.	Lê Đức Minh	1971	001071011242	22/11/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
39.	Nguyễn Đức Năng	1964	001064008968	29/4/2021	ĐH Mỏ - Địa chất

40.	Bùi Huy Văn	1970	036070022142	22/11/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
41.	Hà Ngọc Trường	1973	025073018992	10/7/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
42.	Lưu Hữu Phước	1976	001076032777	15/4/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
43.	Nguyễn Quang Hải	1972	036072007554	25/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
44.	Lý Hồng Khanh	1971	019071001584	01/05/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
45.	Dương Thành Quảng	1975	033075007301	23/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
46.	Nguyễn Đức Toàn	1977	001077001582	25/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
47.	Phạm Đức Nghiệp	1984	001084009568	25/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
48.	Lại Kim Cương	1984	001084021030	26/09/2024	ĐH Mỏ - Địa chất
49.	Đào Duy Nam	1990	001090021380	04/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
50.	Phạm Ngọc Hà	1982	019082002995	27/05/2023	ĐH Mỏ - Địa chất
51.	Hà Ngọc Kiên	1970	027070002254	15/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
52.	Ngô Thái Vinh	1978	019078017687	14/12/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
53.	Trịnh Thế Lực	1988	036088008314	03/05/2023	ĐH Mỏ - Địa chất
54.	Trịnh Trọng An	1986	038086009748	05/03/2018	ĐH Mỏ - Địa chất
55.	Lại Thiên Nguyên	1976	019076000128	04/05/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
56.	Đỗ Khắc Điệp	1979	001079034548	29/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
57.	Phan Thanh Chương	1972	019072000933	08/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
58.	Nguyễn Xuân Thuận	1973	034073011629	20/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
59.	Đinh Hữu Khánh	1970	040070000192	21/01/2023	ĐH Mỏ - Địa chất
60.	Phạm Thị Phương Chi	1980	019180000384	23/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
61.	Cao Thu Hoài	1981	042181000530	01/04/2022	ĐH Mỏ - Địa

					chất
62.	Nguyễn Thanh Huyền	1973	001173000098	25/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
63.	Mai Ngọc Liên	1980	036180004898	04/03/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
64.	Nguyễn Thị Thu Thụy	1979	019179000230	27/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
65.	Đặng Ngọc Cương	1986	036086000068	10/5/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
66.	Phạm Công Tú	1972	034072002898	27/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
67.	Nguyễn Hoàng	1988	022088000042	25/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
68.	Nguyễn Hồng Cường	1985	022088000043	27/05/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
69.	Nguyễn Nam Hòa	1983	040083022631	28/06/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
70.	Trần Văn Được	1983	033083003736	7/12/2023	ĐH Mỏ - Địa chất
71.	Trần Ngọc Tuân	1990	001090052200	10/5/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
72.	Vũ Hồng Dương	1989	001089007135	24/02/1989	ĐH Mỏ - Địa chất
73.	Nguyễn Duy Mười	1984	026084008495	16/07/2024	ĐH Mỏ - Địa chất
74.	Nhữ Việt Hà	1978	035078000432	03/03/1978	ĐH Mỏ - Địa chất
75.	Trần Vũ Long	1983	001083000876	21/08/1983	ĐH Mỏ - Địa chất
76.	Phùng Hữu Hải	1981	034081009864	10/05/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
77.	Hà Thành Như	1979	035079002007	19/4/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
78.	Đỗ Việt Anh	1979	019079000113	27/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
79.	Nguyễn Viết Hùng	1982	038082005358	22/11/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
80.	Đào Hiếu	1982	038082005359	22/11/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
81.	Nguyễn Trường Giang	1978	001078030274	22/4/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
82.	Nguyễn Tiến Sỹ	1989	027089008463	31/12/2021	ĐH Mỏ - Địa chất

83.	Thái Hải Âu	1980	019080000296	16/11/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
84.	Nguyễn Danh Đức	1988	030088013210	19/02/2022	ĐH Mỏ - Địa chất
85.	Phạm Ngọc Quang	1988	001088012535	30/5/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
86.	Phạm Văn Chung	1980	038080017025	29/4/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
87.	Phí Mạnh Phong	1978	001078044484	06/09/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
88.	Ngô Văn Hưởng	1981	035081016510	19/8/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
89.	Nguyễn Tuấn Vương	1981	033081006414	22/8/2023	ĐH Mỏ - Địa chất
90.	Đỗ Cao Cường	1981	036081000319	25/04/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
91.	Nguyễn Văn Dũng	1978	038078001730	08/12/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
92.	Nguyễn Quang Minh	1974	001074004996	24/05/2023	ĐH Mỏ - Địa chất
93.	Đặng Văn Kiên	1980	035080001275	25/03/1980	ĐH Mỏ - Địa chất
94.	Phạm Ngọc Tuấn	1987	036087004537	24/06/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
95.	Nguyễn Tiến Hưng	1980	001080027219	14/042021	ĐH Mỏ - Địa chất
96.	Lê Đình Chiều	1986	033086002938	22/11/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
97.	Phạm Kiên Trung	1988	033088004442	15/08/2022	ĐH Mỏ - Địa chất
98.	Nguyễn Thế Bình	1984	040084030028	11/04/1984	ĐH Mỏ - Địa chất
99.	Đặng Văn Nam	1985	001085043849	10/05/2021	ĐH Mỏ - Địa chất
100.	Nguyễn Hoàng Long	1984	001084037504	13/05/2023	ĐH Mỏ - Địa chất